

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG
NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 189 /2022/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Tên Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
Mã chứng khoán: SGT
Địa chỉ: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, P.Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM
Điện thoại: 08.3715 9909 Fax: 08.5437 1074
Email: info@saigontel.vn Website: www.saigontel.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 262/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/08/2022.
 - Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp nhận kèm các Phụ lục bao gồm:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 03/2021/ĐHĐCD-SGT ngày 11/04/2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 03/2022/ĐHĐCD-SGT ngày 15/04/2022
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/2022/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2022 thông qua phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
 - Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (Tham khảo thông tin tại đường dẫn <http://saigontel.vn/vi/quan-he-co-dong/dieu-le-cong-ty.html>)
 - Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất năm 2020 và 2021, BCTC công ty mẹ và hợp nhất Quý II/2022 của Công ty (Tham khảo thông tin tại đường dẫn <http://saigontel.vn/vi/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>)
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/09/2022 tại đường dẫn <http://saigontel.vn/vi/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng và các Phụ lục đính kèm

Đại diện tổ chức *tl*
Tổng Giám Đốc - Người được UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phuong
NGUYỄN CẨM PHƯƠNG



Số: 262 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORPORATION;

– Tên công ty viết tắt: SAIGONTEL CORP;

– Trụ sở chính: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302615063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 01 năm 2022;



– Vốn điều lệ: 740.019.140.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tỷ không trăm mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 74.001.604 cổ phiếu (*Bảy mươi tư triệu không trăm lẻ một nghìn sáu trăm lẻ bốn cổ phiếu*) cho cổ đông hiện hữu;
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 740.016.040.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi tỷ không trăm mười sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Thị Chân Phương

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302615063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/05/2002, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 19/01/2022)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 82/GCN - UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 8 năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 29/8/2022 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN



Địa chỉ: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3715 9909

Fax: (028) 5437 1074

Website: <http://www.saigontel.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 3, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3820 8116

Fax: 028 3820 8117

Website: <https://www.vcbs.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Nguyễn Cẩm Phương

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Số điện thoại: 028.3715.9909

Fax: 028.5437.1074

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302615063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/05/2002, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 19/01/2022)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 74.001.604 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 740.016.040.000 đồng *(Bảy trăm bốn mươi tỷ, không trăm mười sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).*

TÓ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH



Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 3, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3820 8116

Fax: 028 3820 8117

Website: <https://www.vCBS.com.vn/>

TÓ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC (Tên cũ là: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM)



Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3832 9129

Fax: 028 3834 2957

Website: <http://aisc.com.vn>

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 6 |
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 6 |
| 1. Tổ chức phát hành..... | 6 |
| 2. Tổ chức tư vấn..... | 6 |
| II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 7 |
| 1. Rủi ro về kinh tế..... | 7 |
| 2. Rủi ro về luật pháp..... | 9 |
| 3. Rủi ro đặc thù..... | 9 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán..... | 10 |
| 5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu..... | 11 |
| 6. Rủi ro quản trị công ty..... | 14 |
| 7. Rủi ro khác..... | 14 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM..... | 15 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 16 |
| 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành..... | 16 |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành..... | 16 |
| 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành..... | 21 |
| 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành..... | 21 |
| 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối từ năm 2019 đến nay ... | 25 |
| 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành..... | 28 |
| 7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác..... | 28 |
| 7.1. Thông tin về các khoản góp vốn..... | 28 |
| 7.2. Thông tin về các khoản thoái vốn..... | 29 |
| 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành..... | 29 |
| 8.1. Cổ phiếu phổ thông..... | 29 |
| 8.2. Cổ phiếu ưu đãi..... | 29 |
| 8.3. Các loại chứng khoán khác..... | 29 |
| 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài..... | 29 |
| 10. Hoạt động kinh doanh..... | 30 |
| 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh..... | 30 |
| 10.2. Tài sản..... | 40 |
| 10.3. Thị trường hoạt động..... | 42 |
| 10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính..... | 42 |

| | |
|---|----|
| 10.5. Các hợp đồng lớn..... | 49 |
| 10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn..... | 51 |
| 10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành..... | 51 |
| 10.8. Hoạt động Marketing..... | 57 |
| 10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế..... | 58 |
| 10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển..... | 58 |
| 10.11. Chiến lược kinh doanh..... | 60 |
| 10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện..... | 61 |
| 11. Chính sách đối với người lao động..... | 62 |
| 11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty..... | 62 |
| 11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp..... | 63 |
| 11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động..... | 65 |
| 12. Chính sách cổ tức..... | 65 |
| 13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất..... | 65 |
| 14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành..... | 65 |
| 15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán..... | 66 |
| 16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích..... | 66 |
| V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH..... | 67 |
| 1. Kết quả hoạt động kinh doanh..... | 67 |
| 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất..... | 67 |
| 1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành..... | 68 |
| 2. Tình hình tài chính..... | 69 |
| 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản..... | 69 |
| 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 83 |
| 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành..... | 84 |
| 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức..... | 85 |
| VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG..... | 88 |
| 1. Thông tin về cổ đông sáng lập..... | 88 |
| 2. Thông tin về cổ đông lớn..... | 88 |

| | | |
|-------|--|-----|
| 3. | Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng..... | 91 |
| 3.1. | <i>Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</i> | 91 |
| 3.2. | <i>Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</i> | 91 |
| VII. | THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 111 |
| 1. | Loại cổ phiếu | 111 |
| 2. | Mệnh giá..... | 111 |
| 3. | Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán..... | 111 |
| 4. | Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá..... | 111 |
| 5. | Giá chào bán dự kiến..... | 111 |
| 6. | Phương pháp tính giá | 111 |
| 6.1. | <i>Nguyên tắc xác định giá</i> | 111 |
| 6.2. | <i>Xác định giá chào bán</i> | 111 |
| 7. | Phương thức phân phối..... | 111 |
| 8. | Đăng ký mua cổ phiếu..... | 111 |
| 9. | Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu | 113 |
| 10. | Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng | 114 |
| 11. | Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu..... | 114 |
| 12. | Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành | 114 |
| 13. | Hủy bỏ đợt chào bán | 114 |
| 14. | Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài..... | 114 |
| 15. | Các loại thuế có liên quan..... | 115 |
| 16. | Thông tin về các cam kết..... | 116 |
| VIII. | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 117 |
| IX. | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 118 |
| X. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN | 130 |
| 1. | Tổ chức kiểm toán..... | 130 |
| 2. | Tổ chức tư vấn | 130 |
| XI. | CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ..... | 131 |
| XII. | NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN | 132 |
| XIII. | PHỤ LỤC | 133 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành****Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn****Ông Đặng Thành Tâm** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị**Bà Nguyễn Cẩm Phương** Chức vụ: Tổng Giám đốc**Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm quyền Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh****Ông Trần Quốc Việt** Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

(Theo Giấy ủy quyền số 31/2020/UQ-VCBS-KSNB ngày 09/07/2020 của Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/2021/VCBS-TVTCN.HCM ngày 12 tháng 10 năm 2021 với Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn cung cấp.

Theo GPĐKD số 09/GPĐKD ngày 24/04/2002 và GPĐC số 63/GPĐC-UBCK ngày 29/12/2017. Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được phép thực hiện các nghiệp vụ Môi giới, Tự doanh, Báo lãnh phát hành, Quản lý danh mục đầu tư, Tư vấn đầu tư chứng khoán với mức vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại là 1.000 tỷ đồng./.

<Phần còn lại của trang được chủ ý để trống>

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân thương mại, dịch bệnh... Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó đem lại. Là một doanh nghiệp tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế giúp dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1 Rủi ro về tăng trưởng

Nền kinh tế được dự báo có tăng trưởng tích cực được xem là nền tảng giúp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong ngắn hạn và là tác động phát tín hiệu để duy trì hoạt động đó trong trung và dài hạn. GDP (tổng sản phẩm quốc nội) được xem là thước đo tổng quát nhất cho sự tăng trưởng đó.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê ("GSO"), GDP Việt Nam năm 2021 tăng 2,58% thấp hơn mức tăng 2,91% của năm 2020. Trong đó GDP Việt Nam quý IV/2021 tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011-2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 5,42%. Về sử dụng GDP quý IV/2021, tiêu dùng tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,37%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,28%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,36%.

Kinh tế - xã hội nước ta sáu tháng đầu năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu bắt đầu được khôi phục. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu.

GDP quý II/2022 tăng trưởng 7,72%, cao nhất trong hơn một thập kỷ, GDP 6 tháng cũng tăng 6,42%. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì và phục hồi làm cho chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều ngành công nghiệp trọng điểm tăng trưởng cao so cùng kỳ năm trước như: Sản xuất trang phục tăng 23,3%; sản xuất thiết bị điện tử tăng 22,2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 17,5%;...

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, ngành công nghệ thông tin tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng. Năm 2021 tổng doanh thu ngành công nghệ thông tin và viễn thông đạt 136,153 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2020. Số lượng doanh nghiệp công nghệ số tại Việt Nam trong năm 2021 đạt 64.000 doanh nghiệp, tăng 9,5% so với năm 2020. Về doanh thu công nghệ thông tin viễn thông trong 5 tháng năm 2022 ước đạt 57 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Với sự tăng trưởng doanh thu trong những tháng đầu năm 2022 lạc quan như vậy, ngành công nghệ thông tin và viễn thông được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh vào những tháng cuối năm nhờ lực đẩy từ làn sóng chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, nhu cầu đầu tư công nghệ... giúp cải thiện hiệu quả hoạt động vận hành và giảm thiểu chi phí sản xuất trên mọi lĩnh vực.

1.2 Rủi ro về lạm phát

Mức lạm phát của Việt Nam trong năm là 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Trong năm 2021, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 22 đợt, trong đó giá xăng A95 tăng 6.820 đồng/lit; giá xăng E5 tăng 7.040 đồng/lit và giá dầu diesel tăng 5.200 đồng/lit. So với năm trước, giá xăng dầu trong nước bình quân năm tăng 31,74%, làm lạm phát chung tăng 1,14 điểm phần trăm, giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Trong năm 2021, giá bán lẻ gas trong nước được điều chỉnh tăng 9 đợt và giảm 3 đợt, bình quân năm 2021 gas tăng 25,89% so với năm trước, làm lạm phát chung tăng 0,38 điểm phần trăm.

Tính bình quân 6 tháng đầu năm 2022, lạm phát cơ bản của Việt Nam tăng 1,25% so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu trong nước liên tục tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới, giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển. Trên thế giới, lạm phát tại nhiều nước đạt mức kỷ lục trong tháng 5 năm 2022, lạm phát của Mỹ tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước, khu vực đồng Euro tăng 8,1%, Thái Lan tăng 7,1%; Nhật Bản tăng 2,5%; Trung Quốc tăng 2,1%.

Với những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới trong năm 2022 tới đây, nền kinh tế vẫn còn phải đối mặt với những nguy cơ bất ổn và lạm phát có thể quay trở lại bất cứ lúc nào, đặc biệt khi virus Omicron và Delta xuất hiện tại nhiều quốc gia, tác động tiêu cực tới nền kinh tế. Tuy nhiên, khi lạm phát tăng, các chi phí hoạt động của Công ty tăng, trong khi doanh thu không có nhiều thay đổi. Nếu không điều chỉnh giá bán hàng và cung cấp dịch vụ có thể làm giảm lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

1.3 Rủi ro về lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động đến tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh nên ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

So với thời điểm trước dịch, lãi suất cho vay bình quân cuối năm 2021 đã ghi nhận mức giảm khoảng 1%/năm. Lãi suất tiền gửi được điều chỉnh mức giảm khoảng 1,5%/năm so với trước dịch. Đến thời điểm báo cáo, lãi suất cho vay VND của các ngân hàng thương mại nhà nước được duy trì ở mức 5-6%/năm cho các khoản vay ngắn hạn và 7-9%/năm cho các khoản vay dài hạn (áp dụng cho tối đa 12 tháng đầu). Đối với một số ngành, lĩnh vực ưu tiên, lãi vay ngắn hạn chỉ quanh mức 4,5%/năm. Song song với việc điều chỉnh giá lãi suất cho vay, lãi suất huy động vốn của các ngân hàng này cũng được điều chỉnh giảm theo chính sách điều hành của Ngân hàng nhà nước. Cụ thể lãi suất huy động VND phổ biến ở mức 0.1-0.2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,7-4,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4-6,4% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; 6%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

Nhìn chung, lãi suất năm 2022 được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp theo như chủ trương của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), qua đó hỗ trợ tích cực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo ổn định hoạt động của các thị trường tiền tệ, ngoại hối. Ngân hàng Nhà nước đã duy trì ổn định mức lãi suất điều hành và trần lãi suất huy động bằng VND, kết hợp với chính sách điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động USD, đảm bảo duy trì khoảng chênh lệch hợp lý giữa

lãi suất VND và lãi suất USD.

Hiện nay với sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành quản lý thì yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn. Tuy nhiên, do hệ số nợ trong cơ cấu vốn của Công ty là tương đối lớn cùng với sự biến động ngày càng phức tạp nên trong dài hạn rủi ro về lãi suất là một yếu tố rủi ro tài chính tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4 Rủi ro kinh tế khác

Đại dịch COVID-19 đã tác động rất lớn tới kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam trong năm 2021. Tính đến cuối năm 2021, nợ công khoảng 43,7% GDP, nợ Chính phủ khoảng 39,5% GDP, nợ nước ngoài quốc gia khoảng 39% GDP, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu ngân sách Nhà nước dưới 23%; chi tiêu nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ (không bao gồm trả nợ gốc ngắn hạn) khoảng 6,3%. Lũy kế giải ngân vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc dự án chỉ đầu tư công của ngân sách trung ương ước đạt 13.795 tỷ đồng, bằng 23,95%; giải ngân của các bộ, ngành Trung ương là 5.558,42 tỷ đồng, bằng 33,41%.

Với bức tranh khởi sắc của nền kinh tế cùng với những đặc thù riêng của ngành sản xuất công nghệ viễn thông nên hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn được đánh giá là sẽ khá quan và ít chịu ảnh hưởng của rủi ro kinh tế hơn những công ty hoạt động trong các lĩnh vực khác.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế ... Bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, vì thế những thay đổi, điều chỉnh thường xuyên là điều không thể tránh khỏi. Đây là rủi ro pháp lý thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam cũng như luật quốc tế của các quốc gia giao thương hàng hóa với Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro thị trường

Thị trường công nghệ thông tin và viễn thông Việt Nam có hàng nghìn doanh nghiệp tham gia, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài. Sự cạnh tranh diễn ra giữa các doanh nghiệp trong ngành và cả giữa các hãng cung cấp các thiết bị, sản phẩm phục vụ cho chính các doanh nghiệp đó. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO thì sự cạnh tranh này ngày càng khốc liệt hơn. Đó là sự cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài thành lập mới mà có khả năng tài chính mạnh, trình độ quản lý chuyên nghiệp, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm thương trường ... Chính những lợi thế này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho họ tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới với giá thấp hơn và chế độ hậu mãi cao.

Do vậy, để giữ vị thế cạnh tranh trong thị trường hội nhập, Công ty cần phải tiếp tục đổi mới trong hoạt động và quản lý doanh nghiệp, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ và chủ động về công

nghệ, mở rộng đối tượng khách hàng sang các thị trường, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có chính sách đãi ngộ trong việc thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

3.2 Rủi ro về giá nguyên liệu

Do hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin – viễn thông, Công ty có nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ kiện ... đầu vào từ nước ngoài. Vì vậy, những biến động giá của nguồn đầu vào này trên thị trường thế giới sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, chi phí nguồn lao động chất lượng cao trong ngành công nghệ thông tin – viễn thông ngày càng tăng cao cũng là yếu tố rủi ro doanh nghiệp cần tính đến.

3.3 Rủi ro về tỷ giá

Các thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty nhập khẩu được thanh toán bằng đồng Đô la (USD). Trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới, Ngân hàng nhà nước đã có những chỉ đạo kịp thời để đảm bảo thị trường ổn định và phát triển bền vững. Cuối năm 2021, tỷ giá USD/VND ghi nhận đợt tăng giảm thất thường với biên độ lớn. Thực tế, ngay từ tháng đầu tiên của năm 2022, Ngân hàng Nhà nước đã phải điều chỉnh giảm 100 VND ở chiều mua và cũng đó, ban hành chính sách bán ngoại tệ kỳ hạn 3 tháng có huy ngang với giá 23.050 VND/USD (thấp hơn 100 VND so với trước đó). Trong 6 tháng đầu năm, tỷ giá có thời điểm biến động mạnh, chủ yếu là do đồng USD lên giá. Đặc biệt là kể từ tháng 5/2022 khi Cục dự trữ liên bang Mỹ đã liên tiếp có những động thái tăng lãi suất cơ bản (hiện đang ở mức 1,5-1,75%) nhằm kiểm soát lạm phát. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tiền đồng đã mất giá khoảng 2,0% và hiện vẫn là một trong những đồng tiền mất giá ít nhất trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Trong bối cảnh tỷ giá có thể có những biến động phức tạp và khó lường, để kiểm soát rủi ro từ vấn đề biến động tỷ giá, Công ty luôn chú tâm theo dõi các diễn biến tỷ giá, nhằm đánh giá, dự đoán xu hướng, để có thể hạn chế đến mức tối đa những biến động của tỷ giá gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3.4 Rủi ro đặc thù ngành

Xu thế hội nhập toàn cầu được diễn ra mạnh mẽ trong các lĩnh vực, ngành nghề của nền kinh tế. Những ứng dụng tiên tiến của công nghệ thông tin và truyền thông làm cho quá trình này được diễn ra càng nhanh và rộng hơn. Do đặc thù của ngành, các sản phẩm, giải pháp công nghệ thông tin và viễn thông liên tục được đổi mới và rất nhanh bị lỗi thời. Trong khi cơ sở hạ tầng của ngành công nghệ thông tin và viễn thông của Việt Nam chưa được đầu tư đồng bộ, công nghệ cũ kỹ, lạc hậu, trình độ dân trí về viễn thông và công nghệ thông tin chưa cao, đội ngũ lao động thiếu và dễ bị biến động sẽ gây ra không ít khó khăn ảnh hưởng đến tốc độ và chiến lược phát triển của các doanh nghiệp trong ngành công nghệ thông tin và viễn thông.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Rủi ro về đợt chào bán:

Giá tham chiếu bình quân của cổ phiếu SGT trong 30 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 27/06/2022 đến ngày 05/08/2022) là 26.027 đồng/cổ phiếu, tuy nhiên, tới thời điểm chính thức chào bán cổ phiếu, thị trường chứng khoán có thể biến động theo những chiều hướng mà Công ty không kiểm soát được và giá cổ phiếu SGT có thể biến động theo chiều hướng tiêu cực, và đợt chào bán này không có bảo lãnh phát hành nên có thể dẫn tới khả năng Công ty không chào bán hết số cổ phần dự kiến chào bán thêm.

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đã đăng ký nên số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo đúng dự kiến để thực

hiện bổ sung nguồn vốn và trả nợ vay. Vì vậy tùy theo tình hình thực tế, ĐHĐCĐ của Công ty đã ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối số cổ phiếu còn lại của cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp số vốn huy động được không đủ cho các mục đích sử dụng vốn, Hội đồng quản trị có trách nhiệm huy động các nguồn vốn khác như vay vốn từ các cá nhân, tổ chức hoặc sử dụng các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty đồng thời có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc bù đắp phần vốn thiếu hụt huy động từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Tuy nhiên, trong lần chào bán này, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho đối tượng nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu - là những người am hiểu tình hình hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển cũng như năng lực quản lý của ban lãnh đạo Công ty. Ngoài ra, giá dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu là bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, với mức chênh lệch giữa giá thị trường và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu như trên thì khả năng Công ty có thể phân phối hết số cổ phiếu dự kiến chào bán là khá thí.

Đối với rủi ro về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng để: (i) bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, (ii) tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực tài chính cho Công ty. Việc Công ty thực hiện tăng vốn và tái cơ cấu các khoản vay sẽ giúp cho hệ số nợ trong cơ cấu vốn giảm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định hơn. Tuy nhiên, việc phát hành kéo dài sẽ làm ảnh hưởng tới tiến độ thanh toán của các hợp đồng kéo theo sự thay đổi của mục đích sử dụng vốn. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ quá trình sử dụng vốn để đảm bảo số tiền thu được từ đợt chào bán được giải ngân theo đúng mục đích, tuân thủ các quy định về kế toán, kiểm toán và công bố thông tin theo đúng quy định.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Rủi ro pha loãng cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Do đợt phát hành được dự kiến thực hiện vào Quý 2 năm 2022 nên có thể dẫn tới các rủi ro pha loãng cổ phiếu trong năm 2022. Sau khi đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư cần xem xét một số vấn đề sau:

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu.

Cách tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}^1}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Với kết quả kinh doanh đạt được trong cả năm 2021, lợi nhuận sau thuế đạt 68,3 tỷ đồng, EPS tại thời điểm 31/12/2021 ước đạt 923 đồng/cổ phiếu. Với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2022 ước đạt 300 tỷ đồng thì EPS dự kiến năm 2022 của SGT trước và sau khi phát hành thêm cổ phiếu như sau:

¹Công ty không có cổ phiếu ưu đãi

| | | | | | | |
|---|---|---|---|-----------------|---|---------------------------|
| EPS 2021 (Tính đến 31/12/2021) | = | Lợi nhuận sau thuế cả năm 2021 | = | 68.276.045.666 | = | 923 đồng/cổ phiếu |
| | | Tổng số lượng CP lưu hành bình quần | | 74.001.604 | | |
| EPS dự kiến năm 2022 (Trường hợp SGT không phát hành thêm cổ phiếu) | = | Lợi nhuận sau thuế cả năm 2022 | = | 300.000.000.000 | = | 4.054 đồng/cổ phiếu |
| | | Tổng số lượng CP lưu hành BQ trong năm 2022 | | 74.001.604 | | |
| EPS dự kiến năm 2022 (Trường hợp SGT phát hành thêm cổ phiếu) | = | Lợi nhuận sau thuế cả năm 2022 | = | 300.000.000.000 | = | 3.473 đồng/cổ phiếu |
| | | Tổng số lượng CP lưu hành BQ trong năm 2022 (*) | | 86.368.995 | | |

(*) Trong đợt chào bán này, Công ty dự kiến chào bán 74.001.604 cổ phiếu. Giá sử ngày hoàn thành đợt chào bán là ngày 31/10/2022, thời gian số cổ phiếu mới lưu hành sẽ là 2 tháng, tương đương 61 ngày. Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân tính đến 31/12/2022 = $(74.001.604 * 365 + 74.001.604 * 61) / 365 = 86.368.995$ cổ phiếu.

Như vậy, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần sau khi Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn chào bán thành công có thể giảm 581 đồng (tương ứng mức giảm 14,33%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

5.2 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên cổ phiếu.

$$\text{Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021: 1.042.526.406.984 đồng

Vốn chủ sở hữu dự kiến sau khi chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng: $1.042.526.406.984 + 740.016.040.000 - 1.782.542.446.984$ đồng

Số lượng cổ phiếu lưu hành tại 31/12/2021: 74.001.604 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng: 148.003.208 cổ phiếu.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách có thể xảy ra như sau:

Trước khi phát hành thêm:

$$\text{Giá trị sổ sách}_{31/12/2021} = \frac{1.042.526.406.984}{74.001.604} = 14.087 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Sau khi phát hành thêm:

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị sổ sách}_{\text{trước khi}} \\ \text{phát hành thêm} \end{array} = \frac{1.782.542.446.984}{148.003.208} = 12.044 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá trị sổ sách trên cổ phiếu của Công ty sau khi Công ty Cổ phần Công nghệ Viện Thông Sài Gòn chào bán thành công có thể giảm 2.043 đồng/cổ phiếu (tương ứng mức giảm 14,5%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

5.3 Pha loãng tỷ lệ biểu quyết

Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

5.4 Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu

Việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với mức giá thấp hơn giá thị trường sẽ khiến giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá tham chiếu} \\ \text{ngày (XR)} \end{array} = \frac{(\text{Giá đóng cửa trước ngày XR} * \text{KLCP được nhận quyền mua} + \text{Giá phát hành} * \text{KLCP phát hành thêm})}{\text{Tổng KLCP sau khi phát hành}}$$

Trong đó:

Giá tham chiếu ngày (XR): là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn;

Giá đóng cửa trước ngày XR: là giá cổ phiếu phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền;

Giá phát hành: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Giá định giá thị trường của cổ phiếu SGT tại ngày giao dịch không hưởng quyền là 30.000 đồng/cổ phiếu và tỷ lệ chào bán thành công là 100%. Giá tham chiếu điều chỉnh của cổ phiếu SGT sau khi pha loãng là:

$$\begin{array}{l} \text{Giá tham chiếu của} \\ \text{cổ phiếu SGT tại} \\ \text{ngày giao dịch} \\ \text{không hưởng quyền} \end{array} = \frac{74.001.604 \times 30.000 + 74.001.604 \times 10.000}{74.001.604 + 74.001.604} = 20.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá tham chiếu điều chỉnh của cổ phiếu SGT sau khi Công ty Cổ phần Công nghệ Viện Thông Sài Gòn chào bán thành công có thể giảm 10.000 đồng/cổ phiếu (tương ứng mức giảm 33,33%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

Những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ giảm đi nếu như Công ty hoạt động thật sự tốt, những dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán thật sự đem lại hiệu quả như phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị là loại rủi ro xuất phát từ việc quản trị Công ty, có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Những nội dung liên quan tới quản trị công ty bao gồm: cơ cấu cổ đông, cơ cấu quản trị, mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các bên liên quan ...

Đối với Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn, sau khi chào bán quy mô vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng đáng kể, việc này sẽ kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sao cho hiệu quả. Tuy nhiên, do đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nên cơ cấu cổ đông của Công ty sẽ không có nhiều thay đổi so với trước khi thực hiện chào bán. Bên cạnh đó với bề dày lịch sử hoạt động cùng với đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, Công ty có thể phần nào hạn chế được rủi ro này.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn ... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty.

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|---|--|
| BCTC: | Báo cáo tài chính |
| BKS: | Ban kiểm soát |
| CBCNV: | Cán bộ công nhân viên |
| Công ty / SaigonTel/ SGT / Tổ chức phát hành / TCPH: | Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn |
| CTCP: | Công ty cổ phần |
| DHDCĐ: | Đại hội đồng cổ đông |
| DTT: | Doanh thu thuần |
| GCN ĐKDN: | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| HDQT: | Hội đồng quản trị |
| HOSE: | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| Sở KHĐT: | Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh |
| STT: | Số thứ tự |
| Tp.HCM: | Thành phố Hồ Chí Minh |
| Tổ chức tư vấn/VCBS: | Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| UBCKNN: | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| VĐL: | Vốn điều lệ |
| VSD: | Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên công ty đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN
- Tên công ty viết tắt : SAIGONTEL CORP
- Tên công ty viết : SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES
bằng tiếng Anh CORPORATION
- GCN ĐKDN : Số 0302615063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/05/2002, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 19/01/2022
- Địa chỉ trụ sở chính : Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại (028) 3751 9909 Số fax: (028) 5437 1074
- Vốn điều lệ : 740.019.140.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi tỷ không trăm mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Website : <http://www.saigontel.vn/>
- Sàn niêm yết : HOSE
- Mã cổ phiếu : SGT
- Người đại diện theo pháp luật: Đặng Thành Tâm – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

| Năm | Chi tiết |
|------|---|
| 2002 | Ngày 14/05/2002, SaigonTel được thành lập và chính thức hoạt động với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Nhờ sự hậu thuẫn từ Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn và xác định viễn thông là một trong những ngành nghề phát triển nhất trong tương lai, ngay sau khi thành lập, SaigonTel đã chính thức cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao ở KCN Tân Tạo và KCN Việt Nam – Singapore (VSIP). |
| 2004 | Công ty thắng thầu Dự án Tích hợp hệ thống (SI) lớn đầu tiên: “Nâng cấp và mở rộng hệ thống VoIP 171” cho Công ty Điện toán Truyền số liệu VDC (một đơn vị |

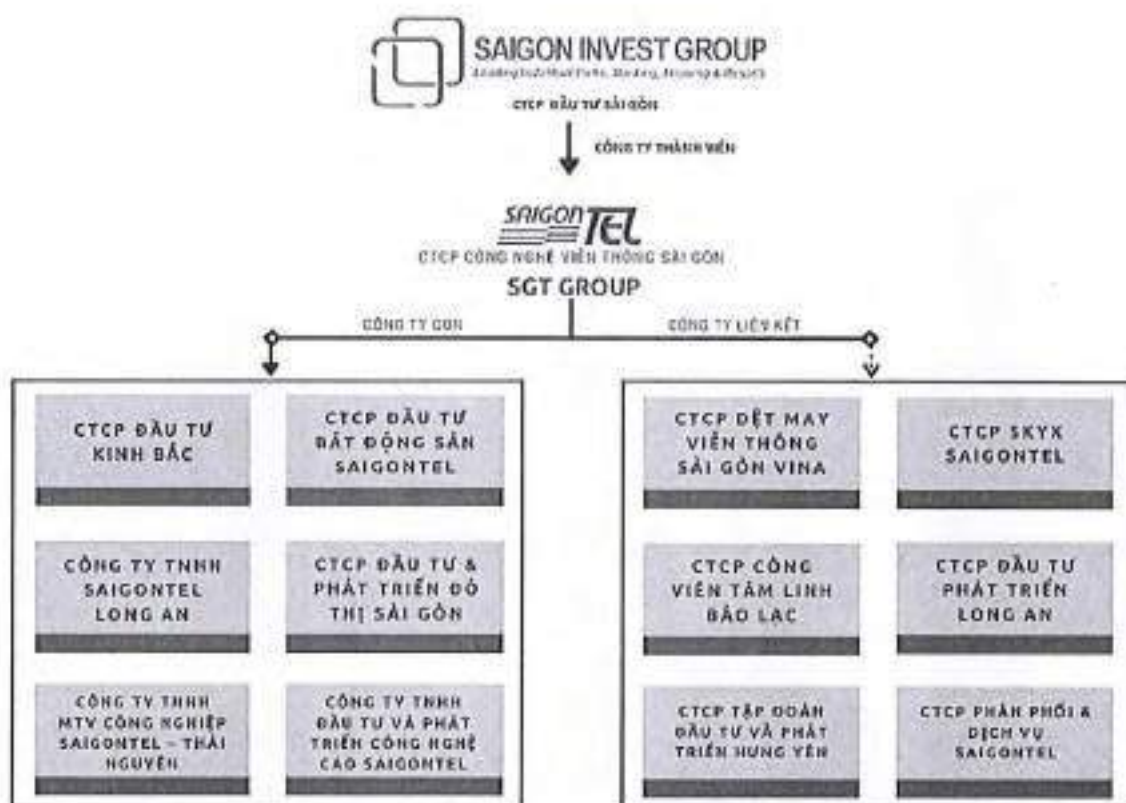
| Năm | Chi tiết |
|------|--|
| | trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, VNPT) và bắt đầu phát triển phần mềm. |
| 2005 | Công ty chính thức được Bộ Bưu chính Viễn thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông ISP (inside plant - dịch vụ truy cập Internet). Cũng trong năm này, Công ty khởi công khu ICT Kinh Bắc (Bắc Ninh) với diện tích ban đầu là 50ha và Cao ốc Saigon ICT tại Công viên Phần mềm Quang Trung (Thành phố Hồ Chí Minh) nhằm phục vụ cho nhu cầu của Công ty, các khách hàng và các đối tác. |
| 2006 | Với mục đích đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực công nghệ thông tin, SaigonTel liên kết với Đại học Hùng Vương thành lập Viện Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và khai giảng khóa huấn luyện nguồn nhân lực công nghệ thông tin đầu tiên cho thị trường Nhật Bản. |
| 2007 | <p>Tháng 1/2007, SaigonTel trở thành cổ đông sáng lập (chiếm 7% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Tháng 2/2007, SaigonTel chính thức kinh doanh Game Online trên thị trường Việt Nam với Game trực tuyến đầu tiên Shaiya. Chỉ sau một năm phát hành, Shaiya đã nhận được rất nhiều giải thưởng: Đơn vị có game mới phát hành được ưa chuộng và là Game Quốc tế Online có thiết kế đồ họa ấn tượng nhất trong năm.</p> <p>Ngày 19/09/2007, SaigonTel chính thức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông OSP (outside plant - ứng dụng internet trong viễn thông)</p> |
| 2008 | Ngày 18/01/2008 đánh dấu một sự kiện khác của SaigonTel: 45 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SGT. |
| 2011 | SaigonTel trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn SPT |
| 2013 | SaigonTel chính thức bước vào thị trường điện thoại di động thông minh với việc trở thành nhà phân phối độc quyền Sharp smartphone; Haier smartphone tại thị trường Việt Nam. |
| 2014 | <p>Tháng 11/2014, SaigonTel thành lập Công ty TNHH MTV SaigonTel chuyên phân phối các sản phẩm, thiết bị viễn thông. Trong những tháng cuối năm, Công ty TNHH MTV SaigonTel đánh dấu bằng sự kiện thắng thầu nhiều dự án lớn, cung cấp các sản phẩm, thiết bị viễn thông cho CTCP Viễn thông Quân đội Viettel và hệ thống Viettel Global; đóng góp hơn 40% doanh thu toàn Công ty.</p> <p>Tháng 12/2014, sự ra đời của CTCP Phân phối và Dịch vụ SaigonTel đánh dấu sự trưởng thành của bộ phận ICT; ngoài mặt hàng kinh doanh chiến lược là điện thoại</p> |

| Năm | Chi tiết |
|------|--|
| | <p>di động; Công ty phân phối chính thức được Ban lãnh đạo giao nhiệm vụ kinh doanh thêm ở một số lĩnh vực tiềm năng khác như: cho thuê mặt bằng, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm chức năng,...</p> <p>Cũng trong năm 2014, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng một phần cổ phiếu của CTCP Truyền thông Sắc Mâu Sài Gòn (SGC) cho bên thứ ba, SGC không còn là công ty thành viên của SaigonTel kể từ thời điểm trên.</p> |
| 2015 | <p>CTCP Phân phối và Dịch vụ SaigonTel trong năm đầu tiên hoạt động đã triển khai ký được hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp có thương hiệu lớn và uy tín trên thị trường thế giới như: Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, Zadex,... để thực hiện phân phối một số dòng sản phẩm độc quyền tại thị trường Việt Nam.</p> |
| 2016 | <p>Ngày 06/09/2016, SaigonTel đã tiến hành ký Biên bản ghi nhớ đánh dấu bước hợp tác đầu tiên giữa SaigonTel và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil) trong việc hợp tác kinh doanh xăng dầu tại các khu công nghiệp.</p> <p>Cũng trong năm 2016, bên cạnh những cột mốc đáng nhớ của Công ty mẹ, đơn vị thành viên Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ (SDJ) cũng trở thành nhà phân phối độc quyền nhãn hàng Seagate tại Việt Nam với mảng ổ cứng cắm ngoài, linh kiện HP tại thị trường Việt Nam.</p> |
| 2017 | <p>Tháng 3/2017, SaigonTel ký kết với China Unicom Americas Operation Ltd. - đối tác cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông quốc tế tại Mỹ.</p> <p>Ngày 19/09/2017, SaigonTel ký kết ghi nhớ hợp tác với Fujian Provincial Communication Transportation Group Co., Ltd là Tập đoàn Giao thông Vận tải lớn nhất tỉnh Phúc Kiến về việc hợp tác trên các lĩnh vực: vận tải, logistics, kho bãi, phát triển cơ sở dữ liệu, thiết lập big data, Giáo dục và Đào tạo nghề vận tải.</p> <p>Ngày 27/11/2017, khai trương Cửa hàng Xăng dầu liên danh giữa SaigonTel và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil) tại Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn</p> |
| 2018 | <p>Với tư cách là đối tác chiến lược của Microsoft, SaigonTel đã tổ chức triển lãm giải pháp công nghệ về phát triển Khu công nghiệp thông minh – SMART INDUSTRIAL ZONE tại khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn nhằm giới thiệu các giải pháp công nghệ đến các doanh nghiệp.</p> |
| 2019 | <p>Ngày 15/05/2019, SaigonTel và Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel đã ký kết hợp tác xây dựng Khu công nghiệp thông minh kiểu mẫu.</p> <p>Ngày 16/09/2019, SaigonTel đã ký kết hợp tác chiến lược với Công Ty Australian Advisory về việc thu hút đầu tư quốc tế vào cả Việt Nam và Australia.</p> |
| 2020 | <ul style="list-style-type: none"> • Là một năm chuyển mình mạnh mẽ trong cơ cấu kinh doanh của SAIGONTEL, với định hướng phát triển theo mô hình “công nghiệp - đô thị - dịch vụ” |

| Năm | Chi tiết |
|-----|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> • Ngày 02/01/2020, SAIGONTEL ký kết Biên bản Ghi nhớ với Ban Xúc Tiến và Hỗ Trợ Đầu Tư Tp.Đà Nẵng, chính thức trở thành đại diện thành phố trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư vào Tp.Đà Nẵng. • Ngày 16/01/2020, SAIGONTEL và CTCP SkyXSolar ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác nhằm thành lập công ty phát triển và xây dựng các dự án điện mặt trời áp mái trong các KCN mà SAIGONTEL, bên liên kết hoặc đối tác của SAIGONTEL đang sở hữu, quản lý hoặc hợp tác. • Tháng 01/2020, UBND tỉnh Bắc Ninh ra quyết định phê duyệt việc thành lập KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn II với quy mô dự án 96 ha, tổng mức đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng. Theo đó quỹ đất công nghiệp của SAIGONTEL tiếp tục gia tăng nhanh chóng nhận được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư lớn. • Ngày 10/03/2020, SAIGONTEL ký kết hợp tác chiến lược với CTCP Đầu tư Sài Gòn - Huế với mục tiêu hợp tác cùng phát triển KCN và Khu Phi Thuế Quan Sài Gòn - Chân Mây thuộc Khu Kinh tế Chân Mây. • Tháng 07/2020, SAIGONTEL thông qua đơn vị thành viên của mình là CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Gòn (SGU) khởi công xây dựng Dự án Nhà ở Xã hội Khu đô thị Bàu Tràm Lakeside, Đà Nẵng. Dự án dự kiến bàn giao sản phẩm trong Quý 1/2022 đáp ứng nhu cầu nhà ở cấp thiết của người lao động trong và lân cận các KCN. • Tháng 08/2020 SAIGONTEL liên doanh với SkyXSolar (thuộc Vinacapital) thành lập CTCP SkyXSAIGONTEL để phát triển các dự án điện năng lượng mặt trời áp mái trong các KCN thuộc sở hữu SAIGONTEL và các bên liên kết. Ngay sau khi thành lập, SkyXSAIGONTEL đã thành công ký kết hợp đồng triển khai điện mặt trời áp mái cho nhà máy Eurowindow Miền Trung tại Đà Nẵng, đồng thời đặt mục tiêu phát triển thành công 50++MW trong vòng 2 năm tới với tổng mức đầu tư dự kiến 34 triệu USD. • Tháng 09/2020, UBND Tp.Đà Nẵng, Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao và Các KCN Đà Nẵng long trọng tổ chức lễ trao chứng nhận đầu tư cho dự án nhà xưởng cho thuê của SAIGONTEL trong khu công nghệ cao Đà Nẵng với quy mô giai đoạn 1 là 15ha, tổng mức đầu tư 600 tỷ đồng. Quy hoạch khu nhà xưởng cho thuê của SAIGONTEL có tổng quy mô 30ha. • Ngày 23/10/2020, SAIGONTEL ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Asian Coast Development (ACDL) nhằm mục tiêu hợp tác, thành lập công ty liên doanh để triển khai và phát triển Dự án Tổ hợp vui chơi giải trí tại Thị trấn Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án là sự kết hợp mô hình du lịch nghỉ dưỡng với bộ môn thể thao trường đua ngựa, dự kiến sẽ góp phần thay đổi diện mạo cho thị trường du lịch nghỉ dưỡng Tp.biển. Hai bên cũng sẽ thành lập công ty liên doanh để điều hành và phát triển dự án trong thời gian tới. • Tháng 12/2020, SAIGONTEL liên minh với Microsoft (Tập đoàn công nghệ hàng đầu Hoa Kỳ) - PWC (1 trong 4 công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế |

| Năm | Chi tiết |
|------|---|
| | <p>giới) và NGS (đối tác triển khai các giải pháp công nghệ) để tư vấn chiến lược “chuyển đổi số” cho các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Long An.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày 25/12/2020, SAIGONTEL vinh dự được Tp.Đà Nẵng vinh danh là đơn vị đã có nhiều đóng góp trong công tác đẩy mạnh thu hút đầu tư của thành phố trong giai đoạn 2016 - 2020 với nhiều hoạt động hiệu quả như: tổ chức thành công hội nghị xúc tiến đầu tư Hàn Quốc trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam vào tháng 12/2020; thu hút thành công dự án nhà máy sản xuất linh kiện bán dẫn United State Enterprise, LG và một số đối tác khác đầu tư vào khu công nghệ cao Đà Nẵng; kết nối thành phố kí kết hợp tác với các hiệp hội công nghệ cao Hàn Quốc. Dấu ấn này một lần nữa khẳng định năng lực thu hút đầu tư của SAIGONTEL cho các dự án, KCN mà SAIGONTEL đang đầu tư và cũng là tiền đề để nhiều địa phương khác như Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hải Dương, Thái Nguyên, Quảng Ninh... cũng tin tưởng và chuẩn bị kí kết hợp tác để SAIGONTEL trở thành đại diện xúc tiến đầu tư trong những năm tiếp theo. |
| 2021 | <ul style="list-style-type: none"> • Tháng 01/2021, SAIGONTEL ký kết tài trợ lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tài trợ thực hiện chuyển đổi số cho tỉnh Long An và Thái Nguyên. • Ngày 25/01/2021 SAIGONTEL và Công ty TNHH SMBL đã tổ chức Lễ ký kết hợp tác chiến lược trong kế hoạch thu hút đầu tư Hàn Quốc vào các KCN, khu công nghệ cao mà SAIGONTEL đầu tư tại Việt Nam. • Ngày 13/04/2021 SAIGONTEL khởi công dự án Nhà ở Xã hội Ori Garden” do CTCP Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng (SDN) làm chủ đầu tư và CTCP và Phát triển Đô thị Sài Gòn (SGU) - công ty thành viên thuộc hệ sinh thái của CTCP Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn (SAIGONTEL) - làm đơn vị phát triển dự án. • Ngày 15/04/2021 SAIGONTEL nhận quyết định thành lập 3 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Cụm công nghiệp Tân Phú 2, Cụm công nghiệp Lương Sơn - Tp.Sông Công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. • Ngày 14/05/2021 SAIGONTEL ký kết biên bản ghi nhớ tài trợ phát triển hạ tầng và lễ ký kết hợp đồng tài trợ lập quy hoạch tỉnh Hải Dương, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. • Ngày 22/09/2021, Công ty con của SAIGONTEL là Công ty TNHH Saigontel Long An nhận chứng nhận đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Nam Tân Tập. • Ngày 22/09/2021, SAIGONTEL & KBC ký kết với tập đoàn Quantum (Mỹ), thu hút đầu tư 30 tỷ USD vào Việt Nam. • Ngày 11/12/2021 UBND tỉnh Thái Nguyên và Liên minh Công nghệ Saigontel - NGS đã chính thức khai trương nền tảng công dân số đầu tiên của tỉnh - ứng dụng “ThaiNguyen ID”. • Ngày 17/12/2021 SAIGONTEL và công ty Ecologic Engineering đã ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư Việt Nam - Ấn Độ trong lĩnh vực phát triển hạ tầng, công nghiệp và đổi mới sáng tạo với trị giá đầu tư lên đến 4 tỷ USD. |

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành



Hiện tại, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn là công ty thành viên của Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn (Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn).

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn có trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3751 9909 Fax: (028) 5437 1074
- Website: <http://www.saigontel.vn/>

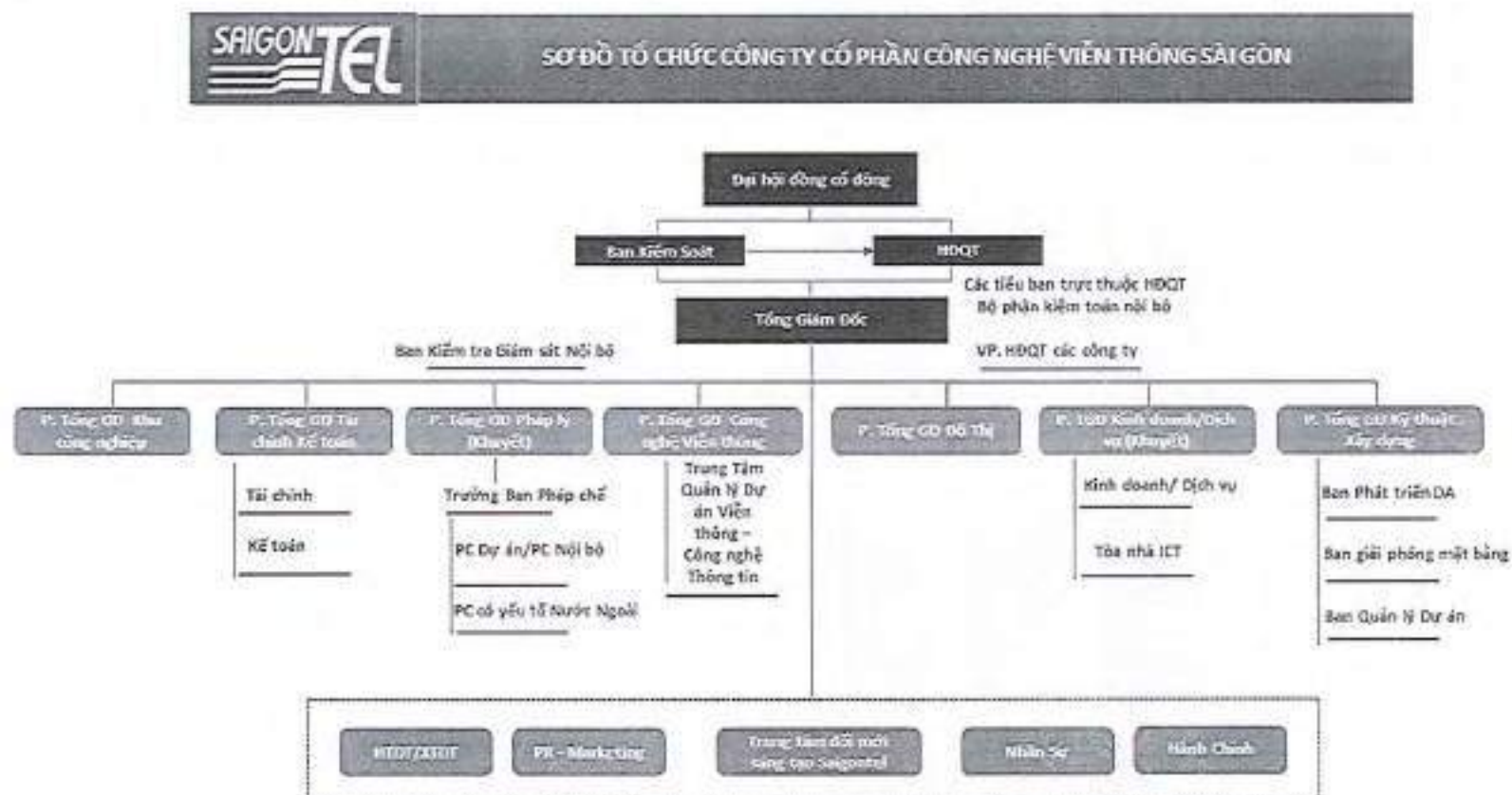
Thông tin chi tiết về các Công ty con và Công ty liên kết được thể hiện ở mục IV.5 Bản Báo Bạch

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty như sau:



- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ sau:
 - Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
 - Quyết định số thành viên của HĐQT; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty, giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.
- **Ban Kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.
- **Tiểu ban trực thuộc HĐQT:** Thẩm tra, tham mưu, và cố vấn cho HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm các tiểu ban sau:

Tiểu ban tài chính:

- + Tham mưu các bản kế hoạch kinh doanh của đơn vị trước những biến động của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Tổ chức các buổi họp với các bên tư vấn, đối tác cho việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các dự án phát triển mới.
- + Thực hiện việc cải tiến cách thức hoạt động của bộ phận Tài chính – Kế toán nhằm nâng cao thực hành quản trị.

Tiểu ban Chính sách Phát triển:

- + Đề ra phương án, giải pháp phát triển hoạt động quản trị kinh doanh của Công ty thông qua chiến lược chuyển đổi số.
- + Xây dựng văn hóa doanh nghiệp (Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi)
- + Cải tiến các quy trình theo mẫu ISO cũ
- **Bộ phận kiểm toán nội bộ:** Bộ phận kiểm toán nội bộ được thành lập bởi HĐQT Công ty. HĐQT quản lý trực tiếp bộ phận kiểm toán nội bộ, đảm bảo tính độc lập về mặt chuyên môn với các bộ phận khác. Kiểm toán nội bộ bao gồm hoạt động đưa ra đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan được thiết kế nhằm tạo thêm giá trị và hoàn thiện các hoạt động của Công ty. Kiểm toán nội bộ giúp cho Công ty đạt được các mục tiêu của mình bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận có nguyên tắc và mang tính hệ thống nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, quy trình kiểm soát và quản trị.
- **Ban Kiểm tra Giám sát nội bộ:** Ban kiểm tra Giám sát Nội bộ hoạt động theo quy chế do

TGD ban hành với mục tiêu: Kiểm tra giám sát các hoạt động đầu tư kinh doanh.

- **Văn Phòng HĐQT:** Văn phòng HĐQT là cơ quan giúp việc cho BDH và HĐQT với chức năng phục vụ hoạt động chỉ đạo của BDH và HĐQT trong quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược.
- **Ban Điều hành:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Bên cạnh đó là các phó Tổng Giám đốc chuyên trách cho từng khối hoạt động của Công ty bao gồm: Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối khu công nghiệp, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính kế toán, Phó Tổng Giám đốc phụ trách pháp lý, Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối Công nghệ Viễn Thông, Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối Bất động sản đô thị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh dịch vụ và Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật.
- **Quyền Kế toán trưởng:** do HĐQT Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng Giám đốc.
- **Các phòng ban nghiệp vụ:**
 - Bộ phận Kế toán có nhiệm vụ và chức năng chính là tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty để định kỳ báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám đốc, đồng thời đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty;
 - Bộ phận Tài chính có nhiệm vụ xem xét và thẩm định các dự án của Công ty để có thể tham mưu, cố vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định đầu tư, đề ra các kế hoạch tài chính cho Công ty; đồng thời theo dõi hoạt động của các bộ phận và đưa ra các báo cáo định kỳ phân tích tình hình hoạt động để Ban Tổng Giám đốc có thể đưa ra các quyết định phù hợp cho hoạt động của Công ty.
 - Bộ phận Pháp chế: Phụ trách tham mưu, tư vấn, phối hợp BQLDA và các phòng ban hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến các Dự án. Chịu trách nhiệm chung về các nội dung chuyên môn pháp lý, tham mưu và hoàn thiện đối với các hồ sơ văn bản Pháp chế nội bộ.
 - Bộ phận Hành chính - Nhân sự: Phụ trách tham mưu cho BDH về tổ chức bộ máy điều hành công ty, quản lý nhân sự, chế độ chính sách và quy chế của công ty.
 - Bộ phận PR – Marketing: Phát triển thương hiệu, nghiên cứu thị trường. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thông tin, truyền thông bao gồm cả Truyền thông nội bộ
 - Bộ phận Hợp Tác Đầu Tư: Phụ trách đầu mối triển khai các công tác đối ngoại, hợp tác đầu tư và xúc tiến đầu tư cho các dự án đang được đầu tư, phát triển
 - Bộ phận kinh doanh/Dịch vụ - Tòa nhà Saigontel ICT: Quản lý vận hành – khai thác dịch vụ - kinh doanh và CSKH tòa nhà ICT và kinh doanh khác theo định hướng.
 - Trung tâm Quản lý Dự án Viễn thông - Công nghệ thông tin:
 - Công nghệ: Dịch vụ truyền số liệu, internet ...

- o Viễn thông: Tư vấn chuyển đổi số, giải pháp thông minh, giáo dục số...
- o Quản lý và tiến hành thực hiện các dự án thuộc mạng viễn thông – công nghệ thông tin
- o Phát triển sản phẩm, phát triển thị trường và mạng lưới thuộc dự án viễn thông – công nghệ thông tin
- o Quản lý hệ thống kỹ thuật nội bộ công ty theo định hướng
- Bộ phận Kỹ thuật Xây Dựng Quản lý dự án: Tổ chức xây dựng triển khai thực hiện dự án, Phát triển dự án: Thực hiện các thủ tục pháp lý giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.
- Bộ phận Giải Phóng Mặt Bằng: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và những hồ sơ thủ tục liên quan.
- Ban quản lý dự án: Tham mưu cho HĐQT và Ban Điều hành trong việc đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Theo đó, các công việc chính của Ban Quản lý dự án bao gồm:
 - Chuẩn bị hoàn thiện các nội dung liên quan đến pháp lý dự án;
 - Lên kế hoạch và tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng;
 - Chủ trì, lên kế hoạch tiến hành đấu thầu cho các dự án xây dựng cơ bản của Công ty;
 - Giám sát, kiểm soát việc tiến hành thi công các dự án xây dựng cơ bản của Công ty.
- 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối từ năm 2019 đến nay
 - Công ty mẹ: Không có
 - Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với SGT: Không có.
 - Công ty con:

| STT | Tên Công ty | Ngày thành lập | GCN ĐKDN | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|------------------------------------|----------------|------------|---|--------------|------------------|
| 1 | CTCP Đầu tư Bất Động Sản SaigonTel | 06/11/2014 | 0106684254 | Bán buôn và sản xuất thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 70% | 70% |
| 2 | CTCP Đầu tư Kinh Bắc (*) | 17/07/2007 | 0102319613 | Kinh doanh máy móc, thiết bị viễn thông, điện tử tin học, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng và xây dựng công trình ... | 100% | 100% |

| STT | Tên Công ty | Ngày thành lập | GCN ĐKDN | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|---|----------------|------------|--|--------------|------------------|
| 3 | CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Gòn | 31/12/2019 | 0109049028 | Xây dựng nhà, đường sắt, đường bộ, đại lý môi giới, công trình điện, cấp thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Kinh doanh bất động sản; Giám sát xây dựng ... | 60% | 60% |
| 4 | Công ty TNHH MTV Công nghiệp SaigonTel – Thái Nguyên (**) | 12/03/2021 | 4601571894 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 100% | 100% |
| 5 | Công ty TNHH SaigonTel Long An | 18/02/2021 | 1101977241 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 75% | 75% |
| 6 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ cao SaigonTel | 20/01/2021 | 0402079923 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 100% | 100% |

Ghi chú:

(*) Theo GCN ĐKDN số 0102319613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/07/2007, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Bắc là 500.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn đã nhận chuyển nhượng cổ phiếu để trở thành cổ đông vào ngày 24/10/2018 theo đúng quy định của pháp luật. Tính đến thời điểm ngày 30/06/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn đã chỉ để nhận chuyển nhượng cổ phần và đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh Bắc số tiền 65.243.000.000 đồng tương đương 13,05% vốn điều lệ đăng ký và chiếm 100% vốn thực góp. Công ty Cổ phần Kinh Bắc đang làm các thủ tục điều chỉnh giảm số vốn điều lệ và thay đổi loại hình doanh nghiệp cho phù hợp tình hình góp vốn thực tế vào công ty.

(**) Theo GCN ĐKDN số 4601571894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 12/03/2021, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công nghiệp SaigonTel – Thái Nguyên là 300.000.000.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 30/06/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn đã đầu tư vào Công ty TNHH MTV Công nghiệp SaigonTel – Thái Nguyên 1.460.000.000 đồng tương đương 0,44% vốn điều lệ đăng ký. Công ty TNHH MTV Công nghiệp

SaigonTel – Thái Nguyên đang làm các thủ tục điều chỉnh giám số vốn điều lệ đăng ký theo đúng số vốn thực góp đến thời điểm này.

▪ Công ty liên kết:

| STT | Tên Công ty | Ngày thành lập | GCN ĐKDN | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|---|----------------|------------|---|--------------|------------------|
| 1 | CTCP SkyX SaigonTel | 03/08/2020 | 0316420755 | Sản xuất điện mặt trời; Bán lẻ máy móc, trang thiết bị điện tử; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dung hữu hình khác | 30% | 30% |
| 2 | CTCP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina | 30/10/2008 | 0306192669 | Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Sản xuất sợi, vải dệt thô và hoàn thiện sản phẩm dệt; May trang phục (trừ trang phục từ lông thú) | 48,93% | 48,93% |
| 3 | CTCP Đầu tư Phát triển Long An | 18/02/2021 | 1101977259 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 40% | 40% |
| 4 | CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 05/02/2021 | 0901095293 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 30% | 30% |
| 5 | CTCP Công viên Tâm Linh Bảo Lạc (*) | 11/01/2021 | 2301163643 | Hoạt động dịch vụ tang lễ | 21% | 30% |
| 6 | CTCP Phân Phối và Dịch Vụ Saigontel (**) | 06/12/2014 | 0313042600 | Sản xuất thực phẩm chức năng, gia vị, nước chấm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông | 36,75% | 36,75% |

(*) Hiện nay, SGT đang sở hữu 70% cổ phần tại CTCP Đầu tư Bất động sản Saigontel, CTCP Đầu tư Bất động sản Saigontel đang sở hữu 30% cổ phần tại CTCP Công viên Tâm linh Bảo Lạc.

(**) Năm 2021 CTCP Phân Phối và Dịch vụ Saigontel là công ty con, đến năm 2022 trở thành công ty liên kết của SGT theo Quyết định số 11A/2022/QĐ-HĐQT ngày 24/03/2022 của Hội đồng quản trị.

- Công ty mà SGT nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

| Thời điểm tăng vốn | Giá trị vốn tăng | Vốn điều lệ sau khi tăng vốn | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|--------------------|------------------|------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| 14/05/2002 | - | 10 tỷ đồng | Vốn điều lệ ban đầu | Sở KHĐT Tp.HCM |
| 19/03/2003 | 13 tỷ đồng | 23 tỷ đồng | Cổ đông góp thêm vốn | Sở KHĐT Tp.HCM |
| 18/01/2007 | 27 tỷ đồng | 50 tỷ đồng | Cổ đông góp thêm vốn | Sở KHĐT Tp.HCM |
| 20/03/2007 | 100 tỷ đồng | 150 tỷ đồng | Cổ đông góp thêm vốn | Sở KHĐT Tp.HCM |
| 08/05/2007 | 60 tỷ đồng | 210 tỷ đồng | Cổ đông góp thêm vốn | Sở KHĐT Tp.HCM |
| 25/06/2007 | 240 tỷ đồng | 450 tỷ đồng | Cổ đông góp thêm vốn | Sở KHĐT Tp.HCM |
| 17/07/2008 | 135 tỷ đồng | 585 tỷ đồng | Trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu | UBCKNN và Sở KHĐT Tp.HCM |
| 29/07/2009 | 87,750 tỷ đồng | 672,750 tỷ đồng | Trả cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu | UBCKNN và Sở KHĐT Tp.HCM |
| 27/08/2010 | 67,269 tỷ đồng | 740,019 tỷ đồng | Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu | UBCKNN và Sở KHĐT Tp.HCM |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.

7.1. Thông tin về các khoản góp vốn

| Thời gian | Tên doanh nghiệp | Giá trị (đồng) | Hình thức góp vốn |
|------------|---|-----------------|-------------------|
| 31/03/2021 | CTCP Đầu tư Phát triển Long An | 600.000.000.000 | Góp vốn bằng tiền |
| 06/05/2021 | CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 540.000.000.000 | Góp vốn bằng tiền |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

7.2. Thông tin về các khoản thoái vốn

Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**8.1. Cổ phiếu phổ thông**

| STT | Loại cổ đông | Số cổ phần | Giá trị (nghìn đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------|--|-------------------|-------------------------|----------------|
| I | Cổ đông trong nước | 65.723.377 | 657.333.770 | 88,81% |
| 1 | Cá nhân | 42.629.112 | 426.291.120 | 57,60% |
| 2 | Tổ chức | 23.094.265 | 230.942.659 | 31,21% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 8.278.227 | 82.782.270 | 11,19% |
| 1 | Cá nhân | 7.805.781 | 78.057.810 | 10,55% |
| 2 | Tổ chức | 472.446 | 4.724.460 | 0,64% |
| III | Cổ phiếu quỹ | 310 | 3.100.000 | 0,0004% |
| IV | Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 74.001.914 | 740.019.140 | 100% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 18/03/2022 do VSD cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, do đó, giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ công văn số 6378/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa áp dụng tại Công ty là 0%.

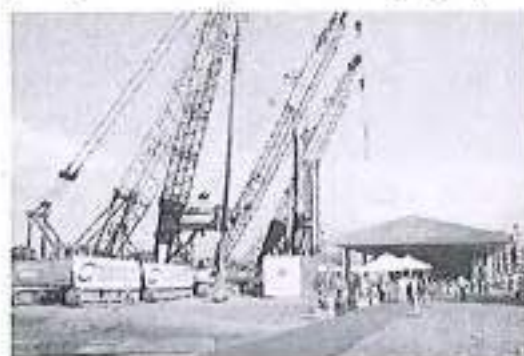
Trước đây, Saigontel có một số ngành nghề không hạn chế nhà đầu tư nước ngoài. Tại thời điểm này, nhà đầu tư nước ngoài vẫn được phép mua và sở hữu cổ phiếu SGT. Tuy nhiên, sau đó, Công ty có bổ sung một số ngành nghề hạn chế nhà đầu tư nước ngoài, dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư này vẫn được giữ nguyên và họ chỉ được quyền bán chứ không có quyền mua. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 18/03/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 11,19% tương đương 8.278.227 cổ phần. Tính đến ngày 13/06/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 11,18% tương đương 8.275.227 cổ phần

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

❖ Sản phẩm dịch vụ chính

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn - SaigonTel là thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI – Saigon Invest Group) – Tập đoàn đầu tư đứng đầu Việt Nam về phát triển quần thể công nghiệp, đô thị, dịch vụ. Trải qua 20 năm, Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) đã đầu tư và phát triển thành công hơn 30 khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ trên toàn quốc, điển hình như: Quần thể khu công nghiệp đô thị dịch vụ Trảng Duệ - Hải Phòng hơn 1.000 ha, thu hút Tập đoàn LG và các công ty vệ tinh đầu tư công nghệ cao lên đến 10 tỷ USD, giúp Hải Phòng trở thành địa phương thu hút đầu tư nước ngoài dẫn đầu cả nước; Quần thể khu công nghiệp, đô thị dịch vụ ở Bắc Ninh quy mô 2.000 ha điển hình là Khu công nghiệp Quế Võ - Bắc Ninh quy mô hơn 600 ha đã hoàn thiện; Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn quy mô 400 ha đã hoàn thiện và đang mở rộng thành khu công nghiệp và đô thị... đã góp phần đưa Bắc Ninh trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về phát triển công nghiệp.



Các lĩnh vực kinh doanh năm 2021 của SaigonTel được cơ cấu thành 3 mảng chính là “Công nghiệp – Đô thị - Dịch vụ” với 4 thành phần sản xuất kinh doanh như sau:

Thương mại, dịch vụ: SaigonTel đã mở rộng các loại hình dịch vụ, đáp ứng đa dạng nhu cầu của Khách hàng, thị trường như: xây dựng, năng lượng mặt trời áp mái, tổ hợp du lịch – giải trí, nghỉ dưỡng, đầu tư, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua trường Đại học Hùng Vương Hồ Chí Minh, tư vấn chiến lược truyền thông, dịch vụ sáng tạo, sản xuất nội dung truyền thông – quảng bá, tổ chức sự kiện, quản lý tài năng ...

Dịch vụ công nghệ, viễn thông: Thành lập từ năm 2002 với sứ mệnh là đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trong các khu công nghiệp thuộc Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn. Trải qua gần 20 năm phát triển, SAIGONTEL đã xây dựng hoàn thiện danh mục sản phẩm, dịch vụ và trở thành nhà cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng hàng đầu trong các khu công nghiệp. Công ty vẫn thực hiện duy trì kinh doanh mảng này với tập khách hàng lên đến hơn 600 đơn vị.

Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng: Đầu tư và phát triển dự án về bất động sản công nghiệp (khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp) và hạ tầng (giao thông, cảng biển...). Công ty cũng cung cấp nhà xưởng xây sẵn cho thuê để các nhà đầu tư có thể đi vào sản xuất ngay khi có nhu cầu. Với lợi thế về tập khách hàng, mối quan hệ giữa BQL và các doanh nghiệp, đội ngũ nhân viên Công ty cũng như cơ sở hạ tầng, vật chất hiện có, SaigonTel luôn cố gắng tìm hiểu, nắm bắt và thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng. Công ty nhắm tới mục tiêu tập trung vào nhóm khách hàng FDI trong các KCN, xây dựng hệ sinh thái (eco-system) đặc trưng, tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác, cung cấp sản phẩm và dịch vụ viễn thông và công nghệ thông

tin cho các nhà mạng/hãng sản xuất hàng đầu Việt Nam và thế giới, tập trung vào thị trường Teleco, GOV, NMC, SMB,... Bên cạnh đó, SaigonTel còn có lợi thế về quỹ đất tại các KCN cũng như các vị trí đắc địa ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, do đó Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các dự án bất động sản tại khu công nghiệp cũng như bất động sản đô thị.

Kinh doanh xăng dầu: SaigonTel mong muốn hoàn thiện và đa dạng chất lượng dịch vụ tại các KCN, tăng tính cạnh tranh và trở thành môi trường đầu tư thu hút các doanh nghiệp. Trong những năm qua, SAIGONTEL tập trung xây dựng mô hình liên kết với các đối tác lớn nhằm cung cấp các dịch vụ khép kín dành cho khách hàng lớn đang sở hữu là doanh nghiệp và người lao động tại các Khu công nghiệp; theo đó xăng dầu một trong các sản phẩm thiết yếu được chọn lựa để ưu tiên và phát triển đầu tiên.

Đặc biệt, với mảng bất động sản khu công nghiệp, SaigonTel hiện đang là chủ đầu tư các khu công nghiệp, khu công nghệ cao với đầy đủ các dịch vụ bao gồm: đất công nghiệp – nhà xưởng – văn phòng cho thuê; dịch vụ hạ tầng, điện, nước sạch, nước thải và các dịch vụ GTGT khác ...



❖ Quy trình sản xuất kinh doanh:

SaigonTel và Tập đoàn đầu tư Sài Gòn luôn tự hào là đơn vị tiên phong hiệu quả trong việc đầu tư và phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao tại Việt Nam với kinh nghiệm thu hút đầu tư và sở hữu tập khách hàng là các nhà đầu tư nước ngoài lớn như: Tập đoàn LG (Hàn Quốc), Tập Đoàn Khoa Học kỹ Thuật Hồng Hải – Đài Loan (Hon Hai Technology Group/ Foxconn Technology Group), Tập đoàn Wintek – Đài Loan, Tập đoàn Canon ... Bên cạnh các đối tác đầu tư lớn, SaigonTel hiện đang hợp tác với các đối tác tư vấn về kỹ thuật công nghệ hàng đầu thế giới của Nhật Bản như: Hitachi Consulting (đơn vị tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển khu công nghệ cao); Internet Initiative Japan – IJ (đối tác tư vấn và triển khai hạ tầng viễn thông và CNTT); NIFTY Cloud và Sakura Internet (đối tác tư vấn xây dựng Trung tâm dữ liệu, cung cấp nền tảng điện toán đám mây và các ứng dụng thông minh). Mạng lưới các đối tác hợp tác chiến lược trong lĩnh vực viễn thông – công nghệ là một trong những lĩnh vực thế mạnh của SaigonTel trong quá trình kêu gọi xúc tiến đầu tư, tương hỗ cho sự phát triển của lĩnh vực bất động sản công nghiệp.

SaigonTel là đơn vị đa ngành nghề, vì vậy quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn chú trọng vào tính hiệu quả và thuận tiện cho công tác quản lý, với mỗi hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ có quy trình sản xuất kinh doanh tương ứng. Quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành 4 nhóm theo lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính như sau:

Thương mại dịch vụ:

Dịch vụ xây dựng:

Hiện nay hoạt động dịch vụ xây dựng của SGT chủ yếu tập trung xây dựng các khu đô thị, khu

nhà ở thương mại và đất nền với các bên tham gia hợp tác là thành viên của Tập Đoàn Đầu Tư Sài Gòn (SGI).

Quy trình:

1. Nhận thông tin về nhu cầu của chủ đầu tư (công trình)
2. Khảo sát năng lực nội bộ, đánh giá tình hình thị trường
3. Lập phương án dự thầu (nếu khả thi)
4. Tham gia đấu thầu
5. Ký hợp đồng thi công (nếu trúng thầu)
6. Giao khoán nội bộ (phân bổ công việc kể cả chọn thầu phụ)
7. Lập phương án và tiến độ thi công
8. Tiến hành xây lắp
9. Tiến hành nghiệm thu công trình
10. Hoàn công và quyết toán công trình
11. Bảo hành sửa chữa (nếu có)
12. Thanh lý hợp đồng
13. Thực hiện các dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau thanh lý (nếu có).



Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái:

Mục tiêu ban đầu là phát triển 50MW điện mặt trời áp mái trong các Khu công nghiệp của SGI và các bên liên kết.

Mô hình kinh doanh gồm:

1. Đầu tư, xây dựng các hệ thống điện mặt trời mái nhà trên các công trình (nhà máy, xưởng sản xuất,...), bán 100% điện cho EVN; và
2. Đầu tư, xây dựng các hệ thống điện mặt trời mái nhà trên các công trình (nhà máy, xưởng sản

xuất,..), bán điện phần lớn điện (>80%) cho nhà máy sử dụng tại chỗ, phần còn dư sẽ đưa lên lưới điện quốc gia bán cho EVN.

Quy trình:

1. Tiếp nhận nhu cầu khách hàng
2. Khảo sát trực tiếp & đề xuất thương mại
3. Gửi báo giá dịch vụ
4. Đàm phán và ký kết hợp đồng chính thức
5. Hoàn thành cài đặt và cung cấp hệ thống năng lượng
6. Đưa công trình vào vận hành

Viễn thông, công nghệ:

Công ty liên tục hoàn thiện Quy trình cung ứng dịch vụ cho khách hàng đảm bảo Khách hàng luôn nhận được giá trị cao nhất của dịch vụ.

Quy trình:

1. Tiếp nhận nhu cầu của Khách hàng.
2. Gửi bản Khảo sát và/hoặc tiến hành Khảo sát trực tiếp về thực trạng của Khách hàng, ghi nhận nhu cầu sử dụng dịch vụ của Khách hàng.
3. Chào giá phí dịch vụ (bao gồm liệt kê các hạng mục công việc, phương pháp thực hiện và tiến độ hoàn thành,...) bằng văn bản hoặc qua Email.
4. Ký kết Hợp đồng dịch vụ chính thức.
5. Thanh toán tạm ứng ngay sau khi ký Hợp đồng dịch vụ và chính thức triển khai công việc.
6. Gửi báo cáo kết quả công việc đúng tiến độ đã cam kết.
7. Bảo hành, bảo trì đúng nội dung đã cam kết trong Hợp đồng.

Cho thuê /phân phối bất động sản:

Quy trình tư vấn cho thuê/phân phối bất động sản, các bước thực hiện để tư vấn cho khách hàng thuê hoặc mua bất động sản, nhằm đáp ứng được các nhu cầu thuê/mua bất động sản đa dạng của khách hàng.

Quy trình:

1. Saigontel tiếp nhận nhu cầu thuê/mua của khách hàng thông qua các kênh Marketing và hệ thống hotline của công ty.
2. Saigontel tư vấn sơ bộ về các sản phẩm: các bất động sản cho thuê/bán, giá, diện tích, các tiện ích bất động sản, chi phí liên quan đến việc thuê/mua bất động sản. Có thể gửi Email báo giá, hoặc hẹn gặp khách hàng báo giá trực tiếp.
3. Saigontel hẹn gặp khách hàng để dẫn khách hàng đi xem các bất động sản đã tư vấn cho khách hàng trước. Có thể hẹn khách tại điểm hẹn của khách, hoặc Công ty Saigontel, hoặc cũng có thể ngay tại chính bất động sản đã hẹn.
4. Sau khi đưa khách hàng đi xem bất động sản, xem xét khách hàng thích bất động sản nào thì

Saigontel sẽ có kế hoạch để đàm phán giá thuê/mua và điều kiện giao dịch cho khách hàng tốt nhất có thể. Nhằm đảm bảo quyền lợi của Khách hàng.

- Sau khi giúp khách hàng thuê/mua được bất động sản, Saigontel sẽ lưu trữ thông tin của khách hàng để có kế hoạch chăm sóc khách hàng về lâu dài.

Đối với hoạt động thuê lại đất và nhà xưởng, SaigonTel luôn có các hoạt động hỗ trợ khách hàng trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý và mặt bằng sản xuất, cụ thể:



Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn

Kinh doanh xăng dầu:

Ngày 06/09/2016, Saigontel đã tiến hành ký Biên bản ghi nhớ đánh dấu bước hợp tác đầu tiên giữa Saigontel và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) trong việc hợp tác kinh doanh xăng dầu tại các KCN. Đến ngày 27/11/2017, khai trương Cửa hàng Xăng dầu liên danh giữa Saigontel và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn.

Quy trình kinh doanh tại các cửa hàng:

- Hướng dẫn khách hàng vào vị trí, chào hỏi và xác nhận nhu cầu của khách hàng;
- Mời khách hàng xác nhận màn hình cột bơm đang ở số 0;
- Bơm hàng đúng, đủ theo yêu cầu của khách hàng;
- Mời khách hàng xác nhận màn hình cột bơm trước khi thanh toán;
- Nhận và xác nhận số tiền, cảm ơn khách hàng.

❖ Công nghệ áp dụng

Thương mại dịch vụ:

Dịch vụ xây dựng:

Ứng dụng công nghệ mới và tối giản quy trình là giải pháp giúp các doanh nghiệp xây dựng tăng cường khả năng cạnh tranh, tồn tại và phát triển trong giai đoạn hiện tại. Công ty Saigontel cũng từng bước tiếp cận và áp dụng các xu hướng công nghệ tiên tiến này:

- Kết nối điện toán đám mây: Thông tin là chìa khoá của vạn vật. Đặc biệt đối với ngành xây dựng được xem là một trong số ít ngành số hóa rất chậm và thường xuyên gặp khó khăn về mặt khoảng cách địa lý, di chuyển trình duyệt hồ sơ giữa khối văn phòng và thi công tại công trường thì công nghệ mới này càng phát huy vai trò quan trọng của nó. Nhờ việc cập nhật toàn bộ thông tin lên hệ thống thì tiến độ thi công và hoàn thiện hồ sơ xây dựng được cải thiện rất nhiều, tiết kiệm rất nhiều thời gian và nhân lực.
- Ứng dụng vật liệu tiên tiến và công nghệ quản lý vật liệu xây dựng: Trong công tác xây dựng, vật liệu là một trong các yếu tố trọng yếu quyết định chất lượng và thời gian thi công công trình. Thông thường chi phí vật liệu xây dựng chiếm một tỷ lệ tương đối lớn trong tổng giá thành xây dựng, khoảng 75-80% đối với các công trình dân dụng và công nghiệp, 70-75% đối với các công trình giao thông, 50-55% đối với các công trình thủy lợi. Việc ứng dụng các vật liệu tiên tiến vào công trình có thể giúp giảm thời gian thi công, tăng năng suất lao động và thân thiện với môi trường

Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái :

Các công trình năng lượng mặt trời của SaigonTel luôn hướng đến các công nghệ quang điện tiên tiến (Advanced Photovoltaics PV), hay APV trong đó, các công nghệ năng lượng mặt trời (NLMT) muốn tích hợp hệ thống quang điện (PV) như pin NLMT nổi (floatovoltaics) và pin NLMT trời trang trại (Agrivoltaics) để nâng cao hiệu suất, phù hợp với môi trường xung quanh.

Lưới tải năng lượng là một trong những cơ sở hạ tầng phức tạp nhất, cần được nâng cấp tương xứng với tình hình mới, nhất là khi chuyển đổi công nghệ số. Dữ liệu lớn (Big Data) và thuật toán AI (trí tuệ nhân tạo) là những công cụ hữu ích cho các tiện ích này. Ngoài phân tích và quản lý lưới điện, ứng dụng AI trong lĩnh vực năng lượng tái tạo giúp dự báo mức tiêu thụ điện và dự báo sự cố để bảo trì thích hợp. Với những đổi mới trong điện toán đám mây, nhà máy điện ảo (VPP) ra đời, các công ty sản xuất năng lượng còn sử dụng phân tích dữ liệu và học máy để thiết kế mô hình và phân tích hiệu suất nguồn năng lượng tái tạo.

Viễn thông, Công nghệ:

Đối với hoạt động viễn thông:

Saigontel áp dụng công nghệ Dịch vụ truyền số liệu (WAN/Network Data Transmission Service)

Trong nước :

- Kênh thuê riêng điểm – điểm (Point – to – Point Circuit)
- Kênh thuê riêng điểm – đa điểm (Point – to – Multipoint Circuits)

Quốc tế :

- Kênh thuê riêng quốc tế (International Private Leased Circuit – IPLC)
- Kênh thuê riêng Ethernet quốc tế (International Ethernet Private Line – IEPL)

- Kênh riêng ảo IP – VPN (MPLS VPN)

Dịch vụ Internet (Internet Connectivity Services)

- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng (Broadband FTTx Service)
- Dịch vụ kênh thuê riêng Internet (Internet Leased Line Service – ILL)
- Dịch vụ kết nối Internet quốc tế (International Internet Connectivity – IIC)
- Dịch vụ IP – Transit (IP Transit Service – IPT)

Đối với hoạt động trong lĩnh vực công nghệ:

SaigonTel áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất phù hợp với từng đối tượng khác nhau:

- Chuyển đổi số (Digital transformation)
- Khu công nghiệp thông minh (Smart Industrial Park)
- Đầu tư vào hạ tầng ICT (Investment in ICT Infrastructure)
- Giải pháp du lịch thông minh (Smart Tourism tools)
- Giải pháp Chính phủ thông minh (Smart GOV tools)
- Thanh toán số (Digital Payment)
- Giải pháp chăm sóc sức khỏe số (Digital Healthcare)
- Giáo dục số (Digital Education)
- Hội thoại, tương tác trực tuyến (Voice & Collaboration – VC)
- Giải pháp bảo mật (Cybersecurity/ Trust)

Năm 2020 - 2021, SaigonTel cùng NGS (Công ty Cổ phần Thiết bị và Truyền thông NGS - công ty tư vấn và triển khai các giải pháp công nghệ thông tin có trình độ chuyên môn cao hàng đầu Việt Nam) thành lập liên minh chuyển đổi số, bao gồm các Tập đoàn đầu tư hàng đầu thế giới trong lĩnh vực công nghệ như: Microsoft, Công ty TNHH Viettel-CHT (Viettel IDC), Công ty Cổ phần Giải pháp Thanh toán Việt Nam (VNPAY), Công ty TNHH Siemens, Công Ty TNHH Một Thành Viên S.A.P Việt Nam,... Tính đến nay, liên minh công nghệ đã hỗ trợ nhiều địa phương lập quy hoạch chuyển đổi số và tư vấn các giải pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Đồng thời, cũng đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ về việc tư vấn chuyển đổi số cho tỉnh, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, chia sẻ và đào tạo nguồn nhân lực về quản lý và sử dụng hạ tầng số. Từng bước thúc đẩy các địa phương tiến đến ứng dụng công nghệ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách có phương pháp, hiện đại và bền vững.

Kinh doanh văn phòng, nhà xưởng:

Sự xuất hiện của công nghệ đã dẫn tới việc kinh doanh bất động sản trở nên tự động hóa. Điều đó không chỉ tăng cường hiệu quả, hiệu suất công việc mà còn giảm thiểu tối đa chi phí và nhân công giúp doanh nghiệp tiết kiệm được nhiều chi phí. Với sự hội tụ tổ hợp chính thể kỹ thuật số cốt lõi như AI, IoT, Big Data, Blockchain,... được xác định là xu hướng trên toàn thế giới trong việc tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất, kinh doanh. Không nằm ngoài xu hướng chung đó, SaigonTel đang tận dụng rất tốt các công nghệ tiên tiến để tiếp cận và chăm sóc tập khách hàng của mình một cách tối ưu nhất.

Ở các khu công nghiệp (KCN) hiện hữu và trong tương lai:

- Áp dụng công nghệ sản xuất mới, ít gây tác động tới môi trường tại các doanh nghiệp;

- Áp dụng công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp.
- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu các tác động liên quan đến chất thải: (i) Các nhà máy, xí nghiệp trong KCN sử dụng công nghệ tiên tiến, sạch về môi trường, dây chuyền sản xuất khép kín, ít chất thải, bảo đảm thực hiện nguyên tắc chung lựa chọn ngành nghề sản xuất ít ô nhiễm của KCN đã đặt ra; (ii) Khí thải từ các nhà máy, xí nghiệp được xử lý thông qua các thiết bị lọc, đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi thải vào không khí, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xử lý bụi, NOx, SO₂ và Aldehyt trong khí thải dây chuyền sản xuất, lò hơi, lò sấy, nhằm bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí xung quanh và môi trường lao động; (iii) Khoảng cách ly giữa dự án KCN với khu vực xung quanh được trồng cây xanh cách ly có tán dày; (iv) Các nhà máy, xí nghiệp đầu tư vào KCN bảo đảm tỷ lệ trồng cây xanh, hoa, thảm cỏ đạt tối thiểu 15% diện tích nhà máy nhằm cải thiện chất lượng môi trường tại từng nhà máy, xí nghiệp; (v) Đảm bảo diện tích cây xanh trong toàn KCN trên 10,3% theo thiết kế chi tiết mặt bằng KCN, trong đó gồm khu cây xanh trong từng nhà máy xí nghiệp và vành đai cây xanh dọc đường ngoài KCN nhằm hạn chế ô nhiễm do khí thải giao thông vận tải; (vi) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trong KCN thay thế các nhiên liệu nhiều chất độc hại bằng nhiên liệu không độc hại, ít độc hơn (như sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao bằng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp); (vii) Thực hiện nghiêm túc chế độ vận hành, định lượng chính xác nguyên vật liệu, chấp hành đúng quy trình công nghệ nhằm bảo đảm an toàn sản xuất, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm tại các nhà máy, xí nghiệp trong KCN.

Kinh doanh xăng dầu:

Điểm khác biệt của mô hình trạm xăng dầu mà SAIGONTEL và PVOIL hướng đến không chỉ là bán lẻ mà còn hướng đến tập khách hàng là doanh nghiệp tại nội các khu công nghiệp, các doanh nghiệp vận tải, đi kèm là cung cấp giải pháp mua hàng bằng thẻ xăng giúp doanh nghiệp dễ dàng quản lý định mức xăng dầu trên từng xe và tiết kiệm nguồn lực để theo dõi đối soát hàng tháng. PVOIL Easy là ứng dụng giải pháp thẻ điện tử (digital card), kết nối thông qua đọc QR code giữa thiết bị di động của Khách hàng và nhân viên bán hàng để thực hiện giao dịch mua bán xăng dầu tại các điểm bán thuộc chuỗi cửa hàng xăng dầu của PVOIL. Khi tham gia chương trình "PVOIL Easy", khách hàng sẽ được cấp hạn mức tín dụng, thanh toán trả chậm và trả nợ vào cuối kỳ cho công ty. Với việc ứng dụng công nghệ, chương trình PVOIL Easy đem lại cho khách hàng sử dụng những tiện ích, lợi ích vượt trội: tiết kiệm thời gian khi Khách hàng thanh toán không cần dùng tiền mặt và thẻ tín dụng, Khách hàng không phải mất thời gian chờ viết hoặc in hóa đơn và quản lý hóa đơn chứng từ mà các giao dịch được cập nhật ngay lập tức và được tổng hợp đầy đủ trên hệ thống quản lý.

Trạm xăng dầu Đại Đồng Hoàn Sơn được xây dựng đồng bộ trên diện tích 1,120 m² và đầu tư theo quy chuẩn thương hiệu PVOIL, tọa lạc tại khu đất thuộc Trung tâm dịch vụ SAIGONTEL, là khu vực có đầu mối giao thông kết nối KCN và khu dân cư, thuận tiện cho các phương tiện ra vào. Hệ thống trang thiết bị hiện đại bảo đảm độ chính xác cao, bao gồm 06 trụ bơm, bể chứa được trang bị hệ thống tự động hóa với tổng sức chứa 75 m³, kết nối bể chứa - cột bơm bán hàng AGAS; hệ thống báo động, camera giám sát phục vụ 24/7. Cửa hàng kinh doanh 03 mặt hàng chính là Xăng RON 92, Xăng RON 95, Diesel 0,05S cùng các dịch vụ đi kèm khác, với các trang thiết bị hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn trong quá trình nhập, bán hàng và thuận tiện cho các phương tiện vào mua hàng. SAIGONTEL và PVOIL đặt mục tiêu kiểm soát chất, thực hiện văn minh thương mại, thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn PCCC, bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các quy định và đảm bảo công tác an ninh trật tự trong khu vực.

- ❖ Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh: Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của SGT diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.
- ❖ Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm
- Công ty mẹ
- Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | | Năm 2021 | | 30/06/2022 | |
|-----|--|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| 1 | Hoạt động thương mại - dịch vụ | 50.435 | 12,5% | 163.132 | 32,8% | 129.515 | 29,7% |
| 2 | Hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng | 202.448 | 50,2% | 228.427 | 45,9% | 244.529 | 56,1% |
| 3 | Hoạt động viễn thông | 114.254 | 28,3% | 62.510 | 12,5% | 29.247 | 6,7% |
| 4 | Hoạt động kinh doanh xăng dầu | 36.357 | 9% | 43.348 | 8,7% | 32.510 | 7,5% |
| | Tổng cộng | 403.494 | 100% | 497.417 | 100% | 435.801 | 100% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

- Cơ cấu lợi nhuận gộp:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | | Năm 2021 | | 30/06/2022 | |
|-----|--|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| | | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT |
| 1 | Hoạt động thương mại - dịch vụ | 27.350 | 54,2% | 71.328 | 43,6% | 118.093 | 91,2% |
| 2 | Hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng | 76.523 | 37,8% | 85.755 | 37,5% | 124.108 | 50,8% |
| 3 | Hoạt động viễn thông | 2.167 | 1,9% | 25.141 | 40,2% | 14.389 | 49,2% |
| 4 | Hoạt động kinh doanh xăng dầu | 793 | 2,2% | 720 | 1,7% | 809 | 2,5% |
| | Tổng cộng | 106.833 | 26,48% | 182.944 | 36,78% | 257.399 | 59,06% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn.

- Hợp nhất
- Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | | Năm 2021 | | 30/06/2022 | |
|-----|--|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| 1 | Hoạt động thương mại - dịch vụ | 116.980 | 24,9% | 355.029 | 51,5% | 269.536 | 46,8% |
| 2 | Hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng | 202.448 | 43,1% | 228.917 | 33,2% | 244.752 | 42,5% |
| 3 | Hoạt động viễn thông | 114.254 | 24,3% | 62.510 | 9,1% | 29.247 | 5,1% |
| 4 | Hoạt động kinh doanh xăng dầu | 36.357 | 7,7% | 43.348 | 6,3% | 32.510 | 5,6% |
| | Tổng cộng | 470.039 | 100% | 689.804 | 100% | 576.045 | 100% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn.

- Cơ cấu lợi nhuận gộp:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | | Năm 2021 | | 30/06/2022 | |
|-----|--|----------------|---------------|----------------|--------------|----------------|---------------|
| | | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT |
| 1 | Hoạt động hoạt động thương mại - dịch vụ | 40.645 | 34,7% | 79.369 | 22,4% | 123.116 | 45,7% |
| 2 | Hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng | 76.523 | 37,8% | 86.245 | 37,7% | 124.108 | 50,7% |
| 3 | Hoạt động viễn thông | 2.167 | 1,9% | 25.141 | 40,2% | 14.389 | 49,2% |
| 4 | Hoạt động kinh doanh xăng dầu | 793 | 2,2% | 720 | 1,7% | 809 | 2,5% |
| | Tổng cộng | 120.128 | 25,56% | 191.475 | 27,8% | 262.422 | 45,56% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

10.2. Tài sản

Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và 30/06/2022 như sau:

- Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Tài sản | 31/12/2021 | | | 30/06/2022 | | |
|------------|---------------------------------|----------------|-----------------|-------------------------------|----------------|-----------------|-------------------------------|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/ Nguyên giá | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/ Nguyên giá |
| I | Tài sản cố định hữu hình | 140.350 | 72.628 | 51,75% | 140.720 | 67.736 | 48,14% |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 61.193 | 31.095 | 50,81% | 61.563 | 29.549 | 48,00% |
| 2 | Máy móc thiết bị | 7.446 | 439 | 5,73% | 7.446 | 312 | 4,19% |
| 3 | Phương tiện vận tải | 25.345 | 10.944 | 43,18% | 25.345 | 9.411 | 37,13% |
| 4 | Tài sản cố định hữu hình khác | 46.366 | 30.150 | 65,02% | 46.366 | 28.464 | 61,39% |
| II | Tài sản cố định vô hình | 417 | 60 | 14,46% | 417 | 52 | 12,47% |
| 1 | Phần mềm máy vi tính | 417 | 60 | 1,69% | 417 | 52 | 12,47% |
| III | Bất động sản đầu tư | 238.202 | 133.576 | 56,08% | 161.284 | 77.189 | 47,86% |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 44.175 | 38.730 | 87,67% | 24.462 | 19.757 | 80,77% |
| 2 | Nhà cửa | 194.027 | 94.846 | 48,88% | 136.822 | 57.432 | 41,98% |

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

- Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Tài sản | 31/12/2021 | | | 30/06/2022 | | |
|------------|---------------------------------|----------------|-----------------|-------------------------------|----------------|-----------------|-------------------------------|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/ Nguyên giá | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/ Nguyên giá |
| I | Tài sản cố định hữu hình | 147.501 | 76.601 | 51,93% | 147.837 | 71.275 | 48,21% |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 61.193 | 31.095 | 50,81% | 61.562 | 29.549 | 48,00% |
| 2 | Máy móc thiết bị | 7.675 | 608 | 7,9% | 7.675 | 452 | 5,89% |
| 3 | Phương tiện vận tải | 32.233 | 14.747 | 45,75% | 32.233 | 12.810 | 39,74% |
| 4 | Tài sản cố định hữu hình khác | 46.400 | 30.151 | 64,97% | 46.366 | 28.464 | 61,39% |
| II | Tài sản cố định vô hình | 682 | 60 | 8,84% | 484 | 52 | 10,74% |
| 1 | Phần mềm máy vi tính | 682 | 60 | 8,84% | 484 | 52 | 10,74% |
| III | Bất động sản đầu tư | 238.202 | 133.576 | 56,08% | 161.284 | 77.189 | 47,86% |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 44.175 | 38.730 | 87,67% | 24.462 | 19.757 | 80,77% |
| 2 | Nhà cửa | 194.027 | 94.846 | 53,19% | 136.822 | 57.432 | 41,98% |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh của SaigonTel chỉ tập trung ở trong nước, chủ yếu ở các khu vực: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Bắc Ninh.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính**❖ Tình hình đầu tư**

- Tình hình đầu tư các dự án của Công ty trong năm 2020 và 2021 như sau:

| STT | Tên dự án | Quy mô dự án | Địa điểm thực hiện dự án | Tổng mức đầu tư dự án (ĐVT: tỷ đồng) | Thời gian và tiến độ thực hiện dự án |
|-----|---|----------------------|---|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Dự án Toà nhà ICT 2 | 7.645 m ² | Lô 46, CVPM Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, Tp.HCM | 289 | T9/2018-Quý 1/2023 |
| 2 | Dự án chung cư tại TM7 Bắc Giang | 1.490 m ² | Lô TM7, đường Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Bắc Giang | 174,16 | T9/2018-T12/2020 |
| 3 | Dự án Đầu tư KCN Đại Đồng Hoàn Sơn Giai đoạn II | 95 ha | Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, H. Tiên Du, T. Bắc Ninh | 1.097,1 | Từ 09/2018 |
| 4 | Dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê trong Khu Công Nghệ Cao Đà Nẵng | 30 ha | Lô A23, A24, Khu sản xuất thuộc Khu CNC Đà Nẵng, X. Hòa Liên, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng | 600 | Quý 4/2022 |
| 5 | Dự án Tân Phú 1 | 74,5 ha | Dự án nằm trong địa phận các xã Tân Phú và xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên | 486 | Từ 04/2021 |
| 6 | Dự án Tân Phú 2 | 56,5 ha | Dự án nằm trong địa phận các xã Tân Phú và xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên | 393 | Từ 04/2021 |
| 7 | Dự án Lương Sơn | 34,53 ha | Dự án nằm trong địa phận các xã Lương Sơn và Bách Quang, TP. Sông Công, T. Thái Nguyên. | 301 | Từ 04/2021 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn

- Dự án KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - giai đoạn 2 (Bắc Ninh)
 - + Vị trí: dự án nằm trong địa phận các xã Hoàn Sơn - Phật Tích - Trí Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Sở hữu vị trí giao thương thuận lợi, giữa lòng tỉnh "Bắc Ninh", thuộc vùng tam giác kinh tế trọng điểm miền Bắc với đầy đủ các tiềm năng thuận lợi phát triển, hệ thống hành chính công tích cực và hạ tầng hoàn thiện, KCN Đại Đồng Hoàn Sơn - Giai đoạn 2 được đánh giá là khu công nghiệp tiềm năng, phát triển kịp thời để đón đầu làn sóng dịch chuyển của các tập đoàn đa quốc gia đang có kế hoạch dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp tại các quốc gia khác.
 - + Quy mô: 95,81 ha.
 - + Tổng mức đầu tư: hơn 1.097 tỷ đồng.
 - + Quyết định thành lập 15/QĐ-UBND vào 20/01/2020.
 - + Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn được quy hoạch với diện tích gần 400ha, trong đó, giai đoạn 1 đã lấp đầy 100% với 200ha và đang tiếp tục triển khai giai đoạn 2. Năm 2022, CN Bắc Ninh sẽ tập trung tối đa mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - GD2, với diện tích 95 ha. Dự án đang được khẩn trương triển khai với tốc độ tối đa, để đưa vào vận hành trong năm 2022. Hạn mức tín dụng 760 tỷ đồng cho công tác đền bù và đầu tư xây dựng dự án, được đảm bảo bởi Vietinbank – một trong những ngân hàng thương mại Quốc Doanh hàng đầu Việt Nam. Qua đó, thể hiện uy tín và sự tin tưởng đối với thành công, tiềm năng to lớn của dự án này. Công ty xác định năm 2022 sẽ bắt đầu đón các nhà đầu tư và có doanh thu lợi nhuận.
- Dự án TM7 Bắc Giang
 - + Vị trí: : Lô TM7, đường Nguyễn Văn Cừ, Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang
 - Kết nối giao thông: Vị trí dự án rất thuận lợi
 - Dự án giáp mặt đường Nguyễn Văn Cừ, tuyến đường giao thông chính của Thành phố Bắc Giang.
 - Cách bệnh viện đa khoa Bắc Giang, bệnh viện Y Học Cổ Truyền Bắc Giang khoảng 200m.
 - Cách trường mẫu giáo, Tiểu Học, THCS, THPT khoảng 100m. Cách các cơ quan hành chính công và quảng trường Bắc Giang khoảng 500m.
 - Diện tích Dự án là Hồ và Công viên cây xanh rộng 4ha. Quy mô: 95,81 ha.
 - + Tổng mức đầu tư: hơn 174,16 tỷ đồng.
 - + Là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc nằm trong quy hoạch vùng thủ đô, Bắc Giang có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế. Thị trường Bất động sản nói chung và nhà ở chung cư nói riêng tại Bắc Giang đang là một thị trường rất nóng và tiềm năng chính vì thế công ty đã quyết định đầu tư vào dự án. Dự án đến nay đang tiến hành bán giao nhà cho khách hàng. Trong năm 2021 đã ghi nhận một phần doanh thu từ dự án: 97,7 tỷ đồng. Tiến độ bán hàng đạt hơn 86%, trong năm 2022 sẽ tiến hành bán hết các căn còn lại và tiến hành ghi nhận doanh thu toàn dự án.
- Dự án Saigon ICT Tower 2 – Công viên phần mềm Quang Trung (Tp. HCM)
 - + Vị trí: Tiếp giáp tòa nhà Saigon ICT Tower 1, lô 46, Công Viên Phần Mềm Quang Trung, Quận 12, TP.HCM.
 - + Quy mô: 7.645 m²
 - + Diện tích sàn xây dựng: 1 tầng hầm + 12 tầng văn phòng cho thuê với tổng diện tích 18.089,03 m².

- + Tổng vốn đầu tư: 289 tỷ đồng.
- + Tiếp nối sự thành công của tòa nhà ICT Tower 1 và các ưu đãi đầu tư hấp dẫn dành cho các doanh nghiệp công nghệ của Công Viên Phần Mềm là một lợi thế cho sự tự tin phát triển của tòa nhà ICT Tower 2 trong tương lai. Hiện nay, các doanh nghiệp đang thuê tại ICT Tower 1 đang tỏ ra rất quan tâm đến dự án và có ý định thuê tiếp mở rộng mô hình cty tại tòa ICT Tower 2. Dự án tòa nhà văn phòng Saigon ICT Tower 2 hiện tại đã thi công xong phần móng cọc và dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý I/2023, sau khi có cập nhật 1/500 mới. Khi bàn giao đưa vào sử dụng, dự án dự kiến sẽ tạo ra nguồn doanh thu đều đặn cho SaigonTel mỗi năm là 50 tỷ đồng và lợi nhuận là hơn 30 tỷ đồng.
- Dự án nhà xưởng cho thuê tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng (Tp. Đà Nẵng)
 - + Vị trí: Khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.
 - + Diện tích khu đất: 149,9 ha.
 - + Sản phẩm của dự án: 14 nhà xưởng có diện tích từ 2.400m² – 9.800m², 14 văn phòng có diện tích từ 300-720m².
 - + Tổng vốn đầu tư: 600 tỷ đồng.
 - + Dự án hiện đã được chủ trương cấp giấy chứng nhận đầu tư và đang trong giai đoạn thu hút đầu tư. Khu công nghệ cao Đà Nẵng là một trong 3 Khu công nghệ cao quốc gia, được Thủ tướng Chính phủ thành lập với mục tiêu thu hút nguồn vốn, công nghệ và nhân lực chất lượng cao, nhằm thúc đẩy Đà Nẵng trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trên nền tảng công nghệ, trở thành vùng trọng điểm kinh tế của khu vực miền Trung – Tây Nguyên. SaigonTel cũng cam kết sẽ đẩy nhanh hết tốc lực để sớm đưa Dự án vào khởi công xây dựng trong 2022 và nhanh chóng triển khai các hoạt động thu hút đầu tư, đạt mục tiêu lấp đầy ít nhất 30% sau 1 năm đi vào hoạt động, tạo cơ hội việc làm ổn định lâu dài cho hàng nghìn lao động địa phương, góp phần chung tay cùng thành phố ổn định an sinh xã hội và đóng góp vào ngân sách địa phương. Dự kiến dự án khi đi vào hoạt động ổn định sẽ đem lại nguồn doanh thu trung bình hàng năm từ 125 tỷ đồng và lợi nhuận trung bình trên 50 tỷ đồng/năm.
 - Dự án nhà ở xã hội Bàu Tràm (Tp. Đà Nẵng)
 - + Vị trí: Nằm trong tổng thể dự án 46ha Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside Đà Nẵng, liền kề Khu Công Nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng thuộc Tập Đoàn Đầu Tư Sài Gòn.
 - + Diện tích khu đất: 4,06ha. Trong đó, phân kỳ đầu tư làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: 1,32ha và giai đoạn 2: 2,73ha.
 - + Diện tích sàn xây dựng: 274.680 m². Trong đó, trước mắt đầu tư, khai thác giai đoạn 1 gồm 4 tòa tháp cao 21 tầng với 1.549 căn hộ. Giai đoạn 2 dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư thêm 6 tòa tháp với 2.264 căn hộ;
 - + Tổng mức đầu tư: 2.257 tỷ đồng. Trong đó, giai đoạn 1 chiếm 1.016 tỷ đồng.
 - + Đây là dự án có ý nghĩa quan trọng trong định hướng phát triển của SGT về việc phát triển đô thị liền kề khu công nghiệp, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái của quần thể “công nghiệp – đô thị - dịch vụ”. Đồng thời, góp phần đảm bảo các điều kiện tiện ích an sinh xã hội cho cán bộ công chức và người lao động có thu nhập thấp đang sinh sống, làm việc trong và lân cận khu công nghiệp, theo định hướng chung của thành phố. Dự kiến, khi đi vào khai thác kinh doanh, với 2 giai đoạn dự án sẽ mang lại tổng doanh thu lên đến 2.448 tỷ đồng và lợi nhuận 208 tỷ đồng.

- Dự án Tân Phú 1
 - + Vị trí: dự án nằm trong địa phận các xã Tân Phú và xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên Sở hữu vị trí giao thương thuận lợi, giữa lòng tỉnh “Thái Nguyên”, thuộc vùng tam giác kinh tế trọng điểm miền Bắc với đầy đủ các tiềm năng thuận lợi phát triển, hệ thống hành chính công tích cực và hạ tầng hoàn thiện, CCN Tân Phú 1 được đánh giá là Cụm công nghiệp tiềm năng, phát triển kịp thời để đón đầu làn sóng dịch chuyển của các tập đoàn đa quốc gia đang có kế hoạch dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp tại các quốc gia khác.
 - + Quy mô: 74,5 ha.
 - + Tổng mức đầu tư: hơn 486 tỉ đồng.
 - + Quyết định thành lập 1188/QĐ-UBND vào 14/04/2021.
 - + Cụm Công Nghiệp Tân Phú 1 được quy hoạch với diện tích gần 74,5ha đang tiến hành triển khai công tác giải phóng mặt bằng. Năm 2022, Công ty sẽ tập trung tối đa mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án CCN Tân Phú 1, với diện tích 74,5 ha. Dự án đang được khẩn trương triển khai với tốc độ tối đa, để đưa vào vận hành trong năm 2023. Hạn mức tín dụng 340 tỷ đồng cho công tác đền bù và đầu tư xây dựng dự án, được đảm bảo bởi Vietinbank – một trong những ngân hàng thương mại Quốc Doanh hàng đầu Việt Nam. Qua đó, thể hiện uy tín và sự tin tưởng đối với thành công, tiềm năng to lớn của dự án này. Công ty xác định năm 2023 sẽ bắt đầu đón các nhà đầu tư và có doanh thu lợi nhuận từ cuối năm 2022.
- Dự án Tân Phú 2
 - + Vị trí: dự án nằm trong địa phận các xã Tân Phú và xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên Sở hữu vị trí giao thương thuận lợi, giữa lòng tỉnh “Thái Nguyên”, thuộc vùng tam giác kinh tế trọng điểm miền Bắc với đầy đủ các tiềm năng thuận lợi phát triển, hệ thống hành chính công tích cực và hạ tầng hoàn thiện, CCN Tân Phú 2 được đánh giá là Cụm công nghiệp tiềm năng, phát triển kịp thời để đón đầu làn sóng dịch chuyển của các tập đoàn đa quốc gia đang có kế hoạch dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp tại các quốc gia khác.
 - + Quy mô: 56,5 ha.
 - + Tổng mức đầu tư: hơn 393 tỷ đồng.
 - + Quyết định thành lập 1166/QĐ-UBND vào 14/04/2021.
 - + Cụm Công Nghiệp Tân Phú 2 được quy hoạch với diện tích gần 56,5ha đang tiến hành triển khai công tác giải phóng mặt bằng. Năm 2022, Công ty sẽ tập trung tối đa mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án CCN Tân Phú 2, với diện tích 56,5 ha. Dự án đang được khẩn trương triển khai với tốc độ tối đa, để đưa vào vận hành trong năm 2023. Hạn mức tín dụng 270 tỷ đồng cho công tác đền bù và đầu tư xây dựng dự án, được đảm bảo bởi Vietinbank – một trong những ngân hàng thương mại Quốc Doanh hàng đầu Việt Nam. Qua đó, thể hiện uy tín và sự tin tưởng đối với thành công, tiềm năng to lớn của dự án này. Công ty xác định năm 2023 sẽ bắt đầu đón các nhà đầu tư và có doanh thu lợi nhuận từ cuối năm 2022.
- Dự án Lương Sơn
 - + Vị trí: dự án nằm trong địa phận các xã Lương Sơn và Bách Quang, Thành Phố Sông Công Tỉnh Thái Nguyên. Sở hữu vị trí giao thương thuận lợi, giữa lòng tỉnh “Thái Nguyên”, thuộc vùng tam giác kinh tế trọng điểm miền Bắc với đầy đủ các tiềm năng thuận lợi phát triển, hệ thống hành chính công tích cực và hạ tầng hoàn thiện, CCN Lương Sơn được đánh giá là

Cụm công nghiệp tiềm năng, phát triển kịp thời để đón đầu làn sóng dịch chuyển của các tập đoàn đa quốc gia đang có kế hoạch dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp tại các quốc gia khác.

- + Quy mô: 34,53 ha.
- + Tổng mức đầu tư: hơn 301 tỉ đồng.
- + Quyết định thành lập 1168/QĐ-UBND vào 14/04/2021.
- + Cụm Công Nghiệp Lương Sơn được quy hoạch với diện tích gần 34,53ha đang tiến hành triển khai công tác giải phóng mặt bằng. Năm 2022, Công ty sẽ tập trung tối đa mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án CCN Lương Sơn, với diện tích 34,53 ha. Dự án đang được khẩn trương triển khai với tốc độ tối đa, để đưa vào vận hành trong năm 2023. Hạn mức tín dụng 210 tỷ đồng cho công tác đền bù và đầu tư xây dựng dự án, được đảm bảo bởi Vietinbank – một trong những ngân hàng thương mại Quốc Doanh hàng đầu Việt Nam. Qua đó, thể hiện uy tín và sự tin tưởng đối với thành công, tiềm năng to lớn của dự án này. Công ty xác định năm 2023 sẽ bắt đầu đón các nhà đầu tư và có doanh thu lợi nhuận từ cuối năm 2022.
- Các khoản đầu tư tài chính tại 30/06/2022 trên báo cáo công ty mẹ như sau:

| STT | Khoản đầu tư | Số cổ phần/Tỷ lệ sở hữu (cổ phần) | Giá trị gốc đầu tư (đồng) |
|----------|---|-----------------------------------|---------------------------|
| A | Đầu tư vào công ty con | | 684.203.000.000 |
| 1 | Công ty CP Đầu tư Bất động sản Saigontel | 70% | 35.000.000.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Bắc | 100% | 65.243.000.000 |
| 3 | Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Sài Gòn | 60% | 120.000.000.000 |
| 4 | Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Saigontel - Thái Nguyên | 100% | 1.460.000.000 |
| 5 | Công ty TNHH Saigontel Long An | 75% | 337.500.000.000 |
| 6 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ cao Saigontel | 100% | 125.000.000.000 |
| B | Đầu tư vào công ty liên kết | | 1.312.248.680.000 |
| 1 | Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina | 48,93% | 139.368.680.000 |
| 2 | Công ty CP SkyX Saigontel | 30% | 3.480.000.000 |
| 3 | Công ty CP Đầu tư Phát triển Long An | 40% | 600.000.000.000 |
| 4 | Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 30% | 540.000.000.000 |
| 5 | Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel | 36,75% | 29.400.000.000 |

| STT | Khoản đầu tư | Số cổ phần/Tỷ lệ sở hữu (cổ phần) | Giá trị gốc đầu tư (đồng) |
|----------|--|-----------------------------------|---------------------------|
| C | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 610.011.372.585 |
| 1 | CTCP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn | 16.003.665 | 265.313.144.445 |
| 2 | CTCP Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn | 6.270.000 | 220.000.000.000 |
| 3 | CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Cao Sài Gòn | 2.881.200 | 28.812.000.000 |
| 4 | CTCP Đầu Tư Phát Triển nhà máy điện Sài Gòn Bình Thuận | 1.887.618 | 29.246.203.140 |
| 5 | CTCP Đầu tư Việt Sô | 375.000 | 4.880.025.000 |
| 6 | Trường ĐHDL Hùng Vương | 230.000 | 2.300.000.000 |
| 7 | CTCP Tập đoàn Đầu tư Vũng Tàu | 5.946.000 | 59.460.000.000 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

- Các khoản đầu tư tài chính tại 30/06/2022 trên báo cáo hợp nhất như sau:

| STT | Khoản đầu tư | Số cổ phần/Tỷ lệ sở hữu (cổ phần) | Giá trị gốc đầu tư (đồng) |
|----------|---|-----------------------------------|---------------------------|
| A | Đầu tư vào công ty liên kết | | 1.342.248.680.000 |
| 1 | Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina | 48,93% | 139.368.680.000 |
| 2 | Công ty CP SkyX Saigontel | 30% | 3.480.000.000 |
| 3 | Công ty CP Đầu tư Phát triển Long An | 40% | 600.000.000.000 |
| 4 | Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 30% | 540.000.000.000 |
| 5 | Công ty CP Công viên Tâm linh Bảo Lạc | 30% | 30.000.000.000 |
| 6 | Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel | 36,75% | 29.400.000.000 |
| B | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 610.020.372.585 |
| 1 | CTCP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn | 16.003.665 | 265.313.144.445 |
| 2 | CTCP Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn | 6.270.000 | 220.000.000.000 |
| 3 | CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Cao Sài Gòn | 2.881.200 | 28.812.000.000 |

| STT | Khoản đầu tư | Số cổ phần/Tỷ lệ sở hữu (cổ phần) | Giá trị gốc đầu tư (đồng) |
|-----|--|-----------------------------------|---------------------------|
| 4 | CTCP Đầu Tư Phát Triển nhà máy điện Sài Gòn Bình Thuận | 1.887.618 | 29.246.203.140 |
| 5 | CTCP Đầu tư Việt Số | 375.000 | 4.880.025.000 |
| 6 | Trường ĐHDL Hùng Vương | 230.000 | 2.300.000.000 |
| 7 | CTCP Tập đoàn Đầu tư Vũng Tàu | 5.946.000 | 59.460.000.000 |
| 8 | Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc SPT | 0,009% | 9.000.000 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

❖ **Hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính:**

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty tiếp tục phát triển 04 mảng hoạt động sản xuất kinh doanh chính như sau:

Hoạt động thương mại, dịch vụ:

Công ty tiếp tục tiến hành dịch vụ triển khai xây dựng dự án tại Khu nhà ở xã hội Bàu Tràm giai đoạn 1 cũng như dịch vụ tư vấn dự án, phân phối các sản phẩm bất động sản cho các công ty trong tập đoàn SGT và SGI. Doanh thu ghi nhận 269,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 46,8% tổng doanh thu và lợi nhuận gộp đạt 123,1 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu 45,7%.

Hoạt động viễn thông và Công nghệ Thông tin

Công ty vẫn duy trì hoạt động ở lĩnh vực Viễn Thông và Công nghệ thông tin với hoạt động Cung cấp dịch vụ hạ tầng đường truyền trong nước và quốc tế, doanh thu đạt 29,2 tỷ chiếm 5,1% tổng doanh thu 6 tháng đầu năm của SAIGONTEL và lợi nhuận gộp đạt 14,3 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu là 49,2%. Mảng dịch vụ hạ tầng và đường truyền trong năm 2022 tiếp tục tập trung phát triển hệ thống hạ tầng và khách hàng tại các KCN như Đại Đồng Hoàn Sơn, Trảng Duệ, Quang Châu, Quế Võ. Đồng thời với màn kênh truyền quốc tế, Công ty đã ký kết được các hợp đồng lớn cung cấp đường truyền IPLC, IPTransit, kênh thuê riêng, VOID,...

Hoạt động kinh doanh văn phòng, nhà xưởng

Đến tháng 6.2022, tỷ trọng của lĩnh vực kinh doanh bất động sản của SAIGONTEL vẫn tiếp tục được duy trì ổn định như các năm trước, đóng góp 42,5% tổng doanh thu, đạt 244,75 tỷ đồng và lợi nhuận gộp 124,1 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu 50,7% , đến từ 2 hoạt động kinh doanh chính là Bất động sản Khu công nghiệp và Bất động sản cao tầng:

- Mảng Bất động sản Khu công nghiệp là lĩnh vực truyền thống và chủ đạo của SAIGONTEL kể từ khi thành lập đến nay, với việc kinh doanh và vận hành KCN Đại Đồng Hoàn Sơn GDI, hiện vẫn luôn đem lại doanh thu và lợi nhuận ổn định cho công ty. 6 tháng đầu năm 2022, bên cạnh hai hoạt động chủ yếu là thuê đất dài hạn và cho thuê nhà xưởng – văn phòng, Công ty đã đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ tại KCN. Theo đó doanh thu của khối bất động sản khu công nghiệp đạt được 166 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 60% doanh thu.

- Máng bắt động sản cao tầng, hiện SAIGONTEL đang sở hữu tòa nhà ICT tại Công viên phần mềm Quang Trung với 8 tầng cho thuê có tỷ lệ lấp đầy đạt 100%, doanh thu ghi nhận 6 tháng đầu năm là 7 tỷ đồng. Công ty cũng đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với dự án ICT2 liền kề ICT1 và hoàn thành phần móng cọc của tòa nhà, hiện đã tiến hành khởi công xây dựng và dự kiến cho thuê vào năm 2023. Dự án SAIGONTEL CENTRAL PARK tại Bắc Giang tiếp tục ghi nhận thêm doanh thu 69,8 tỷ đồng từ việc mua bán căn hộ.

Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Dịch vụ kinh doanh xăng dầu tuy có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu SGT nhưng dịch vụ này cũng góp phần hoàn thiện hệ sinh thái tại các Khu công nghiệp mà SGT và tập đoàn SGI đang sở hữu.

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện

| STT | Tên Hợp đồng | Giá trị (triệu đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian thực hiện | Sản phẩm dịch vụ | Đối tác ký kết | Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn (nếu có) |
|-----|---|----------------------|------------------|-------------------------|--|------------------------------------|--|
| 1 | Hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng số 1007/2020/HDTT XD/SDN-SGU | 968.847 | 10/07/2020 | Đến 31/07/2022 | Chung cư Nhà ở XH | Công ty CP đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng | TGD cty là Phó TGD SGT |
| 2 | Hợp đồng tư vấn và phân phối bất động sản số 31/2018/SHP-SGTL/HDTVPP | Hợp đồng khung | 01/11/2018 | Đến 31/12/2022 | Tiếp thị, phân phối độc quyền căn hộ tại dự án Tràng Duệ | Công ty CP KCN Sài Gòn – Hải Phòng | CT HĐQT SGT là người đại diện pháp luật |
| 3 | Thỏa thuận đặt cọc cho thuê lại đất theo TTĐC số 1703/CN2-5/TTDC-SGT/2020 | 44.289 | 09/07/2021 | Đến hết ngày 14/06/2060 | Thuê đất KCN | Công ty TNHH Sy Tech Vina | Không có |
| 4 | Thỏa thuận đặt cọc cho thuê lại đất theo TTĐC số 412/CN6- | 108.154 | 04/12/2020 | Đến hết ngày | Thuê đất KCN | Công ty TNHH Phát Triển Quốc | Không có |

| STT | Tên Hợp đồng | Giá trị (triệu đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian thực hiện | Sản phẩm dịch vụ | Đối tác ký kết | Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn (nếu có) |
|-----|--|----------------------|------------------|-------------------------|------------------|--------------------------------------|--|
| | 2/TTĐC-SGT/2020 | | | 14/06/2060 | | Tê Khôi Nguyên | |
| 5 | Thỏa thuận đặt cọc cho thuê lại đất theo TTĐC số 113/CN1-1-1/TTĐC-SGT/2020 | 53.074 | 11/03/2020 | Đến hết ngày 14/06/2060 | Thuê đất KCN | Cty TNHH MTV Bảo Minh Nga | Không có |
| 6 | Thỏa thuận đặt cọc cho thuê lại đất theo TTĐC số 1412/CN6-1/TTĐC-SGT/2020 | 104.805 | 07/06/2021 | Đến hết ngày 14/06/2060 | Thuê đất KCN | Trương Thị Thu Hương | Không có |
| 7 | HD thuê văn phòng số 308/2021/HDT/SGT-SPS | 1.912/tháng | 01/09/2021 | 31/12/2024 | Thuê VP | Cty TNHH SWISS POST SOLUTIONS | Không có |
| 8 | Cung cấp hạ tầng đường truyền trong KCN Quế Võ | 9,7 tỷ đồng/năm | | | | 134 khách hàng trong khu công nghiệp | Không có |
| 9 | Cung cấp hạ tầng đường truyền trong KCN Đại Đồng Hoàn Sơn | 9,7 tỷ đồng/năm | | | | 199 khách hàng trong khu công nghiệp | Không có |
| 10 | Cung cấp hạ tầng đường truyền trong KCN Quang Châu Bắc Giang | 13,2 tỷ đồng/năm | | | | 98 khách hàng trong khu công nghiệp | Không có |
| 11 | Cung cấp hạ tầng đường truyền trong KCN Trảng Duệ Hải Phòng | 10 tỷ đồng/năm | | | | 79 khách hàng trong khu công nghiệp | Không có |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty từ năm 2020 đến nay như sau:

| STT | Tên | Giá trị giao dịch trên doanh thu/ doanh số mua hàng (triệu đồng) | Thời gian giao dịch | Sản phẩm dịch vụ | Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn |
|-----------|---|---|---------------------|--|---|
| I | Khách hàng | | | | |
| 1 | Công ty CP đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng | 968.847 | Đến 31/07/2022 | Chung cư Nhà ở XH | TGD cty là Phó TGD SGT |
| 2 | Công ty CP KCN Sài Gòn – Hải Phòng | 42.000 | 31/12/2022 | Tiếp thị, phân phối độc quyền căn hộ tại dự án Trảng Duệ | CT HDQT SGT là người đại diện pháp luật |
| 3 | Công ty TNHH Sy Tech Vina | 44.289 | 09/07/2021 | Thuê đất KCN | Không có |
| 4 | Công ty TNHH Phát Triển Quốc Tế Khởi Nguyễn | 108.154 | 04/12/2020 | Thuê đất KCN | Không có |
| 5 | Công ty TNHH MTV Bảo Minh Nga | 53.074 | 11/03/2020 | Thuê đất KCN | Không có |
| 6 | Trương thị Thu Hương | 104.805 | 07/06/2021 | Thuê đất KCN | Không có |
| 7 | Công ty TNHH SWISS POST SOLUTIONS | 1.912 trđ/tháng | 31/12/2024 | Thuê văn phòng | Không có |
| II | Nhà cung cấp | | | | |
| 1 | Công ty CP Licogil 3 | 283.728 | 05/03/2021 | Thi công xây dựng | Không có |
| 2 | CTCP Đầu tư & XD Samcons Việt Nam | 242.733 | 17/05/2021 | Thi công xây dựng | Không có |
| 3 | CTCP Xăng dầu dầu khí Hà Nội | HD khung | 11/07/2023 | Kinh doanh xăng dầu | Không có |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

❖ Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Là thành viên của Tập đoàn đầu tư Sài Gòn (Saigon Investment Group – SGI) từ năm 2002, SaigonTel tiền thân là công ty cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông trong các khu công nghiệp thuộc tập đoàn, đến nay Công ty đã tham gia vào nhiều lĩnh vực khác và từng bước khẳng định được vị thế của mình. SaigonTel đã gặt hái nhiều thành công, doanh thu ổn định và phát triển mạnh qua từng thời kỳ và là đối tác xúc tiến đầu tư hiệu quả của nhiều địa phương. SaigonTel mong muốn được xúc tiến để thu hút và kêu gọi đầu tư nước ngoài mạnh mẽ hơn nữa vào các khu công nghiệp do Tập đoàn SGI đầu tư và Saigontel quản lý, đặc biệt là các khách hàng đến từ Châu Âu như Liên Bang Nga, Thụy Điển và Na – Uy. Bên cạnh Bất động sản, Viễn thông và Công nghệ chính là mảng kinh doanh cốt lõi của SaigonTel từ khi thành lập, SaigonTel hiện đang có các đối tác hàng đầu trên thế giới như China Unicom Americas, Aipac, Private Mobile, Anetcom HQ và KDigital, Viettel, VNPT,... Khách hàng của SaigonTel tập trung tại các phân khúc: các Cơ quan chính phủ - Bộ ban ngành (GOV); các Tập đoàn đa quốc gia (MNC); Tập đoàn/Công ty Viễn thông (Telco); các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại VN (SMB).

Về hoạt động thương mại dịch vụ:

- Hiện nay, SaigonTel tập trung vào phát triển xây dựng các khu đô thị, nhà ở xã hội, tiêu biểu như: chung cư Saigontel Central Park tại Bắc Giang; dự án nhà ở xã hội (NOXH) có quy mô lớn bậc nhất Việt Nam – The Ori Garden, trong khu đô thị Bầu Trám Lakeside Đà Nẵng. Văn phòng cho thuê: ICT1, ICT2.

| STT | Tên Khu Đô Thị/ Nhà ở xã hội/ Văn phòng cho thuê | Tỷ lệ lợi ích của SGT (%) | Tổng diện tích (m2) |
|------------------|--|---------------------------|---------------------|
| 1 | Chung cư Saigontel Central Park | 91% | 1.490 |
| 2 | Nhà ở Xã Hội Bầu Trám - The Ori Garden | 42% | 13.218 |
| 3 | Tòa nhà Saigon ICT Tower | 100% | 1.080 |
| 4 | Tòa nhà Saigon ICT Tower 2 | 100% | 1.489,85 |
| Tổng cộng | | | 17.277,85 |

Năm 2021, SGU (Công ty con của SGT) đã chính thức ký hợp đồng với đối tác để đặt bán toàn bộ 274 căn chung cư thương mại với giá trị 283.7 tỷ đồng. Ban điều hành SGU sẽ tiếp tục nỗ lực chào bán tiếp 1.275 căn chung cư còn lại trong cuối năm nay, hứa hẹn sẽ mang lại doanh thu lớn cho công ty. Không dừng lại ở đó, Công ty sẽ tiếp tục động thổ và triển khai giai đoạn 2 với 6 tòa chung cư, tổng số lượng 1.809 căn hộ và sẽ mở bán trong đầu năm sau. Mang lại doanh thu, việc làm ổn định trong những năm tiếp theo. SGU đặt mục tiêu và quyết tâm hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 1.549 căn hộ đầu tiên vào đầu tháng 8 năm 2022. Với lợi thế là thành viên của Tập đoàn đầu tư Sài Gòn, định hướng trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xây dựng các khu đô thị khi nhà ở thương mại và đất nền qua đó từng bước khẳng định được vị thế trong ngành.

Dịch vụ lắp đặt điện mặt trời cũng được SaigonTel định hướng phát triển trong thời gian tới để tận dụng phần diện tích áp mái tại các Khu công nghiệp. Tính đến hết năm 2021, SaigonTel đã khảo sát trên 40 dự án nhà máy, xưởng sản xuất (dung lượng đã khảo sát là gần 90MW) và đang tiếp tục triển khai để thực hiện tại các khu công nghiệp còn lại. Tuy sản lượng điện không thể so sánh với các doanh nghiệp trong ngành nhưng SaigonTel cũng có lợi thế riêng về địa điểm lắp đặt

cũng như chi phí quản lý vận hành do việc thực hiện lắp đặt điện mặt trời áp mái trong các Khu công nghiệp của SGI và các bên liên kết.

Về viễn thông, công nghệ:

Mặc dù xuất hiện sau trên thị trường viễn thông, nhưng với hơn 20 năm hoạt động và phát triển, SAIGONTEL đã nhanh chóng trở thành một trong những công ty có tốc độ phát triển nhanh trong lĩnh vực viễn thông – truyền thông, CNTT ngày nay. Trong nhiều năm liền SAIGONTEL liên tiếp lọt vào Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Ngoài ra, SAIGONTEL được vinh danh nằm trong Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam FAST500 lần đầu tiên được công bố bởi Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet. Đó chính là những nỗ lực không ngừng của một đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm cùng với những định hướng chiến lược đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty và đặc biệt là sự hậu thuẫn vững chắc của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI). Với những ưu thế trên, SAIGONTEL càng tự tin phát huy tối đa những thế mạnh sẵn có của Công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực CNTT, viễn thông, truyền thông. Sau đây là những minh chứng cho sự cạnh tranh của SAIGONTEL trong lĩnh vực dịch vụ:

- o Năm 2021, UBND tỉnh Thái Nguyên và Liên minh Công nghệ Saigontel - NGS đã chính thức khai trương nền tảng công dân số đầu tiên của tỉnh - ứng dụng "ThaiNguyen ID". Sự kiện trên đánh dấu bước ngoặt của tỉnh Thái Nguyên khi tỉnh trở thành 1 trong 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.
- o Trong những ngày đầu năm 2022, UBND tỉnh Hải Dương vừa ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Liên minh SAIGONTEL-NGS về Chuyển đổi số và tư vấn đầu tư Trung tâm Đổi mới sáng tạo của Hải Dương. Liên minh SAIGONTEL-NGS khẳng định, bằng kinh nghiệm, năng lực của mình, doanh nghiệp sẽ đồng hành cùng tỉnh Hải Dương trong chuyển đổi số, đưa ra giải pháp cụ thể, lộ trình phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Về hoạt động kinh doanh văn phòng nhà xưởng:

Dưới sự dẫn dắt và hậu thuẫn đặc lực của ông Đặng Thành Tâm và Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (KBC), hai năm vừa qua SAIGONTEL đã chuyển mình thành công từ một công ty CNTT - viễn thông, trở thành doanh nghiệp BĐS sở hữu hơn 1000 ha quỹ đất công nghiệp – đô thị – dịch vụ. Sở hữu vị trí thuận lợi kết nối giao thông ở các vùng miền trọng yếu, các dự án của SAIGONTEL luôn nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Quỹ đất công nghiệp hiện hữu của công ty như sau:

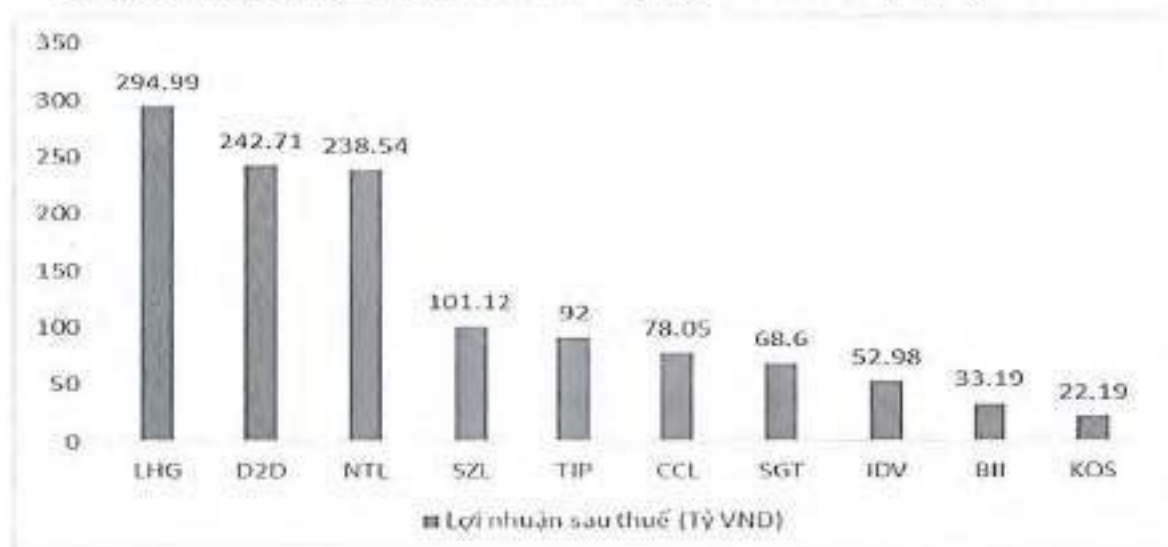
| STT | Tên Khu công nghiệp | Tỷ lệ lợi ích của SGT (%) | Tổng diện tích (ha) |
|-----|--|---------------------------|---------------------|
| 1 | Khu Công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn 1 (Chủ đầu tư: SGT - CN Bắc Ninh) | 100% | 286,82 |
| 2 | Khu Công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn 2 (Chủ đầu tư: SGT - CN Bắc Ninh) | 82% | 95,81 |
| 3 | Khu Công nghiệp Nam Tân Tập (Chủ đầu tư: Công ty TNHH SaigonTel Long An) | 75% | 244,74 |
| 4 | Cụm Công nghiệp Tân Phú 1 | 100% | 74,5 |

| | | | |
|------------------|---|------|-----------------|
| 5 | Cụm Công nghiệp Tân Phú 2 | 100% | 56,5 |
| 6 | Cụm Công nghiệp Lương Sơn | 100% | 34,5 |
| 7 | Khu Công nghệ Cao Đà Nẵng (Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ cao SaigonTel) | 100% | 15 |
| 8 | Cụm công nghiệp ở Hưng Yên | 30% | 225 |
| Tổng cộng | | | 1.032,87 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

Ngoài các dự án đã và đang triển khai, SAIGONTEL đang tiếp tục hoàn thiện pháp lý thêm cho các dự án tiềm năng khác tại tỉnh Hải Dương, BRVT... Quỹ đất dự kiến mở rộng của Tập Đoàn lên đến hơn 3000ha.

Bảng so sánh lợi nhuận sau thuế các doanh nghiệp BĐS Khu công nghiệp năm 2021



Nguồn: Tổng hợp BCTC CKT/HH năm 2021 các công ty

Dựa trên thống kê từ 10 doanh nghiệp bất động sản KCN đang niêm yết, gồm Công ty Cổ phần Long Hậu (LHG), CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (D2D), CTCP Phát triển Đô Thị Từ Liêm (NTL), CTCP Sonadezi Long Thành (SZL), CTCP Phát triển Khu Công nghiệp Tin Nghĩa (TIP), CTCP Đầu Tư và Phát triển Đô Thị Dầu khí Cửu Long (CCL), CTCP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SGT), CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (IDV), CTCP Louis Land (BII), CTCP KOSSY (KOS). Có thể nhận định rằng mức lợi nhuận của SGT đạt được rơi vào mức trung bình, vượt qua các công ty hoạt động lâu năm trong ngành BĐS KCN như IDV, BII, KOS. Với quỹ đất lớn và các dự án tiềm năng khác đang được hoàn thiện pháp lý, năm 2022 sẽ là một năm đầy triển vọng cho SAIGONTEL phát triển và tạo dựng vị thế trong ngành bất động sản Khu công nghiệp.

Về hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Hiện nay, hoạt động kinh doanh xăng dầu của SaigonTel chỉ giới hạn tại các Khu công nghiệp với mục tiêu hoàn thiện hệ sinh thái, do đó doanh số bán hàng và số lượng khách hàng nhỏ hơn nhiều so với các doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, SaigonTel luôn có lượng khách hàng

ổn định nhờ vào việc ứng dụng các giải pháp mua hàng thông minh tiết kiệm thời gian, giúp các khách hàng dễ dàng quản lý và đối soát.

❖ Triển vọng phát triển ngành

Hoạt động thương mại, dịch vụ:

Hoạt động xây dựng: Năm 2022, triển vọng tăng trưởng của các Doanh nghiệp xây dựng được dự báo vẫn tương đối khả quan cùng với sự đi lên của thị trường bất động sản. Đối với triển vọng doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp xây dựng trong năm 2022, SSI Research nhận định việc giá trị hợp đồng ký kết chưa thực hiện (backlog) cuối năm 2021 có thể đảm bảo doanh số xây dựng phục hồi. Bên cạnh đó, việc giá thép xây dựng điều chỉnh giảm trong năm 2022 có thể giúp cải thiện biên lợi nhuận cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực thầu xây dựng. Đồng thời, việc Chính phủ quyết tâm đẩy mạnh đầu tư công cùng những gói hỗ trợ về phục hồi kinh tế, đặc biệt GDP được dự báo tăng 6,5% - 7% trong năm 2022 không chỉ tạo cơ hội cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực bất động sản mà còn cả những công trình khác về hạ tầng kỹ thuật, văn hoá, xã hội,... Do đó, ngành xây dựng nói chung, vật liệu xây dựng nói riêng sẽ có cơ hội phát triển rất tốt trong năm 2022.

Điện năng lượng mặt trời: Kể từ năm 2019, Việt Nam đã trở thành quốc gia dẫn đầu về áp dụng điện mặt trời và điện gió trong khu vực ASEAN. Việt Nam đã vượt qua Thái Lan và có công suất lắp đặt năng lượng mặt trời và gió lớn nhất vào năm 2019. Tổng công suất quang điện mặt trời (PV) của Việt Nam đạt khoảng 16.500megawatt (MW) vào cuối năm 2020 (Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế, 2021). Con số này đã vượt xa mục tiêu ban đầu là 850MW vào năm 2020 (Chính phủ Việt Nam, 2016) và thậm chí đang tiến gần đến mục tiêu dự kiến là 18.600MW công suất điện mặt trời lắp đặt vào năm 2030 được đề cập trong bản dự thảo Quy hoạch phát triển điện 8 của Việt Nam (Viện Năng lượng Việt Nam, Năm 2021). Hơn 100.000 hệ thống điện mặt trời áp mái đã được lắp đặt tại Việt Nam vào năm 2019 và 2020, một thành tích phi thường (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, 2020). Mặc dù hầu hết các nước ASEAN đều có những cơ hội tương tự, nhưng họ vẫn chưa đạt được bước tiến nhanh chóng trong phát triển năng lượng mặt trời và gió như ở Việt Nam.

Công nghệ, viễn thông:

Lĩnh vực công nghệ, viễn thông và công nghệ thông tin là lĩnh vực chiến lược thiết yếu, đóng vai trò là hỗ trợ quan trọng cho nhiều ngành sản xuất kinh doanh như vận tải, công nghiệp, dịch vụ ... Dịch Covid-19 đặt ra thách thức chưa từng có cho các doanh nghiệp, nhưng lại là cơ hội rất lớn bởi tất cả các tổ chức, doanh nghiệp, quốc gia đều thực hiện chuyển đổi số. Theo dự báo của IDC - Hãng cung cấp dữ liệu thị trường về công nghệ thông tin hàng đầu thế giới, đầu tư vào chuyển đổi số vẫn đang tăng với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép (CAGR) dự báo đạt 15,5% trong giai đoạn 2020 - 2023. Dự kiến lĩnh vực này sẽ đạt 6.800 tỷ USD, khi nhiều công ty đang tận dụng các chiến lược đầu tư hiện có với sự trợ giúp của công nghệ để trở thành doanh nghiệp số tương lai. IDC cũng dự báo tới năm 2022, có tới 65% GDP toàn cầu sẽ đến từ số hóa. Cuối năm 2022, có 70% các tổ chức và doanh nghiệp sẽ tăng tốc chuyển đổi số, nhằm chuyển đổi quy trình hoạt động hiện tại để tăng cường tương tác với khách hàng, cải thiện năng suất lao động và nâng cao năng lực phục hồi của doanh nghiệp.

Vừa qua, Chính phủ cũng ban hành “Chương trình chuyển đổi số quốc gia” căn cứ theo Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/06/2021 có hiệu lực đến năm 2025 với nhiều mục tiêu phát triển chính phủ số, xã hội số, kinh tế số. Trong đó, hạ tầng số đóng vai trò

quan trọng trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia và mục tiêu “Phổ cập dịch vụ mạng internet băng rộng cáp quang” đến toàn dân. Mục tiêu đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh,... Mạng 5G là tác nhân quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số diễn ra nhanh và hiệu quả trên diện rộng. Trước đây, các tập đoàn lớn thường nhìn vào cơ sở hạ tầng giao thông, điện, nước ... khi đến đầu tư vào một quốc gia. Ngày nay, hạ tầng còn bao gồm các kết nối tốc độ cao, mạng viễn thông và di động. Việt Nam hiện là một trong số những quốc gia sớm triển khai 5G, đây được xem là yếu tố giúp thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn.

Hiện có hơn 60 nhà mạng ở 30 quốc gia đã triển khai thương mại công nghệ 5G. Hơn 380 nhà mạng ở 120 quốc gia đang đầu tư để chuẩn bị triển khai 5G thương mại trong thời gian sắp tới. Dự kiến đến năm 2023, sẽ có khoảng 1 tỷ kết nối 5G trên toàn cầu và sẽ tăng lên 2.8 tỷ vào năm trong năm 2025. Theo GSMA Intelligence, số lượng thuê bao 5G tại Việt Nam dự kiến sẽ chiếm khoảng 5% tổng số lượng thuê bao di động trong năm 2025. Mặt khác, việc triển khai sớm dịch vụ 5G cũng có thể sẽ giúp doanh thu của các nhà mạng di động Việt Nam tăng thêm khoảng 300 triệu USD/năm từ năm 2025. Hiện Viettel, VNPT và MobiFone là các nhà mạng đang thử nghiệm 5G, dự kiến trong năm 2021 sẽ chính thức thương mại hóa dịch vụ. Dự kiến các nhà mạng sẽ cần phải đầu tư khoảng 1.5 - 2.5 tỷ USD cho hạ tầng công nghệ trong 5 năm tới để triển khai cũng như phát huy tối đa tốc độ của 5G.

Chuyển đổi số đang được ứng dụng ngày một rộng rãi trong hầu hết các doanh nghiệp trên toàn thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Căn cứ theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông đang dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030. Trong đó nêu rõ định hướng phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, phần đầu từng bước làm chủ công nghệ, chủ động thiết kế, chế tạo các sản phẩm, chủ động trong sáng tạo các dịch vụ, giải pháp, mô hình kinh doanh mới, hợp tác nhưng không phụ thuộc vào các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài. Mục tiêu đến năm 2025 - 2030 sẽ phát triển 70,000 - 100,000 doanh nghiệp công nghệ số; giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam sẽ đạt tăng trưởng bình quân từ 10 - 20%/năm; đóng góp từ 10 - 20% tăng trưởng GDP; Việt Nam sẽ thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI), thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI), thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII).

Hoạt động kinh doanh văn phòng, nhà xưởng:

Theo nhận định của các chuyên gia, dù dịch bệnh vẫn còn, nhưng giai đoạn khó khăn nhất của thị trường đã qua, bức tranh thị trường bất động sản 2022 sẽ lạc quan hơn khi các hoạt động kinh tế phục hồi trở lại. Giá bất động sản sẽ tiếp tục xu hướng đi lên. Trong dài hạn có nhiều yếu tố giúp thị trường phát triển, bao gồm tốc độ phát triển dân số, đô thị, sự phát triển cơ sở hạ tầng, sự tăng trưởng về thu nhập, sự hội nhập của nền kinh tế sẽ khiến thị trường bất động sản vượt qua được đại dịch để hồi phục.

Kinh doanh xăng dầu:

Sự bùng phát của đại dịch covid-19 do biến thể Delta cũng như việc xuất hiện biến thể mới vào năm 2021 đã khiến hoạt động xã hội và sản xuất bị đình trệ do lệnh giãn cách của Chính phủ. Tuy nhiên giai đoạn khó khăn nhất của thị trường đã qua. Theo đánh giá của các chuyên gia, Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng trong năm 2022 do được hỗ trợ bởi nhu cầu đi lại của người

dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của Việt Nam phục hồi từ Quý 4/2021 trở đi khi Chính phủ nới lỏng giãn cách xã hội. Cùng với đó, mức tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu tính theo đầu người ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Là một quốc gia đang phát triển với tốc độ tăng trưởng GDP cao khoảng 7%/năm và tầng lớp trung lưu ngày càng tăng nên dự báo nhu cầu ô tô cũng sẽ nhanh chóng phục hồi, mang lại lợi ích cho các nhà phân phối xăng dầu lớn tại Việt Nam. Tuy dịch bệnh vẫn còn hiện hữu nhưng dự kiến nhu cầu xăng dầu tại Việt Nam sẽ tăng trưởng 5,5%/năm, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng toàn cầu là 1,3%.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

Hiện tại, cùng với xu hướng chung của thế giới, nhà nước cũng đang ngày càng quan tâm hơn tới công tác chuyển đổi số với việc ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi cho hoạt động công nghệ thông tin và viễn thông, điều này góp phần tạo cơ hội cho sự phát triển của ngành. Do đó, chiến lược phát triển của Công ty với công tác tiếp tục khai thác thị trường các khối hạ tầng viễn thông, khối bất động sản khu công nghiệp và khối bất động sản đô thị, thường xuyên cập nhật tình hình, đầu tư bổ sung liên tục để theo kịp đà phát triển của thị trường và đáp ứng nhu cầu của khách hàng là hoàn toàn phù hợp với sự phát triển của các ngành sản xuất kinh doanh có liên quan, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

Công ty có bộ phận chuyên trách làm nhiệm vụ marketing. Trong các năm sắp tới, về hoạt động marketing, Công ty định hướng:

- Xây dựng kế hoạch marketing để tiếp tục quảng bá thương hiệu Công ty.
- Khảo sát và đánh giá thị trường để có định hướng chiến lược phù hợp, lâu dài và ổn định.
- Triển khai các chương trình duy trì hình ảnh, thương hiệu qua các chương trình, sự kiện với nhiều hình thức phong phú như: tham gia các cuộc thi, bình chọn thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm nhằm khẳng định vị trí và uy tín của thương hiệu Công ty, tổ chức các sự kiện lớn cho các CB-NV, khách hàng ...
- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư cùng với các địa phương nhằm quảng bá, thu hút đầu tư trong và ngoài nước cho lĩnh vực bất động sản công nghiệp.
- Tổ chức thực hiện các kênh truyền thông hiệu quả, chi phí hợp lý.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa và tinh thần đoàn kết giữa các phòng ban trong Công ty thông qua các hoạt động, chương trình nội bộ.

Trong năm 2020, SaigonTel đã đồng hành cùng nhiều tỉnh thành như Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An,... trong nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm phát triển quan hệ đối tác trong nước và quốc tế, đồng thời quảng bá môi trường đầu tư, thu hút nhà đầu tư về cho các khu công nghiệp thuộc Tập Đoàn Đầu Tư Sài Gòn.

Được sự tin nhiệm của lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, SaigonTel đã chính thức trở thành đại diện quảng bá môi trường đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, dịch vụ chất lượng cao bao gồm y tế, giáo dục, du lịch, dịch vụ hậu cần cảng biển. Công ty đã thu hút 2 nhà đầu tư lớn từ Silicon Valley, Hoa Kỳ vào Khu Công Nghệ Cao TP. Đà Nẵng đó là Công ty Hayward Quartz Technology, Inc. và Công ty WestCoast Precision, Inc.

Bên cạnh Đà Nẵng, SaigonTel còn là đại diện xúc tiến cho Bà Rịa Vũng Tàu với nhiều dự án trọng điểm quan trọng liên quan lĩnh vực công nghiệp, đô thị, công nghệ, dịch vụ cảng biển. Tháng 3/2021, SaigonTel đã kết nối Tổ chức quốc tế KOICA cùng các nhà đầu tư Hàn Quốc đến tham quan, khảo sát một số dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh và nghiên cứu tiềm năng phát triển đô thị thông minh tại Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại Long An, được sự tin tưởng của toàn thể lãnh đạo Tỉnh, SaigonTel tiếp tục kết nối Long An cùng phái đoàn nhà đầu tư nhằm giới thiệu môi trường đầu tư tỉnh Long An và một số dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh (Khu Công Nghiệp và Cảng Long An, Khu công nghiệp Nam Tân Tập...). Thông qua chương trình làm việc, tỉnh Long An có cơ hội kết nối, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cơ quan hợp tác quốc tế KOICA và chủ tịch Liên hiệp hội người Hàn tại Việt Nam tạo thuận lợi cho các chương trình xúc tiến tiếp theo. Tọa đàm định hướng phát triển vùng kinh tế công nghệ cao Long An được tổ chức vào ngày 19/04/2021 tại Long An và thu hút được sự quan tâm của: 06 các tổ chức hợp tác quốc tế và Hiệp hội Hàn Quốc (KOICA, Kotra, Korcham, Shinhan, SMBL, Hiệp hội người Hàn tại VN) và 11 Tập đoàn đầu tư (CJ Group, Lotte Properties, Samsung Display, Samsung Electronic, Samsung Engineering, Hanwha, SK Vietnam, ES Vina, Handong E&C, BusyRun, Nice Info). Chương trình gây được hiệu ứng truyền thông rất tốt cho công tác quảng bá, thu hút đầu tư tỉnh Long An về tiềm năng, lợi thế phát triển của môi trường đầu tư Long An, tạo hiệu quả cho công tác xúc tiến đầu tư.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

❖ Logo Công ty

Nhãn hiệu đã được Công ty đăng ký bản quyền.



❖ Các sản phẩm, dịch vụ đã đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, tên thương mại và sáng chế

Không có

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế cũng như toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, SaigonTel phải thường xuyên cập nhật tình hình, đầu tư bổ sung liên tục để theo kịp đà phát triển của thị trường và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động trong hoạt động kinh doanh. Việc nghiên cứu những công nghệ mới để tạo giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ là mục tiêu phấn đấu của Công ty để đẩy mạnh sự phát triển. Tháng 5 năm 2021, SaigonTel đã thành lập Tiểu ban Chính sách Phát triển trực thuộc HĐQT, với đội ngũ cán bộ có trình độ bao gồm những thành viên HĐQT. Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban Chính sách Phát triển như sau:

- Xác định, đánh giá và thẩm tra hiện trạng doanh nghiệp của công ty mẹ và các công ty con, công ty thành viên;
- Xác định các chiến lược phát triển, mục tiêu và kế hoạch, cũng như những chỉ tiêu thành tích cơ bản của Công ty;
- Xác định ưu tiên hoạt động của Công ty và đánh giá hiệu quả ngắn hạn cũng như dài hạn các hoạt động của Công ty;

- Xác định kế hoạch “chuyển đổi số” cho công ty và làm việc với các phòng ban để thực hiện kế hoạch, xây dựng hệ thống quản lý dựa trên phần mềm quản lý doanh nghiệp;
- Đề xuất phương hướng quản lý, điều hành cho cấp quản lý của công ty mẹ và các công ty con, công ty thành viên.

Tiểu ban đã tích cực tham gia vào công tác “chuyển đổi số” cho Công ty và đang thực hiện số hóa các quy trình, thao tác công việc cho các phòng ban trong Công ty cùng với đơn vị tư vấn.

Hiện nay, SaigonTel đang là đơn vị tài trợ “chuyển đổi số” cho một số địa phương như:

- Thái Nguyên: Ngày 16/03/2021, Sở Thông Tin Truyền Thông tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức Lễ ký kết hợp đồng tư vấn tài trợ dịch vụ tư vấn chuyển đổi số cho tỉnh Thái Nguyên cùng đơn vị tài trợ SaigonTel và đối tác tư vấn chiến lược Công ty Roland Berger Pte.Ltd (một trong 3 tập đoàn tư vấn chiến lược uy tín hàng đầu thế giới) nhằm đưa Thái Nguyên tiến tới mục tiêu xây dựng thành phố thông minh;
- Long An: Ngày 19/04/2021, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Long An đã tổ chức Lễ ký kết hợp đồng tư vấn tài trợ dịch vụ tư vấn chuyển đổi số cho tỉnh Long An cùng đơn vị tài trợ SaigonTel và đối tác tư vấn chiến lược Công ty Roland Berger Pte.Ltd (một trong 3 tập đoàn tư vấn chiến lược uy tín hàng đầu thế giới). Bên cạnh việc ký kết hợp đồng tài trợ, SaigonTel còn kết nối tình ký kết nhiều biên bản ghi nhớ về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực ... nhằm hỗ trợ tỉnh từng bước tiến đến ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Điều này cho thấy ngoài những hoạt động nội bộ, Công ty còn rất nỗ lực đóng góp trong việc phát triển kinh tế - xã hội. “Chuyển đổi số” là một trong những mục tiêu hàng đầu và là đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong thời gian sắp tới. Với nguồn lực và kinh nghiệm của mình, đơn vị tài trợ SaigonTel và đơn vị tư vấn chiến lược hàng đầu Roland Berger khẳng định sẽ hiện thực hóa mục tiêu của tỉnh, đưa Thái Nguyên và Long An trở thành một trong những trung tâm kinh tế, công nghiệp hiện đại.

Các chính sách khác từ năm 2019 đến hiện tại:

Các chính sách liên quan đến vấn đề môi trường: Công ty luôn chú trọng đến vấn đề môi trường bên cạnh việc tạo ra lợi nhuận. Nguồn điện và nước phục vụ cho văn phòng được sử dụng hợp lý và tiết kiệm, nước thải công nghiệp từ các doanh nghiệp trong các KCN được xử lý trước khi thải ra môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm, Công ty không để xảy ra tình trạng khoan giếng bất hợp pháp trong các KCN nhằm bảo vệ nguồn nước ngầm và đồng thời tuyên truyền và giáo dục ý thức cho CBCNV Công ty về ý thức bảo vệ môi trường.

Các chính sách liên quan đến vấn đề lao động: Mức lương bình quân của người lao động được cải thiện qua từng năm, chế độ lương, thưởng của CBCNV được xây dựng và thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế của Công ty, đảm bảo trả lương đủ và đúng hạn, mức lương bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu của vùng. Toàn bộ nhân viên được khám sức khỏe định kỳ, trang bị các kiến thức về an toàn lao động. PCCC, tham gia các hoạt động tập thể của Công ty và được ký hợp đồng lao động và đăng ký BHYT, BHXH, BHTN. Bên cạnh đó, Công ty hàng năm tổ chức các khóa huấn luyện đào tạo để nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn của người lao động để có thể kịp thời đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như thị trường hiện nay.

Các chính sách liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương: SaigonTel tích cực tham gia các hoạt động xã hội như: thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ, hiến máu

tình nguyện, thăm hỏi, tặng quà mẹ Liệt sỹ, gia đình chính sách, quyên góp cho đồng bào chịu ảnh hưởng của thiên tai, phối hợp với các đối tác và nhân hàng để mang lại những món quà ý nghĩa cho người lao động cũng như người dân địa phương; tổ chức các chương trình thiện nguyện như xây nhà tình thương, xây lớp học tại Cao Bằng, phát com tình nguyện cho người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được Công ty tổ chức hằng năm với sự tham gia của toàn thể CBCNV.

10.11. Chiến lược kinh doanh

❖ Chiến lược phát triển chung của Công ty giai đoạn 2021- 2022 như sau:

Công ty tiếp tục đi theo chiến lược kinh doanh với định hướng phát triển mô hình “công nghiệp – đô thị - dịch vụ”, bên cạnh việc duy trì lĩnh vực viễn thông - công nghệ, khu công nghiệp và khu công nghệ cao. Theo đó, các mục tiêu cụ thể như sau:

- Tiếp tục duy trì khai thác các gói dịch vụ đường truyền trong các khu công nghiệp thuộc tập đoàn tại thị trường miền Bắc và tiếp tục mở rộng ra các khu tại khu vực miền Trung, miền Nam. Song song đó, vẫn duy trì các dịch vụ cho thuê băng thông trong nước và quốc tế.
- CTCP Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn hiện đang là chủ sở hữu - Ban Quản lý của 38 KCN và đồng thời là nhà cung cấp các dịch vụ hạ tầng, dịch vụ viễn thông cho các KCN này. Với lợi thế về tập khách hàng, mối quan hệ giữa Ban quản lý và các doanh nghiệp, đội ngũ nhân viên Công ty cũng như cơ sở hạ tầng, vật chất hiện có, SAIGONTEL luôn cố gắng tìm hiểu, nắm bắt và thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng. Công ty nhắm tới mục tiêu tập trung vào nhóm khách hàng FDI trong các KCN, xây dựng hệ sinh thái (eCo-system) đặc trưng, tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác, cung cấp sản phẩm và dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin cho các nhà mạng/hãng sản xuất hàng đầu Việt Nam và thế giới, tập trung vào thị trường Telco, GOV, NMC, SMB,... Bên cạnh đó, SAIGONTEL còn có lợi thế về quỹ đất tại các KCN cũng như các vị trí đắc địa ở các thành phố lớn như Tp.HCM, Hà Nội, do đó Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các dự án bất động sản tại KCN cũng như bất động sản đô thị.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- SAIGONTEL tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mạng, thiết lập mạng lưới thiết bị cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả các lợi thế về tập khách hàng trong các KCN, đưa SAIGONTEL trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ và viễn thông.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng ngành nghề theo hướng bất động sản. Tập trung mở rộng quỹ đất KCN, KĐT tại các tỉnh đang phát triển thu hút đầu tư và tiếp tục duy trì các hoạt động cho thuê đất - nhà xưởng, các dịch vụ tiện ích tại KCN như hạ tầng, nước sạch, cây xanh, môi trường sẽ được Công ty đầu tư xây dựng phát triển cùng với các KCN - Đô thị - Dịch vụ

❖ Nguồn vốn dự kiến:

Trong giai đoạn 2021- 2022, SaigonTel dự kiến sẽ thu xếp nguồn vốn khoảng từ 2000 tỷ đồng đến 2500 tỷ đồng thông qua việc tăng vốn cũng như huy động từ các đối tác chiến lược, vay tín dụng ngân hàng để tiến hành triển khai các dự án nêu trên và bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho công ty. Nguồn lực dự kiến:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty luôn xem CB - NV là tài sản quý giá của doanh nghiệp, là một trong những nhân tố giúp doanh nghiệp phát triển cũng như đạt

được các mục tiêu kinh doanh. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để làm được điều đó, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Phòng vấn, đánh giá nhân sự và lựa chọn nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc.
- Tuyển dụng nguồn nhân lực trẻ, có năng lực trong các lĩnh vực công ty phát triển.
- Bố trí nhân sự đúng người, đúng việc và cơ cấu tổ chức Phòng/Ban theo định hướng.
- Thường xuyên tổ chức đào tạo và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho CB - NV. Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên đăng ký tham gia vào các khóa đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn để nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ.
- Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật và nội quy, quy định của Công ty trong suốt quá trình làm việc.
- Luôn lắng nghe ý kiến của các nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện; Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động, các sự kiện vui chơi tập thể nhằm tạo tinh thần đoàn kết, giao lưu học hỏi giữa các CB - NV với nhau.

❖ **Nguồn nhân lực dự kiến năm 2022:**

| DỰ KIẾN NHÂN SỰ NĂM 2022 | 31.12.2021 | Dự kiến số lượng năm 2022 | Tỷ lệ tăng/giảm (%) |
|-----------------------------|------------|------------------------------|------------------------|
| Quản lý cấp cao | 9 | 9 | - |
| Quản lý cấp trung | 22 | 30 | 36,36% |
| Chuyên viên/nhân viên | 248 | 288 | 16,13% |
| Tổng cộng | 279 | 321 | 15,05% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Công ty luôn đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã đăng ký.

Điều kiện vốn pháp định:

| STT | Mã ngành | Tên ngành | Điều kiện | Đáp ứng |
|-----|----------|---|---|--|
| 1 | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). | Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc hợp tác xã theo quy định của pháp | Công ty hiện tại đáp ứng điều kiện về thành lập doanh nghiệp và vốn pháp |

| STT | Mã ngành | Tên ngành | Điều kiện | Đáp ứng |
|-----|----------|--|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). - Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học | luật về hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và phải có vốn pháp định không được thấp hơn 20 tỷ đồng. | định để kinh doanh BĐS |
| 2 | 4290 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học | <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều kiện hành nghề đối với chỉ huy trưởng công trường; 2. Điều kiện của tổ chức thi công xây dựng công trình; 3. Điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng công trình. | Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện của pháp luật |

Điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài được nêu chi tiết tại điểm 9 Mục IV. Trong đợt phát hành này, Công ty cam kết sẽ không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn theo đúng quy định pháp luật.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty như sau:

| ST T | Tiêu chí | 31/12/2020 | | 31/12/2021 | | 30/06/2022 | |
|------|--------------------------------------|------------------|----------|------------------|----------|------------------|----------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ trọng | Số lượng (người) | Tỷ trọng | Số lượng (người) | Tỷ trọng |
| I | Theo trình độ lao động | 217 | 100% | 198 | 100% | 219 | 100% |
| 1 | Trên Đại học | 4 | 2% | 6 | 3% | 6 | 3% |
| 2 | Đại học | 123 | 57% | 110 | 56% | 127 | 58% |
| 3 | Cao đẳng | 11 | 5% | 11 | 6% | 11 | 5% |
| 4 | Khác | 79 | 36% | 71 | 36% | 75 | 34% |
| II | Theo tính thời vụ của Người lao động | 217 | 100% | 198 | 100% | 219 | 100% |

| ST T | Tiêu chí | 31/12/2020 | | 31/12/2021 | | 30/06/2022 | |
|---------|-----------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ trọng | Số lượng (người) | Tỷ trọng | Số lượng (người) | Tỷ trọng |
| 1 | Lao động thường xuyên | 212 | 98% | 198 | 100% | 219 | 100% |
| 2 | Lao động thời vụ | 5 | 2% | 0 | 0% | 0 | 0% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thống Sài Gòn

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách lương thưởng, trợ cấp

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng việc thu hút nhân tài có trình độ chuyên môn, đặc biệt đội ngũ nhân sự quản lý điều hành. Tùy theo từng vị trí, nhân sự được tuyển dụng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp. Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn rõ ràng.

Song song với việc xây dựng chính sách nhân sự phù hợp, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến chính sách lương, thưởng và đãi ngộ để thu hút và giữ chân người lao động. Các chính sách về lương, thưởng được xây dựng trên tiêu chí công bằng, hợp lý và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước. Lương nhân viên được đảm bảo trả đúng hạn, cao hơn mức tối thiểu của vùng theo Nghị định chính phủ. Bên cạnh đó, dựa vào tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, mức độ đóng góp của nhân viên để có chế độ khen thưởng hợp lý, khuyến khích tinh thần làm việc, nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng khen thưởng nhân viên trong các ngày lễ lớn, tổ chức thăm hỏi, tặng quà nếu nhân viên gặp khó khăn, ốm đau, ma chay, hiếu hỷ. 100% người lao động được đảm bảo hưởng chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp, được thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và tình trạng thiếu nhân lực chuyên môn, Công ty luôn nỗ lực hoàn thiện chế độ, chính sách cho người lao động nhằm thu hút nhân sự và gia tăng sự gắn bó, nâng cao năng suất, tinh thần trách nhiệm của người lao động.

Lương: Thu nhập cạnh tranh tương xứng khả năng làm việc: Tại Công ty, sự đóng góp của mỗi cá nhân được ghi nhận và bù đắp thoả đáng cho các giá trị lao động của nhân viên. Chính sách trả lương của công ty đang xây dựng dựa theo chỉ số đánh giá hiệu quả làm việc. Kết quả đánh giá là cơ sở cho các quyết định xem xét lương hằng năm, để bạt thăng chức.

Phúc lợi: Công ty luôn duy trì chế độ du lịch, chăm sóc cho toàn thể CBCNV. Định kỳ, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Thông qua các hoạt động văn nghệ, thể thao, dã ngoại, tổng kết năm và các dịp kỷ niệm của Công ty người lao động có cơ hội giao lưu, gắn kết, cùng nhau nỗ lực vì sự phát triển bền vững của SAIGONTEL. Hàng năm, Công ty sẽ tổ chức ít nhất một chuyến đi tham quan, nghỉ mát trong nước hoặc nước ngoài cho người lao động. Thời gian và địa điểm tổ chức tham quan, nghỉ mát sẽ do Công đoàn đề nghị và Ban lãnh đạo quyết định. Công ty sẽ trả các chi phí liên quan đến chuyến đi tham quan, nghỉ mát của CBCNV.

Thưởng: Thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty, thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, thưởng Lễ...

- Thường lễ: Áp dụng cho các ngày lễ: Tết Dương Lịch 1/1, 30/4 – 01/5, 2/9.
- Thường cho các sáng kiến/dóng góp có giá trị: Tùy vào nội dung & giá trị áp dụng của các sáng kiến, đóng góp, Ban Tổng giám đốc sẽ quyết định mức thưởng tương ứng.
- Thưởng thành tích công việc: Ngoài lương tháng 13, vào cuối mỗi năm tài chính, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu cá nhân trong đánh giá định kỳ hàng tháng. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết theo quyết định khen thưởng của Ban Tổng giám đốc được ban hành tại thời điểm chi thưởng, chính sách và quyết định thưởng sẽ được công bố công khai bám vào công bằng cho từng cấp độ CBNV.

Mục đích:

- Khen thưởng CBNV theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc.
- Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBNV phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh.
- Là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBNV đã thể hiện và được ghi nhận.

❖ Chính sách đào tạo

Công nghệ - viễn thông ở Việt Nam là một trong những ngành thiếu nhân lực về cả số lượng lẫn chất lượng, do đó để tạo ra được đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao, gắn bó với công ty và có khả năng cạnh tranh với các công ty cùng ngành, Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến các chính sách, chế độ tuyển dụng, đãi ngộ và đào tạo người lao động. Công ty luôn tạo điều kiện, tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu cao của ngành, theo kịp sự đổi mới, tiến bộ công nghệ trên thế giới. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động, sự kiện tập thể để tạo tinh thần đoàn kết, môi trường làm việc thoải mái, gắn kết tập thể.

Chế độ đào tạo và phát triển nhân viên: Để nâng cao giá trị của người lao động tại nơi làm việc đồng thời định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho người lao động góp phần vào sự thành công của công ty, mỗi nhân viên khi vào làm việc đều có cơ hội được đào tạo và phát triển ngang nhau.

Đối với các nhân viên mới: khi vào làm việc, nhân viên sẽ được công ty:

- Đào tạo hội nhập (gồm các thông tin về công ty, quy chế tổ chức, hoạt động của Công ty, chế độ của người lao động...).
- Đào tạo nghiệp vụ chuyên môn theo chuyên ngành tuyển dụng.

Đối với nhân viên đã được Công ty ký Hợp đồng lao động chính thức:

- Hằng năm Công ty sẽ đào tạo nghiệp vụ để nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên bằng cách tổ chức lớp huấn luyện tại Công ty hoặc đăng ký cho nhân viên tham dự các khóa huấn luyện ngắn hạn/ dài hạn tại các tổ chức bên ngoài.
- Trong trường hợp cần thiết, Công ty sẽ tổ chức những khóa huấn luyện ngoài kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hằng năm cho nhân viên.
- Định mức phí đào tạo: Tính theo chi phí thực tế, theo khoá học theo đề xuất được TGD phê duyệt theo từng khoá học.

- Tại SaigonTel, CBNV không chỉ được làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, năng động mà còn được đồng hành cùng văn hóa rất thân thiện, hòa đồng và đoàn kết thông qua các hoạt động văn nghệ, thể thao, dã ngoại trong các kỳ Teambuilding, tổng kết năm và các dịp kỷ niệm của Công ty. Hàng năm, thông qua Công đoàn cơ sở trong Công ty, NSDLĐ sẽ tổ chức ít nhất một chuyến đi tham quan, nghỉ mát trong nước hoặc nước ngoài cho NLD. Thời gian và địa điểm tổ chức tham quan, nghỉ mát sẽ do công Đoàn đề nghị và NSDLĐ quyết định. NSDLĐ sẽ trả các chi phí liên quan đến chuyến đi tham quan, nghỉ mát của NLD (trừ các chi phí cá nhân của NLD phát sinh trong suốt chuyến đi).

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Chưa có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.

12. Chính sách cổ tức

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- Công ty không thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2020 và 2021.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2009/SGT-WB/TP giữa SaigonTel và Ngân hàng TMCP Đại Chúng (Pvcombank) ngày 09/10/2009 và Phụ lục số 01/2009/SGT-WB/TP/PL03 ngày 31/12/2014 thì thời điểm đáo hạn là năm 2019. Tính đến thời điểm hiện tại thì hợp đồng vay trái phiếu phát hành này đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên trong năm 2021, Công ty đã thực hiện thanh toán cho Pvcombank số tiền 35.000.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ đồng). Với khoản dư nợ gốc 70.000.000.000 VNĐ (Bảy mươi tỷ đồng) còn lại SaigonTel và PVcombank đã thống nhất thanh toán trong năm 2022, 2023 tối thiểu 35 tỷ đồng mỗi năm.

Công ty không còn cam kết nào khác liên quan đến hoạt động kinh tế, sản xuất kinh doanh chưa

thực hiện.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức phát hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

<Phần còn lại của trang được chủ ý để trống>

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

❖ Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | %tăng/giảm so với 2020 | 30/06/2022 |
|-----|---|-----------|-----------|------------------------|------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 2.290.079 | 4.365.182 | 90,61% | 4.611.425 |
| 2 | Doanh thu thuần | 403.494 | 497.417 | 23,28% | 435.801 |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 24.849 | 85.163 | 242,72% | 156.095 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 90 | -2.604 | - | -4.580 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 24.939 | 82.559 | 231,03% | 151.515 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 11.666 | 68.024 | 483,10% | 124.334 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Tỷ lệ cổ tức | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT

❖ Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | %tăng/giảm so với 2020 | 30/06/2022 |
|-----|---|-----------|-----------|------------------------|------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 2.518.241 | 4.416.748 | 75,39% | 4.702.754 |
| 2 | Doanh thu thuần | 470.039 | 689.803 | 46,75% | 576.045 |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 25.968 | 87.359 | 236,40% | 161.236 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 269 | -2.613 | - | -4.581 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 26.238 | 84.745 | 222,98% | 156.655 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 12.699 | 69.813 | 449,75% | 129.395 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Tỷ lệ cổ tức | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC quý II/2022 của SGT

Năm 2021 nhìn chung các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh của công ty đều tăng so với năm 2020. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 tăng 46,75% so với năm 2020, đạt 689 tỷ đồng. Điều này đến từ việc doanh thu hoạt động thương mại dịch vụ tăng mạnh, đạt 355,02 tỷ đồng vào năm 2021 so với 116,98 tỷ đồng vào năm 2020. Doanh thu từ hoạt động thương mại dịch vụ chiếm 51,5% trong cơ cấu doanh thu năm 2021. Ngoài ra, doanh thu từ cho thuê đất, văn phòng và nhà xưởng cũng tăng nhẹ lên 228 tỷ đồng vào năm 2021. Tuy nhiên, lợi nhuận khác bị sụt giảm mạnh so với cả năm 2020. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 tăng 13,8% so với năm 2020 do tác động của đợt phong tỏa xã hội vào năm 2021. Ngoài ra, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 236,3 % so với năm 2020.

Tính đến ngày 31/12/2021, tổng tài sản hợp nhất của công ty đạt 4.416 tỷ đồng, tăng 75,39% so với năm 2020. Cụ thể, tài sản ngắn hạn chiếm 45,23% và tài sản dài hạn chiếm 54,77%. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 63,39% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, đạt 1.266 tỷ đồng. Tiền và các khoản tương đương tiền năm 2021 giảm 33,4% so với năm 2020.

Trong năm 2021, tình hình tài chính Công ty đã có sự bứt phá rõ rệt. Đáng kể nhất là tổng tài sản công ty mẹ và hợp nhất đã lần lượt đạt đến 4.365 tỷ đồng và 4.416 tỷ đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có chiều hướng khả quan khi doanh thu thuần công ty mẹ và hợp nhất đạt lần lượt 497 tỷ đồng và 689 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế công ty mẹ và hợp nhất cũng lần lượt đạt 68,02 tỷ đồng và 69,81 tỷ đồng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và 2022 đã nhất trí thông qua phương án giữ lại toàn bộ lợi nhuận tích lũy chưa phân phối năm 2020 và 2021 để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- ❖ Các chỉ tiêu làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động: Không có
- ❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

❖ Thuận lợi

Với nguồn vốn FDI đổ vào Việt Nam tăng liên tục trong các năm gần đây và trong năm 2020 cho dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, vốn FDI đổ vào Việt Nam vẫn đạt gần 30 tỷ và trong tương lai sắp tới, nhu cầu về Khu công nghiệp sẽ không ngừng tăng cao. Chính vì vậy, với ngành Bất động sản KCN đây là một thị trường hết sức tiềm năng và đang trong giai đoạn phát triển mạnh. Công ty hoàn toàn có thể đi cùng với sự phát triển của ngành để có được những bước tiến trong lĩnh vực này.

Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, đối với các nước đang phát triển cứ 10% tăng trưởng băng rộng sẽ đem lại 1,38% tăng trưởng GDP. Viễn thông nói chung và đặc biệt hạ tầng viễn thông băng rộng nói riêng đã và đang đóng góp vai trò lớn nhất trong việc rút ngắn khoảng cách giữa các nước phát triển và đang phát triển. Vì vậy, đây là thời điểm phù hợp để mở rộng và phát triển các dịch vụ hạ tầng viễn thông với việc cung cấp đường truyền trong nước cũng như các dịch vụ IPLC, IP Transit, kênh thuê riêng với các đối tác nước ngoài.

Ngoài ra, Công ty là thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) - một trong những tập đoàn công chúng đa ngành hàng đầu Việt Nam với tiềm lực tài chính mạnh mẽ cùng năng lực, uy tín quốc tế là một trong những thuận lợi đầu tiên của Công ty.

❖ Khó khăn

Do hoạt động của Công ty trải rộng trên nhiều ngành nghề nên nguồn lực bị phân tán. Đội ngũ nhân sự của Công ty chưa theo kịp tiến độ các dự án. Một số chính sách vĩ mô cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, tình hình kinh tế chung với nhiều khó khăn dễ thấy như biến động tăng tỷ giá đô la Mỹ (khoảng 3,6%) vào những tháng cuối năm, biến động tỷ giá nguyên vật liệu đầu vào, cùng những diễn biến khó lường của tình hình tài chính, tiền tệ, chứng khoán.

❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn luôn tuân thủ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | | |
|---------------------------------|---|-------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | : | 05 - 25 năm |
| Máy móc, thiết bị | : | 05 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | : | 03 - 15 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | : | 04 - 05 năm |
| Phần mềm máy vi tính | : | 05 năm. |

❖ Mức lương bình quân

Lương nhân viên bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2020 và 2021 lần 19.422.049 đồng/người/tháng và 20.999.730 đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm, các khoản lương, thưởng, phụ cấp.

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty nằm ở mức trung bình tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

| Công ty | 2020 | 2021 |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT) | 21.424.000 đồng/người/tháng | 22.025.000 đồng/người/tháng |
| CTCP Viễn thông FPT | 59.166.000 đồng/người/tháng | 61.833.000 đồng/người/tháng |

| Công ty | 2020 | 2021 |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| CTCP Công nghệ Thông tin, Viễn thông & Tự động hóa dầu khí | 13.093.000 đồng/người/tháng | 15.618.000 đồng/người/tháng |

Nguồn: Báo cáo thường niên các công ty

❖ **Tình hình công nợ**

Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021 và 30/06/2022 như sau:

- **Công ty mẹ**

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|-----|-------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | Tổng các khoản phải thu | 619.268 | 862.683 | 948.742 |
| 2 | Tổng các khoản phải trả | 1.525.268 | 3.532.347 | 3.654.255 |

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT

- **Hợp nhất**

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|-----|-------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | Tổng các khoản phải thu | 900.367 | 1.348.757 | 1.359.892 |
| 2 | Tổng các khoản phải trả | 1.658.028 | 3.374.222 | 3.531.995 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT

❖ **Các khoản phải thu**

• Tình hình khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021 và 30/06/2022 như sau:

- **Công ty mẹ**

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|----------|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| I | Các khoản phải thu ngắn hạn | 610.740 | 810.655 | 947.713 |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 64.117 | 176.082 | 163.646 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 151.414 | 228.247 | 289.203 |
| 3 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 43.112 | 134.463 | 98.585 |
| 4 | Phải thu ngắn hạn khác | 392.475 | 313.058 | 436.784 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -40.378 | -41.196 | -40.504 |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|------------------|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| II | Các khoản phải thu dài hạn | 8.528 | 52.028 | 1.028 |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 8.528 | 1.028 | 1.028 |
| 2 | Phải thu về cho vay dài hạn | 0 | 51.000 | 0 |
| Tổng cộng | | 619.268 | 862.683 | 948.742 |

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT.

- **Hợp nhất**

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|------------------|------------------------------------|----------------|------------------|------------------|
| I | Các khoản phải thu ngắn hạn | 866.631 | 1.266.374 | 1.329.028 |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 67.863 | 245.172 | 150.592 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 159.858 | 240.036 | 309.846 |
| 3 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 222.462 | 383.706 | 336.146 |
| 4 | Phải thu ngắn hạn khác | 458.404 | 440.294 | 574.452 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -41.955 | -42.834 | -42.008 |
| II | Các khoản phải thu dài hạn | 33.736 | 82.384 | 30.864 |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 33.736 | 30.884 | 30.864 |
| 2 | Phải thu về cho vay dài hạn | 0 | 51.500 | 0 |
| Tổng cộng | | 900.367 | 1.348.757 | 1.359.892 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT.

- Các khoản phải thu quá hạn: Tính tới thời điểm ngày 31/12/2021, tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi của Công ty đã được trích lập dự phòng đầy đủ, cụ thể:

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

- Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Đối tượng nợ | Giá trị | Thời gian quá hạn | Nguyên nhân | Đánh giá khả năng thu hồi |
|------------------|--|---------------|-------------------|--|---|
| 1 | Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC | 31.690 | 10 năm | VTC không thực hiện đúng cam kết theo HD hợp tác. | Khó có khả năng thu hồi. Đã trích lập dự phòng 100% |
| 2 | Ban Giải phóng mặt bằng huyện Đan Phượng | 3.919 | | Dự án vẫn đang trong giai đoạn chờ triển khai. | Khó có khả năng thu hồi. Đã trích lập dự phòng 100% |
| 3 | Các công nợ phải thu từ hoạt động thương mại (*) | 5.586 | 1 năm – 10 năm | Do các đơn vị bị giải thể phá sản nên cty trích lập dự phòng theo quy định | Khó có khả năng thu hồi. Đã trích lập dự phòng 50 %- 100% |
| Tổng cộng | | 41.195 | | | |

- Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Đối tượng nợ | Giá trị | Thời gian quá hạn | Nguyên nhân | Đánh giá khả năng thu hồi |
|------------------|--|---------------|-------------------|--|---|
| 1 | Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC | 31.690 | 10 năm | VTC không thực hiện đúng cam kết theo HD hợp tác. | Khó có khả năng thu hồi. Đã trích lập dự phòng 100% |
| 2 | Ban Giải phóng mặt bằng huyện Đan Phượng | 3.919 | | Dự án vẫn đang trong giai đoạn chờ triển khai. | Khó có khả năng thu hồi. Đã trích lập dự phòng 100% |
| 3 | Các công nợ phải thu từ hoạt động thương mại (*) | 7.225 | 1 năm – 10 năm | Do các đơn vị bị giải thể phá sản nên cty trích lập dự phòng theo quy định | Khó có khả năng thu hồi. Đã trích lập dự phòng 50 %- 100% |
| Tổng cộng | | 42.834 | | | |

(*) Đây là khoản phải thu quá hạn lũy kế trong quá trình hoạt động của Công ty, đến thời điểm này các khoản phải thu quá hạn đã được trích lập dự phòng đúng theo quy định.

❖ Các khoản phải trả

- Tình hình khoản phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021 và 30/06/2022 như sau:

- Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|------------------|---|------------------|------------------|------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 695.210 | 1.147.319 | 1.590.615 |
| 1 | Phải trả cho người bán ngắn hạn | 30.480 | 36.425 | 51.929 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 97.723 | 87.771 | 28.693 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước | 61.100 | 70.805 | 89.718 |
| 4 | Phải trả cho người lao động | 28 | 0 | 0 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 106.849 | 138.921 | 144.568 |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 5.621 | 3.295 | 6.007 |
| 7 | Phải trả ngắn hạn khác | 103.485 | 63.465 | 46.923 |
| 8 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 289.923 | 746.636 | 1.222.777 |
| II | Nợ dài hạn | 830.058 | 2.385.028 | 2.063.640 |
| 1 | Chi phí phải trả dài hạn | 181.604 | 181.604 | 200.945 |
| 2 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 8.864 | 6.136 | 4.773 |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | 555.861 | 571.997 | 692.944 |
| 4 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 57.679 | 1.600.007 | 1.140.459 |
| 5 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 26.050 | 25.284 | 24.518 |
| Tổng cộng | | 1.525.268 | 3.532.347 | 3.654.255 |

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT.

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

Thông tin về vay và nợ thuế tài chính dài hạn tăng từ 57.679 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2020 lên 1.600.006 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2021 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2021 | Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2020 |
|-----|---|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | HD Bank | Không | 1.269.500.000 | 3.278.800.000 |
| 2 | CTCP Cơ điện tử - Tin học Choliemex | Không | - | 8.000.000.000 |
| 3 | CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | Công ty liên kết | 552.000.000.000 | - |
| 4 | Công ty TNHH SaigonTel Long An | Công ty con | 326.920.000.000 | - |
| 5 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công Nghệ Cao SaigonTel | Công ty con | 114.617.000.000 | - |
| 6 | PVcombank | Không | 35.000.000.000 | - |
| 7 | Các đối tượng khác | Không | 438.000.000.000 | - |
| 8 | Vietinbank | Không | 132.200.259.379 | 46.400.576.879 |
| | Tổng cộng | | 1.600.006.759.379 | 57.679.376.879 |

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2021 của SGT

<Phần còn lại của trang được chủ ý để trống>

Thông tin về các hợp đồng vay dài hạn cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

| Tên chủ nợ | Hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Dư nợ tại thời điểm 31/12/2021 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|---|--|------------------|--------------------------------|--|----------|------------------------|----------------------------|
| HDBank | 29143/19MN-HDTD ngày 08/09/2019 | 840.000.000 | 175.000.000 | 3 tháng đầu: 11,72% / năm Các kỳ tiếp theo: lãi suất cơ sở + 2,65% / năm | 48 tháng | Vay mua xe ô tô | 10/10/2023 |
| | 41047/19MN-HDTD ngày 25/10/2019 | 2.985.000.000 | 1.094.500.000 | 3 tháng đầu: 11,72% / năm Các kỳ tiếp theo: lãi suất cơ sở + 2,65% / năm | 60 tháng | Vay mua xe ô tô | 29/10/2024 |
| CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 02/2021/TTMV/HY-SGT ngày 05/05/2021 | 540.000.000.000 | 540.000.000.000 | 1% / năm | 24 tháng | Mua đất dự án Hưng Yên | 05/05/2023 |
| | 03/2021/TTMV/HY-SGT ngày 15/12/2021 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 1% / năm | 15 tháng | | 14/03/2023 |
| Công ty TNHH SaigonTel Long An | 1003/2021/TTMV/SLA-SGT ngày 11/03/2021 | 337.500.000.000 | 326.920.000.000 | 1% / năm | 24 tháng | Mua đất dự án Long An | Quý III/2022 + Quý IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Dư nợ tại thời điểm 31/12/2021 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|---|---|--------------------------|--------------------------------|---|-----------|---|----------------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công Nghệ Cao SaigonTel | 1203/2021/TTMV/SGTHi Tech-SGT ngày 12/03/2021 | 125.000.000.000 | 114.617.000.000 | 1% / năm | 24 tháng | Tạm ứng mua đền bù đất Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn | Quý III/2022 + Quý IV/2022 |
| Công ty TNHH MTV phát triển đô thị Trảng Cát | 01/2021/TTV/TRC-SGT ngày 20/09/2021 | 538.000.000.000 | 438.000.000.000 | 5%/năm | 24 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III.2023 |
| Pvecombank | 01/2009/SGT-WB/TP ngày 09/10/2009 | 300.000.000.000 | 35.000.000.000 | Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng bình quân của 4 NH + biên độ 3%/năm | 60 tháng. | Thanh toán chi phí đền bù, GPMB dự án KCN DDHS giai đoạn 2. | Quý IV - 2023 |
| Vietinbank | 01/2018-HCVADTL/NHCT282-SGT ngày 08/11/2018 | 760.000.000.000 | 132.200.259.379 | 11% / năm | 60 tháng | Đầu tư dự án Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn Giai đoạn 2 | 31/10/2023 |
| Tổng cộng | | 2.616.325.000.000 | 1.600.006.759.379 | | | | |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

- Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|------------------|---|------------------|------------------|------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 803.430 | 1.398.451 | 1.888.050 |
| 1 | Phải trả cho người bán ngắn hạn | 36.978 | 140.560 | 105.567 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 98.927 | 90.793 | 36.894 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước | 61.795 | 71.842 | 90.443 |
| 4 | Phải trả cho người lao động | 341 | 1.322 | 175 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 109.066 | 138.378 | 143.917 |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 38.869 | 37.244 | 39.957 |
| 7 | Phải trả ngắn hạn khác | 68.709 | 6.889 | 5.461 |
| 8 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 388.745 | 909.678 | 1.464.095 |
| 9 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 0 | 1.744 | 1.541 |
| II | Nợ dài hạn | 854.598 | 1.975.771 | 1.643.945 |
| 1 | Chi phí phải trả dài hạn | 181.604 | 181.604 | 200.945 |
| 2 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 8.864 | 6.136 | 4.773 |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | 555.861 | 572.115 | 692.944 |
| 4 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 82.111 | 1.190.471 | 720.603 |
| 5 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 26.158 | 25.445 | 24.679 |
| Tổng cộng | | 1.658.028 | 3.374.221 | 3.531.995 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý III/2022 của SGT.

Thông tin về vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng từ 82.111 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2020 lên 1.190.471 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2021 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2021 | Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2020 |
|-----|------------------------------------|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | MB Bank | Không | 6.121.232.177 | 24.431.839.124 |
| 2 | HD Bank | Không | 1.269.500.000 | 3.278.800.000 |
| 3 | CTCP Cơ điện tử - Tin học Cholimex | Không | 0 | 8.000.000.000 |

| STT | Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2021 | Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2020 |
|-----|--|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 4 | CTCP Công viên Tâm Linh Bảo Lạc | Công ty liên kết của CTCP Đầu tư Bất động sản SaiGontel (Công ty con của SGT) | 25.880.000.000 | 0 |
| 5 | CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | Công ty liên kết | 552.000.000.000 | 0 |
| 6 | PVcombank | Không | 35.000.000.000 | 0 |
| 7 | Vietinbank | Không | 132.200.259.379 | 46.400.576.879 |
| 8 | Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị Trảng Cát | Chủ tịch HĐQT của SGT là người đại diện pháp luật của Công ty Trảng Cát | 438.000.000.000 | 0 |
| | Tổng cộng | | 1.190.470.991.556 | 82.111.216.003 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của SGT

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

Thông tin về các hợp đồng vay cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

| Tên chủ nợ | Hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Dư nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2021 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------|---|------------------|--|---|----------|---|--------------------------|
| MB Bank | 49352.20.054.220 0611.TD ngày 14/10/2020 | 50.000.000.000 | 5.193.632.177 | Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,6%/năm; Từ tháng thứ 3 trở đi: Lãi suất thả nổi. | 24 tháng | Thực hiện dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp TM7 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bắc Giang | 14/10/2022 |
| | 32229.21.086.108 04020.TD ngày 23/06/2021 | 800.000.000 | 719.600.000 | Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 10,1%/năm; Từ tháng thứ 4 trở đi: Lãi suất thả nổi. | 60 tháng | Vay mua xe ô tô | 24/06/2026 |
| | 46147.18.054.220 0611.TD ngày 28/12/2018. | | 208.000.000 | Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,5%/năm; Từ tháng thứ 4 trở đi: Lãi suất thả nổi. | 60 tháng | Vay mua xe ô tô | 04/01/2024 |
| HD Bank | 29143/19MN- HDTD ngày 08/09/2019 | 840.000.000 | 175.000.000 | 3 tháng đầu: 11,72% / năm Các kỳ tiếp theo: lãi suất cơ sở + 2,65% / năm | 48 tháng | Vay mua xe ô tô | 10/10/2023 |

| Tên chủ nợ | Hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Dư nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2021 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|--|---|------------------|--|---|-----------|---|--------------------------|
| | 41047/19MN-HDTD ngày 25/10/2019 | 2.985.000.000 | 1.094.500.000 | 3 tháng đầu: 11,72% / năm Các kỳ tiếp theo: lãi suất cơ sở + 2,65% / năm | 60 tháng | Vay mua xe ô tô | 29/10/2024 |
| CTCP Công viên Tâm Linh Bảo Lạc | 01/2021/HĐMV/BL-SGTLAND ngày 18/03/2021 | 28.430.000.000 | 25.880.000.000 | 1% / năm | 24 tháng | Mua đất tại Bắc Ninh | 18/03/2023 |
| CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 02/2021/TTMV/HY-SGT ngày 05/05/2021 | 540.000.000.000 | 540.000.000.000 | 1% / năm | 24 tháng | Mua đất dự án Hưng Yên | 05/05/2023 |
| | 03/2021/TTMV/HY-SGT ngày 15/12/2021 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 1% / năm | 15 tháng | Mua đất Hưng Yên | 14/03/2023 |
| Pvcombank | 01/2009/SGT-WB/TP ngày 09/10/2009 | 300.000.000.000 | 35.000.000.000 | Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng bình quân của 4 NH + biên độ 3%/năm | 60 tháng. | Thanh toán chi phí đền bù, GPMB dự án KCN DDHS giai đoạn 2. | Quý IV - 2023 |
| Công ty TNHH MTV phát triển đô thị Trảng Cát | 01/2021/TTV/TR-C-SGT ngày 20/09/2021 | 538.000.0000.000 | 438.000.000.000 | 5%/năm | 24 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III.2023 |

| Tên chủ nợ | Hợp đồng | Giá trị hợp đồng | Dư nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2021 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------------|--|-------------------------------|--|-----------|----------|--|--------------------------|
| | | | | | | | |
| Vietinbank | 01/2018-HCVADTL/NHC T282-SGT ngày 08/11/2018 | 760.000.000.000 | 132.200.259.379 | 11% / năm | 60 tháng | Đầu tư dự án Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn Giai đoạn 2 | 31/10/2023 |
| Tổng cộng | | 1.190.470.991.556 đồng | | | | | |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

Thông tin về việc Công ty và các công ty con vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng cam kết: Không có

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Đối với khoản vay trái phiếu của Công ty với Ngân hàng TMCP Đại Chúng theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2009/SGT-WB/TP ngày 09/10/2009 và Phụ lục số 01/2009/SGT-WB/TP/PL03 ngày 31/12/2014, trái chủ là Ngân hàng TMCP Đại Chúng với mức lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng (Agribank + BIDV + Vietcombank + Vietinbank) + biên độ 3%/năm, thời điểm đáo hạn là năm 2019. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại thì hợp đồng vay trái phiếu phát hành này đã quá hạn thanh toán và đang chờ các bên xem xét thỏa thuận về thời điểm tất toán với giá trị dư nợ gốc quá hạn là 70 tỷ. Nguyên nhân do giai đoạn đàm phán tất toán hợp đồng rơi vào thời điểm dịch bệnh bùng phát diễn hai bên chưa hợp thống nhất được phương án trả nợ gốc và lãi tất toán. Theo biên bản làm việc ngày 14/10/2021 giữa Ngân hàng PVCombank và Công ty, khoản nợ trái phiếu này nằm trong đề án tái cấu trúc của Ngân hàng, ngày đáo hạn của khoản trái phiếu này là 30/06/2024. Công ty đã có kế hoạch sử dụng nguồn từ tiền thu cho thuê đất của Dự án KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 2 để thanh toán dự kiến để tất toán toàn bộ số dư nợ vay là vào thời điểm như sau:

| Thời gian | Số tiền thanh toán |
|------------------|-----------------------|
| Trước 31/12/2022 | 35.000.000.000 |
| Trước 31/12/2023 | 35.000.000.000 |
| Tổng cộng | 70.000.000.000 |

- + Đối với các khoản nợ khác: Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi.
- Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết (bao gồm các vi phạm của Tổ chức phát hành và công ty con): Không có

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế, phí và lệ phí theo các quy định của Nhà nước. Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021 và 30/06/2022 như sau:

▪ **Công ty mẹ**

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|-----|-----------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | 357 | 544 | 88 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 60.062 | 69.857 | 87.853 |
| 3 | Thuế thu nhập cá nhân | 599 | 404 | 149 |
| 4 | Thuế tài nguyên | 82 | 0 | 75 |
| 5 | Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Các loại thuế khác | 0 | 0 | 1.553 |
| | Tổng cộng | 61.101 | 70.805 | 89.718 |

Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT.

- Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 30/06/2022 |
|------------------|-----------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | 459 | 550 | 102 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 60.559 | 70.689 | 88.495 |
| 3 | Thuế thu nhập cá nhân | 695 | 603 | 217 |
| 4 | Thuế tài nguyên | 82 | 0 | 75 |
| 5 | Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Các loại thuế khác | 0 | 0 | 1.553 |
| Tổng cộng | | 61.795 | 71.841 | 90.443 |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý II/2022 của SGT

- ❖ Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc trích lập các quỹ hàng năm sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tính đến thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ.

- ❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| ST T | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Công ty mẹ | | Hợp nhất | |
|----------|---|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| | | | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2020 | Năm 2021 |
| 1 | Khả năng thanh toán | | | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i> | Lần | 1,51 | 1,20 | 1,76 | 1,43 |
| | Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i> | Lần | 1,01 | 0,76 | 1,25 | 0,97 |
| 2 | Cơ cấu vốn | | | | | |
| | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 66,60 | 80,92 | 65,84 | 76,40 |
| | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 199,41 | 424,13 | 192,75 | 323,66 |
| 3 | Năng lực hoạt động | | | | | |
| | Vòng quay tổng tài sản | Lần | 0,19 | 0,15 | 0,20 | 0,20 |

| ST T | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Công ty mẹ | | Hợp nhất | |
|----------|---|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| | | | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2020 | Năm 2021 |
| | <i>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)</i> | | | | | |
| | Vòng quay vốn lưu động <i>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)</i> | Lần | 0,4 | 0,41 | 0,41 | 0,41 |
| | Vòng quay hàng tồn kho <i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i> | Lần | 1,27 | 0,74 | 1,21 | 0,96 |
| 4 | Khả năng sinh lời | | | | | |
| | Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)</i> | % | 2,89% | 13,68% | 2,70% | 10,12% |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) <i>(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)</i> | % | 0,55% | 2,04% | 0,55% | 2,01% |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)</i> | % | 1,54% | 8,52% | 1,56% | 7,34% |
| | Thu nhập trên cổ phần (EPS) | Đồng | 158 | 927 | 169 | 923 |

Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và năm 2021 của SGT.

- ❖ Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán độc lập: Không có
- 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành
- ❖ Đối với Báo cáo tài chính công ty mẹ

Năm 2020: Theo Báo cáo kiểm toán số A0520175-R/AISC-DNI ngày 08/02/2021 của CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC (Tên cũ là: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM), ý kiến của kiểm toán viên: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

Năm 2021: Theo Báo cáo kiểm toán số A0621319-R/AISC-DN1 ngày 21/03/2022 của CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÍN HỌC MOORE AISC (Tên cũ là: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM), ý kiến của kiểm toán viên: “báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

❖ Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2020: Theo Báo cáo kiểm toán số A0520175-HN/AISC-DN1 ngày 08/02/2021 của CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÍN HỌC MOORE AISC (Tên cũ là: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM), ý kiến của kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

Năm 2021: Theo Báo cáo kiểm toán số A0621319-R/AISC-DN1 ngày 21/03/2022 của CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÍN HỌC MOORE AISC (Tên cũ là: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM), ý kiến của kiểm toán viên: “Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Công ty trong năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2021 | Năm 2022 | |
|---|--------------------|----------|---------------------------------------|
| | | Kế hoạch | % tăng giảm so với thực hiện năm 2020 |
| Doanh thu thuần | 689,8 | 2.500 | 251,86% |
| Lợi nhuận sau thuế | 69 | 300 | 334,8% |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 9,7% | 12% | 2,3% |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 7,2% | 0 | 0 |
| Tỷ lệ cổ tức | 0 | 0 | 0 |

Nguồn: Báo cáo kế hoạch kinh doanh năm 2022

❖ Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch

Nghị quyết số 01/2022/ĐHĐCĐ-SGT ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương án giữ lại toàn bộ lợi nhuận tích lũy chưa phân phối năm 2021 để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch năm 2022 được xây dựng trên cơ sở phân tích tình hình, các tài liệu, số liệu, đánh giá thuận lợi, khó khăn, có loại trừ các yếu tố bất thường. Một số giải pháp để đạt kế hoạch như sau:

- **Đối với khối dịch vụ hạ tầng đường truyền:** Tiếp tục duy trì khai thác các gói dịch vụ đường truyền trong các khu công nghiệp thuộc tập đoàn tại thị trường miền Bắc và mở rộng ra các khu tại khu vực miền Trung, miền Nam. Đồng thời phát triển thêm mảng chuyển đổi số, áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý và vận hành, trước mắt tập trung triển khai cho các công ty thuộc SGT Group và mở rộng ra các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, kiến tạo khu công nghiệp sinh thái – thông minh.

- **Phát triển các giải pháp điện năng lượng mặt trời áp mái:** Để phát huy tối đa lợi thế hiện có về các khu công nghiệp, SAIGONTEL đã liên doanh với SkyX Solar- thành viên của tập đoàn Vinacapital, nhà cung cấp giải pháp năng lượng điện áp mái để thành lập Công ty Cổ phần SkyX Saigontel mà SAIGONTEL giữ 30% vốn để triển khai việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời tại các nhà xưởng ở các Khu công nghiệp thuộc tập đoàn SGI. Trong năm 2022, dự kiến sẽ tập trung phát triển và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái với hơn 50 MW công suất tại các khu công nghiệp miền Trung và miền Nam thuộc tập đoàn SGI, đồng thời, nhanh chóng hoàn thiện mô hình, mở rộng kinh doanh lên đến 100MW trong 3 năm sắp tới.

- **Đối với khối bất động sản khu công nghiệp:**

+ Dự án KCN Đại Đồng Hoàn Sơn – Giai Đoạn 2, công ty dự kiến hoàn thiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp và đưa vào khai thác từ quý 4/2022. Dự kiến trong năm 2022 SAIGONTEL sẽ cho thuê 40 ha diện tích tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn – Giai đoạn 2.

+ Dự án Saigon ICT Tower 2 – Công Viên Phần Mềm Quang Trung: Tập trung đẩy mạnh việc thi công hoàn thiện sau khi đã hoàn thành phần móng và cọc, dự kiến sẽ đưa vào khai thác trong Quý 1.2023. Sau khi bán giao đưa vào sử dụng, dự án dự kiến sẽ tạo ra nguồn doanh thu đều đặn cho SAIGONTEL mỗi năm là 50 tỷ đồng và lợi nhuận là hơn 20 tỷ đồng.

+ Dự án nhà xưởng cho thuê tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng: Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với quy mô 14,9 ha, tổng vốn đầu tư 600 tỷ đồng, dự kiến sẽ xây dựng 14 nhà xưởng có diện tích từ 2.400m² – 9.800m², 14 văn phòng có diện tích từ 300-720m² và đưa vào khai thác từ Quý 1.2023.

+ Dự án Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2 tại Phổ Yên, Thái Nguyên: 2 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng quy mô 2 cụm là 131 ha, tổng vốn đầu tư 900 tỷ đồng, trong năm 2022 sẽ tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng và thi công san lấp. Dự kiến có thể đủ điều kiện bán hàng từ Q4.2022.

+ Dự án Cụm công nghiệp Lương Sơn, Sông Công, Thái Nguyên: dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với quy mô 34.53 ha, tổng vốn đầu tư 302 tỷ đồng, trong năm 2022 sẽ tiến

hành đến bù giải phóng mặt bằng và thi công san lấp. Dự kiến có thể đủ điều kiện bán hàng từ Q4.2022.

+ Dự án Khu công nghiệp Nam Tân Lập, Cần Giuộc, Long An: Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho công ty con của SAIGONTEL là Công ty TNHH Saigontel Long An với quy mô 244.74 ha, tổng vốn đầu tư 2,590 tỷ đồng. Trong năm 2022 sẽ đẩy nhanh việc đền bù giải phóng mặt bằng và thi công san lấp để có thể bắt đầu đưa vào khai thác trong năm 2023.

+ Dự án khu tái định cư Nam Tân Lập, Cần Giuộc, Long An: Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho công ty con của SAIGONTEL là Công ty TNHH Saigontel Long An với quy mô 22.37ha, tổng vốn đầu tư 398 tỷ đồng. Trong năm 2022 sẽ triển khai song song với dự án Nam Tân Lập để có thể sắp xếp chỗ ở tái định cư cho người dân giúp đẩy nhanh việc đền bù giải phóng mặt bằng tại khu công nghiệp.

+ Dự án Khu công nghiệp Tân Lập, Cần Giuộc, Long An: Dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư cho công ty liên kết của SAIGONTEL là Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát Triển Long An với quy mô 654 ha, tổng vốn đầu tư 9,910 tỷ đồng. Trong năm 2022 sẽ tiến hành hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan và bắt đầu tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng.

- **Đối với khối bất động sản đô thị:** Dự án chung cư Saigontel Central Park tại Bắc Giang: Dự án đã hoàn thành công tác thi công, nghiệm thu và bàn giao căn hộ trong năm 2021. Trong năm 2022, SAIGONTEL sẽ bán hết 20% số căn hộ còn lại của dự án và hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho khách.

+ Triển khai đầu tư phát triển Khu đô thị Nam Vũng Tàu có quy mô 69,46 ha với sản phẩm gồm 142 căn biệt thự, 973 căn shophouse, 360 căn nhà phố liền kề, 73 căn nhà ở tái định cư và 1,336 căn hộ chung cư Nhà ở xã hội cùng hệ thống trung tâm thương mại, trường học, y tế và các công trình công cộng, tiện ích hiện đại.

+ Tiếp tục duy trì quan hệ đối tác và thúc đẩy đầu tư tại các thị trường tiềm năng như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan.

❖ **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh của cả năm 2021 cũng như các năm trước đó, năng lực hoạt động của Công ty và triển vọng sắp tới của ngành và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận trong năm tới của Công ty là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 14/05/2002. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

❖ **Danh sách cổ đông lớn của Công ty**

| Tên | Năm sinh / Năm thành lập | Quốc tịch | Giấy CN ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại SGT |
|---|--------------------------|-----------|---|--|--------------------|-------------------------------|--------------------------------------|
| Đặng Thành Tâm | 1964 | Việt Nam | - | - | - | - | - |
| Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc | 2002 | Việt Nam | 2300233993 cấp ngày 27/03/2002 tại Phòng ĐKKD Tỉnh Bắc Ninh, chỉnh sửa lần 17 ngày 12 tháng 10 năm 2021 | Lô 7B, Khu Công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh | 4.757.111.670.000 | Đặng Thành Tâm | Đặng Thành Tâm |
| Nguyễn Thị Kim Xuân | 1969 | Việt Nam | - | - | - | - | - |

| Tên | Năm sinh / Năm thành lập | Quốc tịch | Giấy CN ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại SGT |
|-----------------------|--------------------------|-----------|--|--|--------------------|-------------------------------|--------------------------------------|
| Đặng Thị Hoàng Phượng | 1971 | Việt Nam | - | - | - | - | - |
| CTCP Đầu Tư Sài Gòn | 2004 | Việt Nam | 0303297857 cấp ngày 16/01/2004 tại Phòng ĐKKD Thành phố Hồ Chí Minh, chỉnh sửa lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2014 | 20 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh | 1.500.000.000.000 | Hồ Thị Kim Oanh | Hồ Thị Kim Oanh |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

❖ Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan

| Tên | Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ | | | Số lượng, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết | | |
|---------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|--------------------------|---|------------------------|--------------------------|
| | Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn | 18/03/2022 | Dự kiến sau đợt chào bán | Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn | 18/03/2022 | Dự kiến sau đợt chào bán |
| Đặng Thành Tâm | 10,660,000 (23,69%) | 17,530,370 (23,69%) | 35,060,740 (23,69%) | 10,660,000 (23,69%) | 17,530,370 (23,69%) | 35,060,740 (23,69%) |
| Người có liên quan của Đặng Thành Tâm | | | | | | |
| - Đặng Thị Hoàng Phượng | | 7,312,900 (9,88%) | 14,625,800 (9,88%) | | 7,312,900 (9,88%) | 14,625,800 (9,88%) |
| - Tổng Công ty Phát triển | | 15,896,923 (21,48%) | 31,793,846 (21,48%) | | 15,896,923 (21,48%) | 31,793,846 (21,48%) |

| | | | | | | |
|---|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Đô thị Kinh Bắc</i> | | | | | | |
| Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc | 8,500,000 (18,89%) | 15,896,923 (21,48%) | 31,793,846 (21,48%) | 8,500,000 (18,89%) | 15,896,923 (21,48%) | 31,793,846 (21,48%) |
| <i>Người có liên quan của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc</i> | | | | | | |
| - Đặng Thành Tâm | | 17,530,370 (23,69%) | 35,060,740 (23,69%) | | 17,530,370 (23,69%) | 35,060,740 (23,69%) |
| Nguyễn Thị Kim Xuân | 2,353,069 (5,23%) | 7,452,178 (10,07%) | 14,904,356 (10,07%) | 2,353,069 (5,23%) | 7,452,178 (10,07%) | 14,904,356 (10,07%) |
| <i>Người có liên quan của Nguyễn Thị Kim Xuân</i> | Không có | | | | | |
| Đặng Thị Hoàng Phương | 6,089,000 (8,23%) | 7,312,900 (9,88%) | 14,625,800 (9,88%) | 6,089,000 (8,23%) | 7,312,900 (9,88%) | 14,625,800 (9,88%) |
| <i>Người có liên quan của Đặng Thị Hoàng Phương</i> | | | | | | |
| - Đặng Thành Tâm | | 17,530,370 (23,69%) | 35,060,740 (23,69%) | | 17,530,370 (23,69%) | 35,060,740 (23,69%) |
| CTCP Đầu Tư Sài Gòn | 5,328,180 (7,20%) | 5,328,180 (7,20%) | 10,656,360 (7,20%) | 5,328,180 (7,20%) | 5,328,180 (7,20%) | 10,656,360 (7,20%) |
| <i>Người có liên quan của CTCP Đầu Tư Sài Gòn</i> | | | | | | |
| - Hồ Thị Kim Oanh | | 12,941 (0,02%) | 25,882 (0,02%) | | 12,941 (0,02%) | 25,882 (0,02%) |

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn

- ❖ Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có
- ❖ Lợi ích liên quan đối với SGT:
 - Đặng Thành Tâm: Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc tại SGT.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng

4. quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

4.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|------------|--|---|
| I | Thành viên Hội đồng quản trị | |
| 1 | Đặng Thành Tâm | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Thanh | Thành viên HĐQT |
| 3 | Nguyễn Cẩm Phương | Thành viên HĐQT |
| 4 | Hồ Thị Kim Oanh | Thành viên HĐQT |
| 5 | Lê Nguyễn Hoàng Anh | Thành viên HĐQT |
| 6 | Nguyễn Thanh Thái | Thành viên HĐQT |
| II | Ban Kiểm soát | |
| 1 | Nguyễn Đức Thuận | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Sú Ngọc Bích | Thành viên |
| 3 | Lê Thị Kim Nhung | Thành viên |
| III | Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | |
| 1 | Nguyễn Cẩm Phương | Tổng Giám đốc |
| 2 | Lê Nguyễn Hoàng Anh | Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Quyền Kế toán trưởng |
| 3 | Vũ Ngọc Ánh | Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh |
| 4 | Phạm Văn Lực | Phó Tổng Giám đốc Đô thị |
| 5 | Nguyễn Đăng Khoa | Phó Tổng Giám đốc Công nghệ |
| 6 | Nguyễn Anh Tú | Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật |

4.2. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

❖ Hội đồng quản trị

- Ông Đặng Thành Tâm – Chủ tịch Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|--|
| Họ và tên: | Đặng Thành Tâm |
| Năm sinh: | 1964 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Trên đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Kỹ sư Hàng hải, Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị kinh doanh |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1988 đến 1996: công tác tại Công ty Vận tải Biển Sài Gòn: cán bộ, sỹ quan hàng hải. - Từ 1996 đến 2007: CTCP KCN Tân Tạo TP.HCM (ITACO) : Tổng Giám đốc. - Từ năm 2002 đến nay: CTCP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn: Chủ tịch HĐQT. - Từ năm 2003 đến nay: Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc: Chủ tịch HĐQT. Thành viên Hội đồng Tư vấn về kinh doanh APEC. - Từ năm 2006 đến 2014: CTCP Đầu tư Sài Gòn: Chủ tịch HĐQT. - Từ năm 2009 đến nay: Chủ tịch Câu lạc bộ CEO Việt Nam Chủ tịch Câu lạc bộ Sao Vàng Đất Việt. - Từ năm 2010 đến nay: Ủy viên Ban chấp hành Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI). - Từ năm 2011 đến 01/2021: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Dân lập Hùng Vương. - Từ 2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng - Từ 2019 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc - Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Vinatex – Tân Tạo - Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung - Long An - Từ 2020 đến nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị Trảng Cát - Từ 2021 đến nay: |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH SaiGonTel Long An - Giám đốc CTCP Tập Đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên - Từ 2022 đến nay: - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Long An |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - Thành viên Hội đồng Tư vấn về kinh doanh APEC - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị Trảng Cát - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH SaiGonTel Long An - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Long An - Giám đốc CTCP Tập Đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên - Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Vinatex – Tân Tạo - Chủ tịch Câu lạc bộ CEO Việt Nam - Chủ tịch Câu lạc bộ Sao Vàng Đất Việt - Ủy viên Ban chấp hành Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 15.896.923 cổ phần (tương đương với 21,48% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 17.530.370 cổ phần (tương đương với 23,69% vốn điều lệ) |

| | Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng | Tỷ lệ |
|---|---|---------------|------------|--------|
| - Người có liên quan: | Đặng Thị Hoàng Phương | Em | 7.312.900 | 9,88% |
| | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc | Chủ tịch HĐQT | 15.896.923 | 21,48% |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Đặng Thị Hoàng Phương – Em – Cổ đông lớn Đặng Nguyễn Quỳnh Anh – Con – Trưởng ban Tiểu ban Tài chính và Tiểu ban chính sách phát triển | | | |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: Không có Tiền thưởng: Không có Cổ phiếu ESOP: Không có | | | |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có | | | |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với SGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có | | | |

• Bà Hồ Thị Kim Oanh – Thành viên Hội đồng quản trị

| | |
|------------------------------------|--|
| Họ và tên: | Hồ Thị Kim Oanh |
| Năm sinh: | 1973 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác: | Từ 2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Từ 2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị SGT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Thành viên Hội đồng quản trị |

| | | | | |
|--|---|---------------|-----------|-------|
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn | | | |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | | | | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 5.328.180 cổ phần (tương đương với 7,20% vốn điều lệ) | | | |
| - Cá nhân sở hữu: | 12.941 cổ phần (tương đương với 0,02% vốn điều lệ) | | | |
| - Người có liên quan: | Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| | Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn | Chủ tịch HĐQT | 5.328.180 | 7,20% |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có | | | |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: - Năm 2020: 0 đồng - Năm 2021: 117.000.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 78.000.000 đồng Tiền thưởng: Không có Cổ phiếu ESOP: Không có | | | |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có | | | |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có | | | |

▪ Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------|-------------------|
| Họ và tên: | Nguyễn Cẩm Phương |
| Năm sinh: | 1976 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |

| | |
|--|--|
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2012 đến nay: Tổng Giám đốc SaigonTel - Từ 2015 đến nay: Thành viên HĐQT SaigonTel - Từ 2020 đến nay: Tổng Giám Đốc CTCP Kum Ba - Từ 2021 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH SAIGONTEL-LONG AN , Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Long An, Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp SaigonTel – Thái Nguyên, Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư & Du lịch Sài Gòn – Lâm Đồng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Sài Gòn |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám Đốc Công ty TNHH SaigonTel – Long An - Tổng Giám đốc CTCP Đầu Tư Phát Triển Long An - Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp SaigonTel – Thái Nguyên - Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư & Du lịch Sài Gòn – Lâm Đồng - Tổng Giám Đốc CTCP Kum Ba - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Sài Gòn |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 304.125.440 đồng |

| | |
|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2021: 325.644.914 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 166.603.578 đồng Tiền thưởng năm 2021: 59.522.312 đồng Thù lao HĐQT năm 2021 : 117.000.000 đồng Thù lao HĐQT 6 tháng năm 2022: 78.000.000 đồng Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với SGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

• Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Nguyễn Thị Kim Thanh |
| Năm sinh: | 1970 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1992 đến 1994: Làm việc ở Hãng hàng không Pacific Airlines – Chức vụ: Tiếp viên Hàng không - Từ năm 1994 đến 1996: Làm việc ở Hãng hàng không Vietnam Airlines – Chức vụ: Tiếp viên Trưởng - Từ 2002 đến nay: Phó TGD CTCP Du lịch Sài Gòn. - Từ 2014 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị SGT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Phó TGD Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |

| | |
|--|--|
| - Cá nhân sở hữu: | 2.203.852 cổ phần (tương đương với 2,98% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Đặng Nguyễn Quỳnh Anh – Con – Trưởng ban Tiêu ban Tài chính |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao: - Năm 2020: 0 đồng - Năm 2021: 117.000.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 78.000.000 đồng. Tiền thưởng: Không có Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

▪ Ông Nguyễn Thanh Thái - Thành viên Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|--|
| Họ và tên: | Nguyễn Thanh Thái |
| Năm sinh: | 1984 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Kế toán tổng hợp |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2006-2008: Chuyên viên kế toán tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ - Từ 2008-2013: Chuyên viên QHKH tại NH TMCP Nam Việt – CN Cần Thơ - Từ 2014-2016: Chuyên viên Thẩm định tín dụng tại NH TMCP Quốc Dân – VP Miền Nam - Từ 2017 đến nay: Phó phòng QHKD – Trung tâm Doanh nghiệp Sài Gòn tại NH TMCP Quốc Dân – CN Sài Gòn |

| | |
|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2017 đến nay: Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư SGI - Từ 2020 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị SGT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Phó phòng QHKKH – Trung tâm Khách hàng Doanh Nghiệp Sài Gòn Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư SGI |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao: <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 0 đồng - Năm 2021: 117.000.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 78.000.000 đồng Tiễn thưởng: Không có Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với SGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

- Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Quyền Kế toán trưởng

| | |
|------------|---------------------|
| Họ và tên: | Lê Nguyễn Hoàng Anh |
|------------|---------------------|

| | |
|--|--|
| Năm sinh: | 1984 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2008 đến 2010 : Ngân Hàng TMCP Phương Tây – Nhân Viên. - Từ năm 2010 đến 2011 : CTCP Chứng Khoán TP.HCM – Chuyên viên - Từ năm 2011 đến 2013 : Ngân Hàng TMCP Phương Tây – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp lớn. - Từ 2013 đến 2014 : Ngân Hàng TMCP Nam Việt – Trưởng Phòng quan hệ khách hàng - Từ 12/2014 đến nay : CTCP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn – Phó Tổng Giám Đốc phụ trách tài chính kiêm Quyền Kế toán trưởng. - Từ 2015 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị SGT và kiêm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách tài chính và Quyền Kế toán trưởng , Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TNGlobal - Từ 2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Phân Phối Và Dịch Vụ SaigonTel |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách tài chính và Quyền Kế toán trưởng |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Chủ tịch HĐQT CTCP Phân Phối Và Dịch Vụ SaigonTel. TGD Công ty Cổ phần TNGlobal |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |

| | |
|--|--|
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | <p>Thù lao, tiền lương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 296.880.440 đồng - Năm 2021: 291.518.204 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 147.018.548 đồng <p>Tiền thưởng năm 2021: 50.864.521 đồng</p> <p>Thù lao HĐQT 6 tháng năm 2022: 78.000.000 đồng</p> <p>Cổ phiếu ESOP: Không có</p> |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

❖ Ban Kiểm soát

▪ Ông Nguyễn Đức Thuận – Trưởng Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|---|
| Họ và tên: | Nguyễn Đức Thuận |
| Năm sinh: | 1975 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Thạc sỹ |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân Kế toán - Kiểm toán Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1999 đến năm 2007: Kế toán công ty Dược Sài Gòn - Từ năm 2008-2009: Phó phòng kế toán công ty TNHH TM và Dịch vụ Dầu Khí Biển - Từ năm 2010 đến năm 2015: Kế toán trưởng công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu Khí - Năm 2016 : Kế toán trưởng công ty Cổ phần APIS |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2016 đến năm 2019: Kế toán trưởng công ty Cổ phần Metal Petrochem - Từ năm 2020 đến nay: Kế toán trưởng công ty Cổ phần TGM - Từ 2021 đến nay: Trưởng ban kiểm soát SGT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Trưởng ban kiểm soát |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Kế toán trưởng công ty Cổ phần TGM |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | <p>Thù lao, tiền lương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 0 đồng - Năm 2021: 108.000.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 72.000.000 đồng <p>Tiền thưởng: Không có</p> <p>Cổ phiếu ESOP: Không có</p> |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

▪ Bà Sứ Ngọc Bích – Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Sứ Ngọc Bích |
| Năm sinh: | 1974 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân Tài chính – Kế toán |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1998 đến 1999 : Làm việc tại Công ty TNHH XD GT Đức Hạnh - Chức vụ: kế toán viên - Từ năm 1999 đến 2001 : Làm việc tại Công ty TNHH QC Hoàng Long - Chức vụ: kế toán tổng hợp - Từ năm 2001 đến 2004 : Làm việc tại CTCP Đầu Tư Ma san - Chức vụ: Kế toán tổng hợp - Từ 7/2004 đến nay: Kế toán trưởng tại CTy CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn - Từ 2008 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Năng Lượng Sài Gòn – Bình Định - Từ 2014 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát SaigonTel - Từ 2017 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Kumba |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Thành viên Ban Kiểm soát |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <ul style="list-style-type: none"> Kế toán trưởng CTCP ĐTXD & VLXD Sài Gòn Kế toán trưởng CTCP Năng Lượng Sài Gòn – Bình Định Kế toán trưởng CTCP Kumba |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |

| | |
|--|---|
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: - Năm 2020: 0 đồng - Năm 2021: 90.000.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 60.000.000 đồng. Tiền thưởng: Không có Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

• Bà Lê Thị Kim Nhung – Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|--|--|
| Họ và tên: | Lê Thị Kim Nhung |
| Năm sinh: | 1967 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân quản trị |
| Quá trình công tác: | - Từ năm 2001 đến 2006 : Trưởng phòng vé – Công ty TNHH Ngân Vũ - Từ năm 2006 đến 2014: Trưởng phòng vé – Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn. - Từ năm 2014 đến 04/2015: Nhân viên Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn. - Từ năm 2015 đến nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn. |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Thành viên Ban kiểm soát |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |

| | |
|--|--|
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 1.355.507 cổ phần (tương đương với 1,83% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: - Năm 2020: 0 đồng - Năm 2021: 90.000.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 60.000.000 đồng Tiền thưởng: Không có Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

❖ Ban Giám đốc

▪ Bà Nguyễn Cẩm Phương – Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại Mục Hội đồng quản trị.

▪ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Đã trình bày tại Mục Hội đồng quản trị.

▪ Ông Vũ Ngọc Ánh – Phó Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------|--------------|
| Họ và tên: | Vũ Ngọc Ánh |
| Năm sinh: | 1974 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Trên đại học |

| | |
|--|---|
| Năng lực chuyên môn: | Kỹ sư Giao thông |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2013 đến nay: Phó TGD SGT, Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh SGT - Từ 2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng - Từ 2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh Bắc – Đà Nẵng |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <p>Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh Bắc – Đà Nẵng</p> |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 18.289 phần (tương đương với 0,12% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | <p>Thù lao, tiền lương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 368.974.371 đồng - Năm 2021: 332.757.064 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 164.441.732 đồng <p>Tiền thưởng năm 2021: 43.134.844 đồng</p> <p>Cổ phiếu ESOP: Không có</p> |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

• Ông Phạm Văn Lực – Phó Tổng Giám đốc Đô thị

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Phạm Văn Lực |
| Năm sinh: | 1985 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2010 đến 2013 : Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghệ Cao B&T – Chức vụ: Phó Giám đốc - Từ 2018 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Bất Động Sản SaigonTel - Từ 2019 đến nay: Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn - Phó Tổng Giám đốc Đô thị, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần TNHH Khu Du Lịch Đồi Robin - Từ 2021 đến nay: Phó Giám Đốc CTCP Tập Đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Phó Tổng Giám đốc Đô thị |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <p>Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Bất Động Sản SaigonTel</p> <p>Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần TNHH Khu Du Lịch Đồi Robin</p> <p>Phó Giám Đốc CTCP Tập Đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên</p> |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 541.875.000 đồng - Năm 2021: 653.500.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 337.500.000 đồng Tiền thưởng năm 2021: 438.750.000.000 đồng Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TSGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

▪ Ông Nguyễn Đăng Khoa – Phó Tổng Giám đốc Công nghệ

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Nguyễn Đăng Khoa |
| Năm sinh: | 1983 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Cử nhân |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2005 đến 2006 : Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT – Chức vụ: Nhân viên - Từ năm 2006 đến năm 2008 : Công Ty Cổ phần Viễn Thông NGT – Chức vụ: Trưởng Phòng kinh doanh - Từ năm 2008 đến năm 2009 : Công ty Cổ phần Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Dịch vụ Dữ Liệu Trực Tuyến - Từ năm 2009 đến năm 2017: Công ty Cổ phần Công Nghệ Mobiphone Toàn Cầu – Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc - Từ năm 2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công nghệ tại SGT |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Phó Tổng Giám đốc Công nghệ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |

| | |
|---|---|
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: - Năm 2020: 397.222.219 đồng - Năm 2021: 408.104.276 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 204.269.998 đồng Tiền thưởng: Năm 2021: 33.333.333 đồng Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với SGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

▪ Ông Nguyễn Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

| | |
|------------------------------------|--|
| Họ và tên: | Nguyễn Anh Tú |
| Năm sinh: | 1982 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ học vấn: | Đại học |
| Năng lực chuyên môn: | Kỹ sư xây dựng |
| Quá trình công tác: | - Từ năm 2006 đến 2008 : Công ty Cổ phần XD Việt Nam (Vinacico) – Cienco 1 – Chức vụ: Kỹ sư thiết kế - Từ năm 2008 đến năm 2009 : Công Ty Taisei Corperation – Chức vụ: Kỹ sư thiết kế - Từ năm 2009 đến năm 2017 : Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam – Chức vụ: Giám Đốc dự án - Từ năm 2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật tại SGT - Từ 2018 đến nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Kinh Bắc |
| Chức vụ công tác hiện nay tại SGT: | Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật |



| | |
|---|---|
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Kinh Bắc |
| Số cổ phần đang nắm giữ tại SGT | |
| - Đại diện theo ủy quyền: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Cá nhân sở hữu: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| - Người có liên quan: | 0 cổ phần (tương đương với 0% vốn điều lệ) |
| Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với SGT: | Thù lao, tiền lương: - Năm 2020: 641.994.231 đồng - Năm 2021: 641.685.000 đồng - Đến tháng 6 năm 2022: 334.095.000 đồng Tiền thưởng năm 2021: 395.000.000 đồng Cổ phiếu ESOP: Không có |
| Các khoản nợ đối với SGT: | Không có |
| Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với SGT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SGT: | Không có |

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

74.001.604 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

740.016.040.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá**6.1 Nguyên tắc xác định giá:**

Giá chào bán được xác định trên cơ sở giá trị sổ sách và giá giao dịch của cổ phiếu SGT trên thị trường.

6.2 Xác định giá chào bán

Căn cứ vào nhu cầu và tình hình thị trường, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua mức giá chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng là 10.000 đồng/cổ phần.

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền. Cụ thể:

❖ Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1.

Theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương đương với 01 quyền mua thêm cổ phiếu, cứ 01 quyền mua thêm cổ phiếu sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới.

❖ Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có)

Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được: (i) HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác trong nước do HĐQT quyết định bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán; hoặc (ii) được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành theo quyết định của HĐQT.

8. Đăng ký mua cổ phiếu**❖ Công bố thông tin**

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu có hiệu lực, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, trong đó công bố thông tin chi tiết về thời gian đăng ký mua cổ phiếu, địa điểm nhận đăng ký, thời gian nộp tiền mua cổ phiếu.

❖ Phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu

Điều kiện thực hiện quyền: Cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

Thời gian thực hiện quyền:

Theo thời gian dự kiến nêu trong Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến tại mục VII.9. Thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời gian đăng ký mua cổ phiếu, thời gian chuyển nhượng quyền mua sẽ được Công ty thông báo cụ thể tại Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền (1:1) và/hoặc số lượng cổ phiếu được mua từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua của cổ đông khác.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: 01 cổ phiếu.

Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, và nộp tiền/ chuyển khoản tiền đặt mua vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu quy định tại Bản cáo bạch này.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn, Địa chỉ: Lô 46, Công viên Phần Mềm Quang Trung, P.Tân Chánh Hiệp, Q.12, Tp. Hồ Chí Minh.
- Cổ đông nộp tiền/chuyển khoản tiền đặt mua vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu quy định tại Bản cáo bạch này.

Chuyển giao cổ phiếu:

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (sau khi kết thúc đợt chào bán) sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với cổ đông chưa lưu ký: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại trụ sở chính của Công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

Quyền lợi người mua cổ phiếu:

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua và được phép tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác nhưng chỉ chuyển nhượng một lần trong thời gian thực hiện quyền theo quy định.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không quy định.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Đợt phát hành sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc phát hành kéo dài hơn thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định.

Lịch trình chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến được thực hiện theo trình tự như sau:

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|--|
| 1 | Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực | D | |
| 2 | SGT công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định | D đến D + 7 | Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu có hiệu lực |
| 3 | Gửi VSD thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm | D + 1 đến D + 7 | Chậm nhất 08 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng |
| 4 | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu | D + 16 | |
| 5 | VSD gửi Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền mua chứng khoán | D + 18 | Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng |
| 6 | SGT gửi VSD thông báo xác nhận Danh sách người sở hữu chứng khoán | D + 19 đến D + 20 | Trong vòng 08 ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng |
| 7 | Gửi cổ đông thông báo về việc sở hữu quyền mua chứng khoán | D + 24 | |
| 8 | Cổ đông thực hiện chuyển nhượng quyền mua (nếu có) | D + 24 đến D + 40 | |
| 9 | Cổ đông thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu | D + 24 đến D + 45 | Tối thiểu 20 ngày theo quy định của Luật Chứng khoán |
| 10 | VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu và chuyển tiền đặt mua vào tài khoản phong tỏa của SGT | D + 46 đến D + 52 | Trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày hết hạn đặt mua chứng khoán phát hành thêm |

| STT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|---|---------------------|--|
| 11 | Thực hiện phân phối số cổ phiếu cổ đông hiện hữu chưa đăng ký mua hết | D + 53 đến D + 62 | |
| 12 | Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN | D + 63 đến D + 70 | Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. |

(Ghi chú: D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có hiệu lực.)

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định, nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba).
- Số cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được phân phối cho các nhà đầu tư có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn
- Số tài khoản: 110611236868
- Ngân hàng: TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành không thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Căn cứ theo mục đích sử dụng vốn của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 03/2022/ĐHĐCĐ-SGT ngày 15/04/2022, số tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty dùng để: (i) Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; (ii) Trả các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực tài chính cho Công ty. Do số tiền huy động trong đợt chào bán này không được dùng để đầu tư dự án nên điều kiện về việc bị hủy bỏ đợt chào bán không áp dụng đối với Công ty trong đợt chào bán lần này.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Công ty cam kết sẽ không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn

thông Sài Gòn theo đúng quy định pháp luật.

- Chi phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền họ được mua.
- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước.
- Đối với số cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu: Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài.

15. Các loại thuế có liên quan

❖ Các loại thuế có liên quan đến Công ty

▪ Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với Công ty là 20%.

▪ Thuế giá trị gia tăng

- Thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa cung cấp cho khách hàng trong nước: 10%
- Thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa cung cấp cho khách hàng trong khu chế xuất hoặc xuất khẩu: 0%

▪ Các loại thuế khác

Thuế nhà đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác tuân thủ luật thuế hiện hành.

❖ Các loại thuế có liên quan tới hoạt động giao dịch chứng khoán

▪ Đối với nhà đầu tư cá nhân:

Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

▪ *Đối với nhà đầu tư tổ chức:*

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- + *Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.*

- + *Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.*

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

16. Thông tin về các cam kết

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phần chào bán thêm với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

<Phần còn lại của trang được chủ ý để trống>

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 740.016.040.000 đồng sẽ được sử dụng để:

- Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty.

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết số 03/2022/DHĐCĐ-SGT ngày 15/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Quyết định số 20/2022/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2022 của Hội đồng quản trị và căn cứ theo tình hình thực tế Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn tiến hành đăng ký chào bán 74.001.604 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng theo thứ tự ưu tiên cho các mục đích như sau:

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Mục đích sử dụng vốn | Giá trị giải ngân dự kiến | Thời gian giải ngân dự kiến |
|-----------|--|---------------------------|-----------------------------|
| I | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | 34.150.530.404 | |
| 1 | Thanh toán Hợp đồng tư vấn ngày 02/03/2021 với Công ty TNHH McKinsey & Company Việt Nam | 28.610.364.200 | Quý III-IV/2022 |
| 2 | Thanh toán Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 1904/2021/HDTV ngày 19/04/2021 với Roland Berger PTE. LTD | 5.540.166.204 | Quý III-IV/2022 |
| II | Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực tài chính cho Công ty (*) | 705.865.509.596 | |
| 1 | Trả nợ vay Công Ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung - Long An | 41.516.677.406 | Quý III-IV/2022 |
| 2 | Trả nợ vay Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc | 113.307.829.864 | Quý III-IV/2022 |
| 3 | Trả nợ vay Công ty cổ phần đầu tư Vinatex-Tân Tạo | 7.100.000.000 | Quý III-IV/2022 |
| 4 | Trả nợ vay Công Ty TNHH SaiGonTel Long An | 326.920.000.000 | Quý III-IV/2022 |
| 5 | Trả nợ vay Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghệ Cao SaiGonTel | 114.617.000.000 | Quý III-IV/2022 |
| 6 | Trả nợ vay CTCP Tập Đoàn Đầu Tư và Phát Triển Hưng Yên | 102.404.002.326 | Quý III-IV/2022 |
| | Tổng cộng | 740.016.040.000 | |

(*) Thông tin về các khoản nợ:

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|---|---|---|------------------|------------------------------------|----------|----------------------------|----------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung - Long An (TPT-LA) | Ông Đặng Thành Tâm là Chủ tịch HĐQT của TPT-LA | Hợp đồng cho vay số 03/2020/AT/TPT-LA-SGT ngày 01/04/2020 và các phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 30/03/2023 Nghị quyết HĐQT số 05A/2020/QĐ-HĐQT ngày 01/04/2020 Nghị quyết HĐQT số 10C/2020/QĐ-HĐQT ngày 30/09/2020 Nghị quyết HĐQT số 17B/2021/QĐ-HĐQT ngày 01/04/2021 Nghị quyết HĐQT số 26A/2021/QĐ-HĐQT ngày 30/09/2021 | 22.027.068.493 | 25.868.788.957 | 10 % | 6 tháng (hợp đồng gia hạn) | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Cơ sở | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------|---|--|------------------|------------------------------------|----------|----------|----------------------|--------------------------|
| | | Nghị quyết HĐQT số 38/2021/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2021 Nghị quyết HĐQT số 22A/2022/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2022 | | | | | | |
| | | Hợp đồng cho vay số 03/2021/AT/TPT-LA-SGT ngày 08/02/2021 và các phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 07/05/2023 Nghị quyết HĐQT số 09A/2021/QĐ-HĐQT ngày 08/02/2021 Nghị quyết HĐQT số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 08/02/2022 | 17.000.000.000 | 17.000.000.000 | 11% | 12 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|--|---|--|------------------|------------------------------------|----------|---------|----------------------|--------------------------|
| | | Nghị quyết HĐQT số 27/2022/QĐ-HĐQT ngày 13/07/2022 | | | | | | |
| CTCP Phát Triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) | Ông Đặng Thành Tâm là Chủ tịch HĐQT của SCD | Hợp đồng cho vay số 08/2020/AT/SCD-SGT ký ngày 10/09/2020 và các phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 11/03/2023 Nghị quyết HĐQT số 10B/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/09/2020 Nghị quyết HĐQT số 15A/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2020 Nghị quyết HĐQT số 13C/2021/QĐ-HĐQT ngày 11/03/2021 | 7.500.000.000 | 8.134.131.309 | 11% | 3 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------|---|--|------------------|------------------------------------|----------|---------|----------------------|--------------------------|
| | | Nghị quyết HĐQT số 23A/2021/QĐ-HĐQT ngày 11/06/2021 Nghị quyết HĐQT số 31/2021/QĐ-HĐQT ngày 11/12/2021 | | | | | | |
| | | Hợp đồng cho vay số 10/2020/AT/SCD-SGT ngày 15/12/2020 và các phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 16/03/2023 Nghị quyết HĐQT số 15B/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2020 Nghị quyết HĐQT số 13F/2021/QĐ-HĐQT ngày 16/03/2021 | 7.500.000.000 | 7.955.479.377 | 12% | 6 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------|---|--|------------------|------------------------------------|----------|---------|----------------------|--------------------------|
| | | Nghị quyết HĐQT số 23B/2021/QĐ-HĐQT ngày 16/06/2021 Nghị quyết HĐQT số 32/2021/QĐ-HĐQT ngày 16/12/2021 | | | | | | |
| | | Hợp đồng cho vay số 09/2020/AT/SCD-SGT ngày 12/11/2020 và các phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 12/02/2023 Nghị quyết HĐQT số 14A/2020/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2020 Nghị quyết HĐQT số 22C/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2021 | 15.000.000.000 | 15.818.219.178 | 11% | 6 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------|---|---|------------------|------------------------------------|----------|----------|-------------------------|--------------------------|
| | | Nghị quyết HĐQT số 30/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2021 | | | | | | |
| | | Hợp đồng cho vay số 06/2021/AT/SCD-SGT ngày 23/03/2021 và các phụ lục đính kèm giá hạn khoản vay đến ngày 23/12/2022 Nghị quyết HĐQT số 15A/2021/QĐ-HĐQT ngày 23/03/2021 Nghị quyết HĐQT số 2303/2022/QĐ-HĐQT ngày 23/03/2022 | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | 11% | 12 tháng | Dự án Đại Đồng Hoàn Sơn | Quý III-IV/2022 |
| | | Hợp đồng cho vay số 09/2021/AT/SCD-SGT ngày 15/04/2021 và các phụ lục đính | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | 11% | 12 tháng | Dự án Đại Đồng Hoàn Sơn | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------|---|---|------------------|------------------------------------|----------|---------|----------------------|--------------------------|
| | | <p>kèm gia hạn khoản vay đến ngày 14/01/2023</p> <p>Nghị quyết HĐQT số 18B/2021/QĐ/HĐQT ngày 15/04/2021</p> <p>Nghị quyết HĐQT số 10/2022/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2022</p> | | | | | | |
| | | <p>Hợp đồng cho vay số 10/2021/AT/SCD-SGT ngày 05/05/2021 và phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 05/02/2023</p> <p>Nghị quyết HĐQT số 21B/2021/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2021 các phụ lục đính kèm đến hết ngày 05/05/2022</p> | 100.000.000.000 | 1.400.000.000 | 12% | 3 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|------------|---|--|------------------|------------------------------------|----------|----------|----------------------|--------------------------|
| | | Nghị quyết HĐQT số 29/2021/QĐ-HĐQT ngày 06/11/2021 | | | | | | |
| | | Hợp đồng cho vay số 11/2021/AT/SCD-SGT ngày 25/05/2021 và các phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 26/02/2023 Nghị quyết HĐQT số 22D/2021/HĐQT ngày 25/05/2021 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 12% | 12 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |
| | | Hợp đồng cho vay số 03/2021/AT/SCD-SGT ngày 15/01/2021 và các phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 19/04/2023 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 12% | 12 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|-----------------------------|---|---|------------------|------------------------------------|----------|---------|----------------------|--------------------------|
| | | <p>Nghị quyết HĐQT số 03A/2021/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2021</p> <p>Nghị quyết HĐQT số 01/2022/QĐ-HĐQT ngày 19/01/2022</p> <p>Nghị quyết HĐQT số 26/2022/QĐ-HĐQT ngày 13/07/2022</p> | | | | | | |
| CTCP đầu tư Vinatex-Tân Tạo | Ông Đặng Thành Tâm là Tổng Giám đốc của CTCP đầu tư Vinatex-Tân Tạo | <p>Hợp đồng hỗ trợ vốn 281220/Vinatexin ngày 28/12/2020 và phụ lục đính kèm gia hạn khoản vay đến ngày 29/12/2022</p> <p>Nghị quyết HĐQT số 17/2020/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2020</p> | 7.100.000.000 | 7.100.000.000 | 12% | 6 tháng | Bổ sung vốn lưu động | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|--|---|--|------------------|------------------------------------|----------|----------|--|--------------------------|
| | | Nghị quyết HĐQT số 23C/2021/QĐ-HĐQT ngày 27/06/2021 Nghị quyết HĐQT số 2912/2021/QĐ-HĐQT ngày 29/12/2021 | | | | | | |
| Công Ty TNHH SaiGonTel Long An | Công ty con | Thỏa thuận cho mượn vốn số 1003/2021/TTMV/SLA-SGT ngày 11/03/2021, thời gian trả nợ đến ngày 11/03/2023 Nghị quyết HĐQT số 13A/2021/QĐ-HĐQT ngày 10/03/2021 | 337.500.000.000 | 326.920.000.000 | 1% | 24 tháng | Mua đất dự án Long An | Quý III-IV/2022 |
| Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Công | Công ty con | Thỏa thuận cho mượn vốn số 1203/2021/TTMV/SGTH – SGT ngày 12/03/2021, thời gian trả nợ đến ngày 12/03/2023 | 125.000.000.000 | 114.617.000.000 | 1% | 24 tháng | Tạm ứng mua đền bù đất Khu công nghiệp Đại | Quý III-IV/2022 |

| Tên chủ nợ | Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty | Căn cứ | Giá trị hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm 30/06/2022 | Lãi suất | Kỳ hạn | Mục đích vay | Thời gian dự kiến trả nợ |
|---|---|--|------------------|------------------------------------|----------|----------|------------------------|--------------------------|
| Nghệ Cao SaiGonTel | | Nghị quyết HĐQT số 13E/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/03/2021 | | | | | Đông Hoàn Sơn | |
| CTCP Tập Đoàn Đầu Tư và Phát Triển Hưng Yên | Công ty liên kết | Hợp đồng cho mượn vốn số 02/2021/TTMV/HY-SGT ngày 06/05/2021, thời gian trả nợ đến ngày 06/05/2023 Nghị quyết HĐQT số 22/2021/QĐ-HĐQT ngày 06/05/2021 | 540.000.000.000 | 540.000.000.000 | 1% | 24 tháng | Mua đất dự án Hưng Yên | Quý III-IV/2022 |

Trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các mục đích có thứ tự ưu tiên theo bảng trên, đảm bảo đúng mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với nguồn vốn thiếu hụt, Công ty sẽ sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện bù đắp, đảm bảo đủ nguồn vốn cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể bằng các giải pháp như sau:

- Tiến hành bổ sung phần vốn còn thiếu thông qua vay vốn ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng;
- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- Các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức kiểm toán**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISIC (Tên cũ là: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM)

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3832 9129 Fax: (028) 3834 2957

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, Toà nhà GreenStar, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 8116 Fax: (028) 3820 8117

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết số 03/2022/DHĐCĐ-SGT ngày 15/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông Sài Gòn tiến hành đăng ký chào bán 74.001.604 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với mục đích (i) bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, (ii) tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 74.001.604 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 11,1% so với giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 (11.249 đồng/cổ phiếu) và thấp hơn 61,58% so với giá tham chiếu bình quân của cổ phiếu SGT trong 30 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 27/06/2022 đến ngày 05/08/2022) là 26.027 đồng/cổ phiếu.

Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh ổn định năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 khả quan của Công ty, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty sẽ thành công trong đợt chào bán.

<Phần còn lại của trang được chú ý để trống>

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

<Phần còn lại của trang được chủ ý để trống>

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG SÀI GÒN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG THÀNH TÂM

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CẨM PHƯƠNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



TRẦN QUỐC VIỆT

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 03/2021/DHĐCD-SGT ngày 11/04/2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 03/2022/DHĐCD-SGT ngày 15/04/2022.
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/2022/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2022 thông qua phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
5. Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất 2020 và 2021, BCTC công ty mẹ và hợp nhất Quý II/2022 của Công ty.

<Phần còn lại của trang được chủ ý để trống>



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0302615063

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 05 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 19 tháng 01 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORPORATION

Tên công ty viết tắt: SAIGONTEL CORP.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+848) 3715 9910

Fax: (+848) 5437 1074

Email: info@saigontel.com

Website: www.saigontel.com

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 740.019.140.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ không trăm mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 74.001.914

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **ĐẶNG THÀNH TÂM**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Chủ tịch hội đồng quản trị**

Sinh ngày: *15/04/1964*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031064005582*

Ngày cấp: *01/10/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư*

Địa chỉ thường trú: *6/35D Khu phố 3, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *6/35D Khu phố 3, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG



Hồ Hoàn Sơn

Số: Q.3.../2021/ĐHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT 03
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

-----***-----

- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của HĐQT tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 ngày 11 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:**ĐIỀU 1: Thông qua phương án tăng vốn:****1. Thông tin cổ phiếu chào bán**

- Cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết: 74.001.914 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu), trong đó:
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (Ba trăm mười cổ phiếu).

2. Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu)

Tổng mệnh giá dự kiến phát hành: 740.016.040.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi tỷ, không trăm mười sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 100%

Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu



| | |
|--|--|
| Đối tượng chào bán: | Tất cả cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền do VSD cấp. |
| Giá chào bán dự kiến: | 10.000 đồng/cổ phiếu – bằng mệnh giá |
| Tỷ lệ phát hành | 1: 1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương đương với 01 quyền mua thêm cổ phiếu. Cứ 1 quyền mua thêm cổ phiếu sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới). |
| Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết: | Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành |

3. Phương án chào bán riêng lẻ

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 50.000.000 cổ phiếu (Năm mươi triệu cổ phiếu)

Tổng mệnh giá dự kiến phát hành: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)

Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 67,57%

Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chiến lược và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Số lượng nhà đầu tư: Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá phát hành căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước đáp ứng các tiêu chí:

KỶ LẠC 2024

- Các tổ chức, cá nhân có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần;
- Các tổ chức, cá nhân có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ công ty trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý điều hành để gia tăng giá trị và mở rộng thị trường. Ưu tiên các đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty;
- Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.

Danh sách các đối tượng Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư cụ thể và số lượng chào bán (dự kiến): cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng.

Hạn chế chuyển nhượng: Tuân theo quy định của Luật Chứng khoán về thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Theo đó, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành

4. Mục đích và kế hoạch sử dụng vốn

Số tiền thu được từ các đợt chào bán được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

- Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty;
- Tăng quy mô hoạt động, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn chi tiết tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán cổ phiếu. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo với cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi hoàn tất việc phát hành

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Xây dựng nguyên tắc xác định giá (nếu cần), phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc phát hành cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đăng ký kinh doanh;
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền ghi nhận số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Toàn quyền quyết định các vấn đề chưa được đề cập trong Phương án chào bán;
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.

ĐIỀU 2 : Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.
Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 04 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.



Số: 03./2022/ĐHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT 03

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

-----***-----

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 ngày 15 tháng 04 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1: Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thay đổi phương án chào bán riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

1. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi điều chỉnh

1.1. Thông tin cổ phiếu chào bán

| | | | |
|----|-------------------|---|---|
| 1. | Cổ phiếu chào bán | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn |
| 2. | Loại cổ phần | : | Cổ phần phổ thông |
| 3. | Mã chứng khoán | : | SGT |
| 4. | Mệnh giá | : | 10.000 đồng/cổ phần |

| | | | |
|-----|---|---|---|
| 5. | Vốn điều lệ trước khi chào bán | : | 740.019.140.000 đồng |
| 6. | Số lượng cổ phiếu đang niêm yết | : | 74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>) Trong đó: <i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu);</i> <i>Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (Ba trăm mười cổ phiếu).</i> |
| 7. | Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán | : | Tối đa 74.001.604 cổ phiếu |
| 8. | Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (<i>theo mệnh giá</i>) | : | Tối đa 740.016.040.000 đồng |
| 9. | Tỷ lệ thực hiện quyền | : | 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới) |
| 10. | Đối tượng chào bán | : | Cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để đảm bảo khả năng thực hiện phương án chào bán và triển khai phương án chào bán thành công. |
| 11. | Giá chào bán | : | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 12. | Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có) | : | Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ (i) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác trong nước do HĐQT quyết định bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán; hoặc |

| | | |
|-----|---|---|
| | | (ii) được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán theo quyết định của HĐQT. |
| 13. | Chuyển nhượng quyền mua | Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư trong nước khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba). |
| 14. | Hạn chế chuyển nhượng | Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. |
| 15. | Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | Chỉ phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền họ được mua; Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước; Đối với số cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu: Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài; HĐQT có trách nhiệm giám sát thực hiện để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. |
| 16. | Thời gian thực hiện | Sau khi được UBCKNN chấp thuận và dự kiến trong quý II/2022 & quý III/2022. |

1.2 Mục đích và kế hoạch sử dụng vốn

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

| STT | Nội dung | Số tiền dự kiến sử dụng (đồng) |
|-----|---|--------------------------------|
| 1 | Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty | 40.016.040.000 |

| STT | Nội dung | Số tiền dự kiến sử dụng (đồng) |
|------------------|---|--------------------------------|
| 2 | Trả các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty | 700.000.000.000 |
| Tổng cộng | | 740.016.040.000 |

1.3 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu trên bao gồm:

- Quyết định chi tiết nội dung phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán; điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan về mục đích, phương án sử dụng vốn này (nếu có).
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán cổ phần sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.
- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn: thay đổi Giấy phép hoạt động, sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật;
- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành theo phương án ở trên tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật;

2. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ sau khi thay đổi

2.1. Thông tin cổ phiếu chào bán

| | | | |
|----|--|---|---|
| 1. | Cổ phiếu chào bán | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn |
| 2. | Loại cổ phần | : | Cổ phần phổ thông |
| 3. | Mã chứng khoán | : | SGT |
| 4. | Mệnh giá cổ phần | : | 10.000 đồng/cổ phần |
| 5. | Số lượng cổ phiếu đang niêm yết (tại thời điểm | : | 74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>) |

| | | |
|-----|---|---|
| | ĐHĐCĐ thông qua phương án) | Trong đó Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu</i>) Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (<i>Ba trăm mười cổ phiếu</i>) |
| 6. | Phương thức chào bán | : Chào bán cổ phiếu riêng lẻ |
| 7. | Mục đích chào bán | : Việc chào bán cổ phần phổ thông của Công ty là cần thiết nhằm giúp Công ty có thêm nguồn vốn để: <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; - Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty; - Tăng quy mô hoạt động, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt và triển khai phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp mục đích chào bán được phê duyệt. |
| 8. | Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán | : Tối đa 100.000.000 cổ phiếu (Một trăm triệu cổ phiếu), tương ứng 67,56% tổng số cổ phiếu lưu hành (tối đa tại thời điểm sau khi Công ty hoàn thành việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu). |
| 9. | Tổng giá trị cổ phần chào bán (theo mệnh giá) | : 1.000.000.000.000 đồng (<i>Một nghìn tỷ đồng</i>) |
| 10. | Nguyên tắc xác định giá chào bán | : Căn cứ vào điều kiện hạn chế chuyển nhượng với nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu riêng lẻ năm 2022, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá chào bán cụ thể căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông. |

| | | | |
|-----|---|---|--|
| 11. | Đối tượng chào bán | : | Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Không được là công ty con của SGT. |
| 12. | Số lượng nhà đầu tư | : | Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp |
| 13. | Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư | : | Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước đáp ứng các tiêu chí: Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính, mong muốn gắn bó và phát triển cùng SGT và đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. |
| 14. | Danh sách các đối tượng chào bán (dự kiến) | : | Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư cụ thể và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng. HĐQT được quyền chủ động điều chỉnh danh sách nhà đầu tư tùy theo tình hình thực tế đàm phán và khả năng từng thời điểm của các nhà đầu tư. |
| 15. | Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | : | Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án và lựa chọn nhà đầu tư phù hợp để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty trong thời điểm chào bán. |
| 16. | Hạn chế chuyển nhượng | : | Tuân theo quy định của Luật Chứng khoán về thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Theo đó, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 36 tháng đối với nhà đầu tư chiến lược và là 12 tháng đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc xác định tư cách |

| | | |
|-----|--|--|
| | | nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân theo quy định của pháp luật hiện hành. |
| 17. | Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết | : Số lượng cổ phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán. |
| 18. | Thời gian thực hiện dự kiến | : Trong năm 2022, sau khi kết thúc đợt chào bán tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời hạn chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm tối đa lợi ích cho cổ đông và Công ty |
| 19. | Sửa đổi Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc sửa đổi mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả của đợt chào bán. Thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật hiện hành |
| 20. | Phê duyệt liên quan đến thay đổi số lượng cổ phần lưu hành của Công ty | : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) theo kết quả của đợt chào bán. - Phê duyệt việc đề nghị thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | |
|--|--|---|
| | | <p>(HSX), để đăng ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo kết quả của đợt chào bán.</p> <p>Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> |
|--|--|---|

ĐIỀU 2: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Xây dựng phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Quyết định giá chào bán, thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc chào bán cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (nếu có chào bán cho các đối tượng này) theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc chào bán theo phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc được ủy quyền nêu trên.

ĐIỀU 3: Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị Quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐANG THÀNH TÂM

Số: ~~30~~/2022/QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày ~~12~~ tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thống qua phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 03/2022/ĐHĐCĐ-SGT ngày 15/04/2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông Sài Gòn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số ~~20~~/2022/BBH-HĐQT ngày ~~11~~/05/2022 về việc thông qua phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 03/2022/ĐHĐCĐ-SGT ngày 15/04/2022 thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Hội đồng quản trị thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

| | | | |
|----|-----------------------|---|---|
| 1. | Cổ phiếu chào bán | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn |
| 2. | Loại cổ phần | : | Cổ phần phổ thông |
| 3. | Mã chứng khoán | : | SGT |
| 4. | Mệnh giá | : | 10.000 đồng/cổ phần |
| 5. | Vốn điều lệ trước khi | : | 740.019.140.000 đồng |

| | | |
|-----|---|--|
| | chào bán | |
| 6. | Số lượng cổ phiếu đang niêm yết | : 74.001.914 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu</i>) <i>Trong đó:</i> Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (<i>Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu</i>); Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (<i>Ba trăm mười cổ phiếu</i>). |
| | Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán | Tối đa 74.001.604 cổ phiếu |
| 7. | Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (<i>theo mệnh giá</i>) | : Tối đa 740.016.040.000 đồng |
| 8. | Tỷ lệ thực hiện quyền: | : 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới) |
| 9. | Đối tượng chào bán | : Cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để đảm bảo khả năng thành công của phương án chào bán và triển khai phương án chào bán. |
| 10. | Giá chào bán | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 11. | Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có) | : Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ (i) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác trong nước do HĐQT quyết định bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán; hoặc (ii) được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán theo quyết định của HĐQT. |
| 12. | Chuyển nhượng quyền mua | : Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư trong nước khác trong thời gian quy định nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba). |
| 13. | Hạn chế chuyển nhượng | : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư có nhu cầu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. |

20
 Ông
 Ông P
 Giám
 SÀI G
 7. P

| | | | |
|-----|---|---|--|
| 14. | Phương án đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | : | Chi phân phối cho cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền họ được mua; Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các nhà đầu tư trong nước; Đối với số cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu; Công ty không thực hiện phân phối cho Nhà đầu tư nước ngoài; Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát thực hiện để đảm bảo đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. |
| 15. | Thời gian thực hiện | : | Sau khi được UBCKNN chấp thuận và dự kiến trong Quý II/2022 & Quý III/2022. |

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ theo Quyết định số 04/2022/QĐ-HĐQT ngày 28/02/2022 về việc thông qua phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2021 và Căn cứ theo nội dung ủy quyền tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 03/2022/ĐHĐCĐ-SGT ngày 15/04/2022. Hội đồng quản trị thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

| STT | Nội dung | Số tiền dự kiến sử dụng (đồng) |
|------------------|---|--------------------------------|
| 1 | Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty | 34.150.530.404 |
| 2 | Trả các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty | 705.865.509.596 |
| Tổng cộng | | 740.016.040.000 |

Chi tiết việc sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên sử dụng theo thứ tự dưới đây:

| STT | Mục đích sử dụng vốn | Giá trị giải ngân dự kiến (đồng) | Thời gian giải ngân dự kiến |
|----------|---|----------------------------------|-----------------------------|
| I | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | 34.150.530.404 | |
| 1 | Thanh toán Hợp đồng tư vấn ngày 02/03/2021 với Công ty TNHH McKinsey & Company Việt Nam | 28.610.364.200 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |

| STT | Mục đích sử dụng vốn | Giá trị giải ngân dự kiến (đồng) | Thời gian giải ngân dự kiến |
|------------------|--|----------------------------------|-----------------------------|
| 2 | Thanh toán Hợp đồng cung cấp dịch tư vấn số 1904/2021/HĐTV ngày 19/04/2021 với Roland Berger PTE, LTD | 5.540.166.204 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |
| II | Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực tài chính cho Công ty | 705.865.509.596 | |
| 1 | Trả nợ vay Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung - Long An | 41.516.677.406 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |
| 2 | Trả nợ vay Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc | 113.307.829.864 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |
| 3 | Trả nợ vay Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex-Tân Tạo | 7.100.000.000 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |
| 4 | Trả nợ vay Công ty TNHH SaiGonTel Long An | 326.920.000.000 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |
| 5 | Trả nợ vay Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ cao SaiGonTel | 114.617.000.000 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |
| 6 | Trả nợ vay CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 102.404.002.326 | Quý II/2022 - Quý III/2022 |
| Tổng cộng | | 740.016.040.000 | |

Điều 3. Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 03/2021/ĐHĐCĐ-SGT ngày 11/04/2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 03/2022/ĐHĐCĐ-SGT ngày 15/04/2022;
- Quyết định Hội đồng quản trị số 40/2022/QĐ-HĐQT ngày 11.1.2022 thông qua phương án phát hành chi tiết chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2021;
- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu;
- Giấy ủy quyền số 31/2020/UQ-VCBS-KSNB ngày 09/07/2020 của Ông Lê Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc VCBS cho Ông Trần Quốc Việt – Giám đốc VCBS Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021;
- Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất Quý I/2022 của Công ty;

- Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/2021/VCBS-TVTCĐN.HCM ngày 12/10/2021;
- Công văn cam kết về việc triển khai niêm yết cổ phiếu chào bán tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Thông báo xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu;
- Công văn cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
- Hồ sơ liên quan tới phương án sử dụng vốn *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các cá nhân và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Do có 01/06 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan đến Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung - Long An, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex-Tân Tạo, Công ty TNHH SàiGonTel Long An, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ cao SaiGonTel, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư và Phát Triển Hưng Yên, với ý kiến biểu quyết của các thành viên còn lại không có quyền lợi liên quan là tán thành 05/05. Hội đồng quản trị công ty thực hiện tách phiếu biểu quyết khi thông qua các nội dung quyết định này và tỷ lệ thông qua là 100%.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH *xc*

 ĐẶNG THÀNH TÂM

*Phụ lục: Hồ sơ sử dụng vốn của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
(Kèm theo Quyết định HĐQT số 20/2022/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2022)*

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VNĐ) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VNĐ) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VNĐ) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|--|--|------------------------|--|---|-----------------------------|---|
| I/ Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | | | | | | |
| 1 | Thanh toán Hợp đồng tư vấn ngày 02/03/2021 với Công ty TNHH Mckinsey& Company Việt Nam | 38.148.000.000 | 9.537.635.800 | 28.610.364.200 | - | <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng tư vấn 3 bên về việc lập quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 ngày 02/03/2021 với Công ty TNHH Mckinsey&Company Việt Nam kèm theo các phụ lục hợp đồng; - Phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 1 ngày 07/05/2021; - Biên bản Nghiệm thu giai đoạn 1 ngày 03/08/2021 + kèm hóa đơn VAT; - Biên bản Nghiệm thu giai đoạn 2 ngày 22/10/2021 + kèm hóa đơn VAT - Biên bản Nghiệm thu giai đoạn 3 ngày 26/02/2022 + kèm hóa đơn VAT - Ủy nhiệm chi thanh toán phí huy động ngày 05/08/2021 số tiền: 9.537.635.800 đồng; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 25/04/2022 giữa SGT và Công ty TNHH Mckinsey&Company Việt Nam; - Số tiền còn phải thanh toán cho các giai đoạn tiếp theo của Hợp đồng là: 7.832.368.400 đồng (Sau khi tiến hành nghiệm thu các giai đoạn tiếp theo thì Công ty TNHH Mckinsey& Company Việt Nam sẽ tiến hành xuất hóa đơn và ghi nhận công nợ) |
| 2 | Thanh toán Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 1904/2021/HĐTV ngày 19/04/2021 | 13.873.900.000 | 8.333.733.796 | 5.540.166.204 | - | <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển đổi số tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 số 1904/2021/HĐTV ngày 19/04/2021; - Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐTV ngày 31/01/2022 về việc điều chỉnh nội dung Phương thức thanh toán; |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VNĐ) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VNĐ) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VNĐ) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|---|--|------------------------|--|---|-----------------------------|---|
| | với Công ty Roland Berger PTE.LTD | | | | | - Thư chiết khấu ngày 26/04/2021 của Công ty Roland Berger PTE.LTD; - Biên bản nghiệm thu ngày 11/03/2022 và kèm hóa đơn VAT - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 25/04/2022 giữa SGT và Công ty Roland Berger PTE.LTD. |
| II/ Mục đích sử dụng vốn để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay: | | | | | | |
| 1 | Trả nợ vay Công Ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung - Long An | | | | | |
| 1.1 | Hợp đồng vay số 03/2020/AT/TPT-SGT ngày 01/04/2020 giữa SGT và Tân Phú Trung - Long An | 25.868.788.957 | 0 | 25.868.788.957 | 01/07/2022 | - Quyết định Hội đồng quản trị số 05A/2020/QĐ-HĐQT ngày 01/04/2020 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung – Long An với số tiền là 22.027.068.493 đồng; - Hợp đồng cho vay số 03/2020/AT/TPT-SGT ngày 01/04/2020 giữa SGT và Tân Phú Trung Long An, số tiền vay: 22.027.068.493 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 10C/2020/QĐ-HĐQT ngày 30/09/2020 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung – Long An với số tiền là 23.241.876.406 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 03/2020/AT/PLHĐ/TPT-LA-SGT ngày 30/09/2020 về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 17B/2021/QĐ-HĐQT ngày 01/04/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung – Long An với số tiền là 24.516.677.406 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 3A/2021/AT/PLHĐ/TPT-LA-SGT ngày |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | | | | | | <p>01/04/2021 về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 26A/2021/QĐ-HĐQT ngày 30/09/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung – Long An với số tiền là 25.868.788.957 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 03B/2021/AT/PLHD/TPT-LA-SGT ngày 30/09/2021 về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 38/2021/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2021 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung – Long An - Phụ lục hợp đồng vay số 3C/2021/AT/PLHD/TPT-LA-SGT ngày 31/12/2021 về việc gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 01/07/2022 - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 42.868.788.957 VND, tổng lãi phát sinh: 3.361.077.138 VND |
| 1.2 | Hợp đồng vay số số 03/2021/AT/TPT-LA-SGT ngày 08/02/2021 giữa SGT và Tân Phú Trung - Long An | 17.000.000.000 | 0 | 17.000.000.000 | 08/08/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 09A/2021/QĐ-HĐQT ngày 08/02/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung – Long An với số tiền là 17.000.000.000 đồng; - Hợp đồng cho vay số 03/2021/AT/TPT-LA-SGT ngày 08/02/2021 giữa SGT và Tân Phú Trung Long An, số tiền vay: 17.000.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 08/02/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Công ty TNHH MTV KCN Tân Phú Trung – Long An; |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VNĐ) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VNĐ) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VNĐ) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|---|-----------------------------|---|
| | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục hợp đồng vay số A03/2021/AT/PLHD/TPT-LA-SGT ngày 08/02/2022 về việc gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 08/08/2022; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 42.868.788.957 VNĐ, tổng lãi phát sinh: 3.361.077.138 VNĐ |
| 2 | Trả nợ vay Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc | | | | | |
| 2.1 | Hợp đồng vay số 08/2020/AT/SCD-SGT ngày 10/09/2020 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc | 8.134.131.309 | 0 | 8.134.131.309 | 11/06/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 10B/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/09/2020 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 08/2020/AT/SCD-SGT ngày 10/09/2020 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 7.500.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 15A/2020/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2020 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc với số tiền là 7.705.684.931 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 08A/2020/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 10/12/2020 về việc về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 13C/2021/QĐ-HĐQT ngày 11/03/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc với số tiền là 7.914.688.440 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 08B/2021/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 11/03/2021 về việc về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 23A/2021/QĐ-HĐQT ngày |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | | | | | | <p>11/06/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc với số tiền là 8.134.131.309 đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ lục hợp đồng vay số 08C/2021/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 11/06/2021 về việc về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 31/2021/QĐ-HĐQT ngày 11/12/2021 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 08D/2021/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 11/12/2021 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 11/06/2022; - Quyết định Hội đồng quản trị số 16/2022/QĐ-HĐQT ngày 11/05/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 08E/2022/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 11/05/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 11/03/2023; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 113.307.829.864 VNĐ, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VNĐ |
| 2.2 | Hợp đồng vay số 10/2020/AT/SCD-SGT ngày 15/12/2020 giữa SGT và Sài Gòn | 7.955.479.377 | 0 | 7.955.479.377 | 16/06/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 15B/2020/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2020 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 10/2020/AT/SCD-SGT ngày 15/12/2020 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 7.500.000.000 đồng; |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|----------|---------------------------|--|--|-----------------------------------|--|
| | Tây Bắc | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 13F/2021/QĐ-HĐQT ngày 16/03/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc với số tiền là 7.721.917.808 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 10A/2021/AT/PLHD/SCD- SGT ngày 16/03/2021 về việc về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 23B/2021/QĐ-HĐQT ngày 16/06/2021 của SGT Thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc với số tiền là 7.955.479.377 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 10B/2021/AT/PLHD/SCD- SGT ngày 16/06/2021 về việc về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 32/2021/QĐ-HĐQT ngày 16/12/2021 của SGT Thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 10C/2021/AT/PLHD/SCD- SGT ngày 16/12/2021 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 16/06/2022; - Quyết định Hội đồng quản trị số 18/2022/QĐ-HĐQT ngày 11/05/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 10D/2022/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 11/05/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 16/03/2023; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VNĐ) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VNĐ) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VNĐ) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | | | | | | nợ gốc: 113.307.829.864 VNĐ, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VNĐ |
| 2.3 | Hợp đồng vay số 09/2020/AT/SCD-SGT ngày 12/11/2020 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc | 15.818.219.178 | 0 | 15.818.219.178 | 12/05/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 14A/2020/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2020 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 09/2020/AT/SCD-SGT ngày 12/11/2020 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 15.000.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 22C/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc với số tiền là 15.818.219.178 đồng; - Phụ lục hợp đồng vay số 09A/2020/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 12/05/2021 về việc về việc nhập gốc tiền lãi vay và gia hạn thời gian trả nợ; - Quyết định Hội đồng quản trị số 30/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2021 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 09B/2021/AT/PLHD/SCD- SGT ngày 12/11/2021 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 12/05/2022; - Quyết định Hội đồng quản trị số 17/2022/QĐ-HĐQT ngày 11/05/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 09C/2022/AT/PLHD/SCD- SGT ngày 17/05/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 12/02/2023 |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | | | | | | - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 113.307.829.864 VND, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VND |
| 2.4 | Hợp đồng vay số 03/2021/AT/SCD-SGT ngày 15/01/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc | 10.000.000.000 | 0 | 10.000.000.000 | 19/07/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 03A/2021/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 03/2021/AT/SCD-SGT ngày 15/01/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 10.000.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 01/2022/QĐ-HĐQT ngày 19/01/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 03A/2021/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 19/01/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 19/07/2022; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 113.307.829.864 VND, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VND |
| 2.5 | Hợp đồng vay số 06/2021/AT/SCD-SGT ngày 23/03/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc | 30.000.000.000 | 0 | 30.000.000.000 | 23/12/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 15A/2021/QĐ-HĐQT ngày 23/03/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 06/2021/AT/SCD-SGT ngày 23/03/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 30.000.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 2303/2022/QĐ-HĐQT ngày 23/03/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | | | | | | với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 06A/2021/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 23/03/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 23/12/2022; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 113.307.829.864 VND, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VND |
| 2.6 | Hợp đồng vay số 09/2021/AT/SCD-SGT ngày 15/04/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc | 30.000.000.000 | 0 | 30.000.000.000 | 14/01/2023 | - Quyết định Hội đồng quản trị số 18B/2021/QĐ-HĐQT ngày 15/04/2021 của SGT thông qua việc vay vốn/mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 09/2021/AT/SCD-SGT ngày 15/04/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 30.000.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 10/2022/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 09/2021/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 14/04/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 14/01/2023; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 113.307.829.864 VND, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VND |
| 2.7 | Hợp đồng vay số 10/2021/AT/SCD-SGT ngày 05/05/2021 giữa | 100.000.000.000 | 98.600.000.000 | 1.400.000.000 | 06/05/2022 | - Quyết định Hội đồng quản trị số 21B/2021/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 10/2021/AT/SCD-SGT ngày 05/05/2021 giữa |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|---|-----------------------------|---|
| | SGT và Sài Gòn Tây Bắc | | | | | <p>SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 100.000.000.000 đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 29/2021/QĐ-HĐQT ngày 06/11/2021 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 10AA/2021/AT/PLHĐ/SCD-SGT ngày 06/11/2021 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 06/05/2022; - Quyết định Hội đồng quản trị số 11/2022/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 10/2021/AT/PLHĐ/SCD- SGT ngày 05/05/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 05/02/2023 - Ủy nhiệm chi trả tiền vay cho Sài Gòn – Tây Bắc ngày 07/05/2021 với số tiền 98.600.000.000 đồng; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 113.307.829.864 VND, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VND |
| 2.8 | Hợp đồng vay số 11/2021/AT/SCD-SGT ngày 25/05/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc | 10.000.000.000 | 0 | 10.000.000.000 | 26/05/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 22D/2021/QĐ-HĐQT ngày 25/05/2021 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc; - Hợp đồng cho vay số 11/2021/AT/SCD-SGT ngày 25/05/2021 giữa SGT và Sài Gòn Tây Bắc, số tiền vay: 10.000.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 19/2022/QĐ-HĐQT ngày 11/05/2022 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Sài Gòn |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VNĐ) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VNĐ) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VNĐ) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | | | | | | Tây Bắc; - Phụ lục hợp đồng vay số 11A/2022/AT/PLHD/SCD-SGT ngày 11/05/2022 về việc về việc gia hạn thời gian trả nợ đến 26/02/2023 - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 113.307.829.864 VNĐ, tổng lãi vay phát sinh: 12.174.671.683 VNĐ |
| 3 | Trả nợ vay Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex-Tân Tạo | | | | | |
| | Hợp đồng hỗ trợ vốn số 281220/2020/Vinatexin ngày 28/12/2020 giữa SGT và Vinatex Tân Tạo | 7.100.000.000 | 0 | 7.100.000.000 | 29/12/2022 | - Quyết định Hội đồng quản trị số 17/2020/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2020 của SGT thông qua việc vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư VinaTex – Tân Tạo; - Hợp đồng hỗ trợ vốn số 281220/2020/Vinatexin ngày 28/12/2020 giữa SGT và Vinatex Tân Tạo, số tiền vay: 7.100.000.000 đồng; - Quyết định Hội đồng quản trị số 23C/2021/QĐ-HĐQT ngày 27/06/2021 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư VinaTex – Tân Tạo; - Phụ lục số 01 ngày 27/06/2021 về việc gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 29/12/2021; - Quyết định Hội đồng quản trị số 2912/2021/QĐ-HĐQT ngày 29/12/2021 của SGT thông qua việc gia hạn thời gian vay vốn /mượn vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư VinaTex – Tân Tạo; - Phụ lục số 02 ngày 29/12/2021 về việc gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 29/12/2022; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | | | | | | nợ gốc: 7.100.000.000 VND, tổng lãi vay phát sinh: 1.072.002.740 VND |
| 4 | Trả nợ vay Công Ty TNHH SaiGonTel Long An | | | | | |
| | Thỏa thuận cho mượn vốn số 1003/2021/TTMV/SLA-SGT ngày 11/03/2021 giữa SGT và SaiGonTel Long An | 337.500.000.000 | 10.580.000.000 | 326.920.000.000 | 11/03/2023 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 13A/2021/QĐ-HĐQT ngày 10/03/2021 của SGT thông qua việc vay vốn từ Công ty TNHH Saigontel Long An; - Thỏa thuận cho mượn vốn số 1003/2021/TTMV/SLA-SGT ngày 11/03/2021 giữa SGT và SaiGonTel Long An; - Văn bản ủy quyền số 01/2021/QĐ-SLA ngày 19/02/2021 về việc ủy quyền ký kết hợp đồng cho Bà Nguyễn Cẩm Phương; - Văn bản ủy quyền số 06A/2021/UQ-SGT ngày 09/03/2021 về việc ủy quyền ký kết hợp đồng cho ông Nguyễn Anh Tú; - Ủy nhiệm chi trả tiền vay cho SaiGonTel Long An ngày 20/04/2021 với số tiền: 200.000.000 đồng - Ủy nhiệm chi trả tiền vay cho SaiGonTel Long An ngày 24/07/2021 với số tiền: 10.380.000.000 đồng; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 326.920.000.000 VND, tổng lãi vay phát sinh: 3.497.613.699 VND |
| 5 | Trả nợ vay Công Ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ cao SaiGonTel | | | | | |
| | Thỏa thuận cho mượn vốn số 1203/2021/TTMV/SGTHiTech-SGT | 125.000.000.000 | 10.383.000.000 | 114.617.000.000 | 12/03/2023 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 13E/2021/QĐ-HĐQT ngày 12/03/2021 của SGT thông qua việc vay vốn/mượn vốn từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công Nghệ Cao Saigontel; - Thỏa thuận cho mượn vốn số 1203/2021/TTMV/SGTHiTech-SGT |

| STT | Nội dung | Giá trị hợp đồng (VND) | Số tiền đã thanh toán/chiết khấu theo hợp đồng (VND) | Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VND) | Thời gian thanh toán/trả nợ | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|------------------------|--|---|-----------------------------|--|
| | ngày 12/03/2021 giữa SGT và Công nghệ cao SaiGonTel | | | | | <p>ngày 12/03/2021 giữa SGT và Công nghệ cao SaiGonTel;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ủy quyền số 03/2021/QĐ-SHi ngày 25/01/2021 về việc ủy quyền ký kết hợp đồng cho Bà Lê Bích Phương; - Ủy nhiệm chi trả tiền vay cho Công nghệ cao Saigontel ngày 26/05/2021 với số tiền: 3.343.000.000 đồng; - Ủy nhiệm chi trả tiền vay cho Công nghệ cao Saigontel ngày 07/07/2021 với số tiền: 7.040.000.000 đồng; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 114.617.000.000 VND, tổng lãi vay phát sinh: 1.238.694.055 VND |
| 6 | Trả nợ vay CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | | | | | |
| | Hợp đồng cho mượn vốn số 02/2021/TTMV/HY-SGT ngày 06/05/2021 giữa SGT và CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên | 540.000.000.000 | 0 | 540.000.000.000 | 06/05/2023 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định Hội đồng quản trị số 22/2021/QĐ-HDQT ngày 06/05/2021 của SGT thông qua việc mượn vốn từ CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên; - Hợp đồng cho mượn vốn số 02/2021/TTMV/HY-SGT ngày 06/05/2021 giữa SGT và CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên; - Văn bản ủy quyền số 02/2021/UQ-HY ngày 05/05/2021; - Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/03/2022 với tổng dư nợ gốc: 882.000.000.000 VND, tổng lãi vay phát sinh: 6.550.794.519 VND. |